

# Giáo Sĩ Việt Nam

**Bán nguyệt san – Số 215 – Chúa nhật 02/02/2014**

**Giáo sĩ: ĐƯỢC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Dt, 5.1)**

[www.conggiaovietnam.net](http://www.conggiaovietnam.net)

[giaosivietnam@gmail.com](mailto:giaosivietnam@gmail.com)

## MỤC LỤC

Xây Dựng Cộng Đoàn Quốc Tế .....	Vatican 2
VẠN SỰ NHƯ Ý AI ? .....	Lm. Vinh Sơn Phạm Trung Thành, dcct.
MỪNG XUÂN GIÁP NGỌ NÓI VỀ MẾN CHÚA YÊU NGƯỜI .....	Lm. PX. Nguyễn Hùng Oánh
KHÔNG AI CÓ THỂ BỊ LOẠI TRỪ KHỎI ƠN CỨU ĐỘ (ĐỨC THÁNH CHA CẦU NGUYỆN CHO EM BÉ BỊ ÁM SÁT VÀ NHỮNG NẠN NHÂN CỦA ÁP BỨC) .....	Bác sĩ Nguyễn Tiến Cảnh
HÃY KÝ THÁC ĐƯỜNG ĐỜI CHO CHÚA .....	Lm. Anton Nguyễn Văn Độ
NHỮNG KHUÔN MẶT PHỤ NỮ TRONG GIA PHẢ ĐỨC GIÊSU KITÔ. (MT 1,1-16) .....	Lm. Giuse Nguyễn Công Đoàn, SJ.
ÁNH SÁNG VÀ BÓNG TỐI TRONG TIN MỪNG GIO-AN .....	Lm. Jos. Lê Minh Thông, OP.
15 ĐIỂM TÓM LƯỢC THÔNG điệp LUMEN FIDEI .....	Emmanuel Đinh Quang Bàn dịch
VẤN-ĐỀ TÔN-SÙNG ĐỨC BÀ MARIA .....	Gs. Trần Văn Toàn.
ĐỐI THOẠI NĂM ĐỨC TIN: ĐẤU LÀ TÔN GIÁO ĐÍCH THỰC MANG LẠI HẠNH PHÚC CHO CON NGƯỜI .....	Lm. Đan Vinh, HHTM
TÍNH TÂM LINH MỤC ĐOÀN GIÁO PHẬN VINH .....	Lm. Micae Phaolo Trần Minh Huy, pss.
RƯỢU XUÂN NÊN UỐNG VỪA THỜI .....	Bác sĩ Nguyễn Ý Đức, MD.

## Xây Dựng Cộng Đoàn Quốc Tế

**Thánh Công Đồng Chung Vaticanô II**

**Hiến Chế Mục Vụ**

**Về Giáo Hội Trong Thế Giới Ngày Nay**

**Gaudium Et Spes**

**Prepared for Internet by Vietnamese Missionaries in Asia**

**Phần Thứ Hai**

**Chương V**

**Cổ Vỡ Hòa Bình Và Xây Dựng Cộng Đoàn Các Dân Tộc (tiếp theo)**

## **Đoạn 2: Xây Dựng Cộng Đoàn Quốc Tế**

**83. Nguyên nhân bất hòa và phương được chữa trị.** Để xây dựng hòa bình, trước hết cần phải tận diệt những nguyên nhân bất hòa giữa con người với nhau, vì chính những nguyên nhân đó nuôi dưỡng chiến tranh, nhất là những bất công. Một số không ít những nguyên nhân này bắt nguồn từ những chênh lệch thái quá trong địa hạt kinh tế, cũng như từ sự trì hoãn những sửa đổi cần thiết. Một số nguyên nhân khác phát sinh từ đầu óc thống trị và miệt thị con người, và nếu tìm hiểu những lý do sâu xa hơn, thì đó là lòng tham lam, nghi kỵ, kiêu căng và những đam mê ích kỷ khác. Vì con người không thể chịu đựng được bao nhiêu hỗn loạn ấy, cho nên dù không có chiến tranh tàn khốc, thế giới vẫn không ngừng bị những tranh chấp giữa con người với nhau và những bạo động làm xáo trộn. Hơn nữa, những tệ hại này còn có mặt trong những tương quan giữa chính các quốc gia, cho nên để chiến thắng hay ngăn ngừa những tệ hại đó và chặn đứng những bạo động cuồng loạn, triệt để cần phải phối hiệp và tổ chức các cơ quan quốc tế một cách tốt đẹp và vững chắc hơn. Cũng cần phải luôn luôn khuyến khích việc thành lập những cơ quan cổ võ cho hòa bình.

**84. Cộng đoàn các dân tộc và các cơ quan quốc tế.** Ngày nay mối dây tương quan giữa các công dân và các dân tộc trên thế giới mỗi ngày một thêm chặt chẽ. Do đó, muốn tìm công ích đại đồng một cách thích ứng và thể hiện một cách hữu hiệu hơn, cộng đồng các dân tộc cần phải được tổ chức theo một thể thức hợp với công cuộc hiện thời, nhất là liên quan đến rất nhiều miền cho tới nay vẫn còn đang chịu cảnh túng thiếu cơ cực.

Để đạt được những mục tiêu nói trên, các cơ quan của cộng đoàn quốc tế tùy theo phạm vi mình, phải đáp ứng những nhu cầu muôn mặt của con người trong lãnh vực xã hội như lương thực, sức khỏe, giáo dục, việc làm, cũng như trong một vài hoàn cảnh đặc biệt có thể gặp tại vài nơi, chẳng hạn cần phải cổ võ sự thăng tiến tổng quát của các quốc gia trên đường phát triển, phải trợ giúp nỗi đau khổ của những người tị nạn rải rác trên khắp thế giới, hoặc còn phải cứu trợ những người di cư và gia đình họ.

Các cơ quan quốc tế đang có trên toàn thế giới hay tại địa phương chắc chắn đáng được nhân loại ghi ơn nhiều. Những tổ chức này tựa như những cố gắng đầu tiên nhằm đặt nền móng quốc tế cho cả cộng đoàn nhân loại, để giải quyết những vấn đề trầm trọng nhất của thời đại chúng ta, như là cổ võ sự phát triển khắp nơi và ngăn ngừa chiến tranh dưới mọi hình thức. Trong tất cả những lãnh vực này, Giáo Hội hoan hỷ trước tinh thần huynh đệ đích thực đang nảy nở giữa các Kitô hữu và những người ngoài Kitô giáo; tinh thần đó nhằm giúp họ gia tăng thêm mãi mãi nỗ lực để xoa dịu nỗi thống khổ bao la.

**85. Cộng tác quốc tế trong lãnh vực kinh tế** <sup>95\*</sup>. Sự liên đới ngày nay của nhân loại cũng đòi hỏi phải thiết lập một sự cộng tác quốc tế rộng rãi hơn trong lãnh vực kinh tế. Thật vậy, mặc dù hầu hết mọi dân tộc đều được tự trị, tuy nhiên còn lâu họ mới thoát khỏi những chênh lệch thái quá và mọi hình thức lệ thuộc quá đáng, cũng như tránh được mọi nguy cơ trầm trọng từ những khó khăn bên trong.

Sự phát triển của mỗi quốc gia tùy thuộc ở những trợ giúp về nhân sự và tài chánh. Người công dân trong mỗi nước cần phải được chuẩn bị bằng việc giáo dục và huấn nghệ để chấp nhận những nhiệm vụ khác nhau trong đời sống kinh tế và xã hội. Nhằm mục đích trên, cần phải có sự giúp đỡ của những chuyên viên ngoại quốc; khi giúp đỡ, những chuyên viên này đừng xử sự như chủ, nhưng như là những người trợ tá và cộng tác viên. Sự viện trợ vật chất cho các quốc gia đang phát triển chỉ thực hiện được nếu người ta thay đổi sâu rộng những đường lối thương mại hiện có trên thế giới. Hơn nữa, các quốc gia tiến bộ phải giúp cho các quốc gia đó những viện trợ khác nhau dưới hình thức tặng phẩm, cho vay hoặc đầu tư tài chánh. Một bên phải viện trợ cách quảng đại, chứ không vì tham lam, cũng như bên kia phải nhận với tất cả công minh.

Muốn xây dựng một nền kinh tế đích thực cho thế giới cần phải dập tắt lòng ham lợi quá đáng, những tham vọng quốc gia, những khao khát bá chủ về chính trị, mọi mưu tính về mặt quân sự cũng như mọi mưu mô nhằm tuyên truyền và bắt phải theo một ý thức hệ. Người ta đề ra nhiều hệ thống kinh tế và xã hội. Ước gì các nhà chuyên môn có thể dựa trên đó mà

tìm ra những căn bản chung cho một nền mậu dịch quốc tế lành mạnh. Điều đó dễ đạt được nếu mỗi người từ bỏ thành kiến riêng và mau mắn đi tới đối thoại một cách chân thành.

**86. Vài tiêu chuẩn thích hợp.** Những tiêu chuẩn sau đây xem ra thích hợp cho việc cộng tác trên:

a) Các dân tộc đang phát triển cần phải chú tâm nhiều đến việc theo đuổi sự phát triển toàn vẹn cho người công dân; một cách rõ ràng và cương quyết, họ phải theo đuổi việc phát triển này như mục tiêu của sự tiến bộ. Họ phải nhớ rằng sự tiến bộ phát sinh và gia tăng trước hết là tùy thuộc ở sự làm việc và tài nghệ của chính dân tộc mình, nghĩa là sự tiến bộ không chỉ căn cứ vào viện trợ của ngoại bang, nhưng tiên vàn căn cứ vào việc khai thác đầy đủ những tài nguyên của xứ sở cũng như vào việc phát triển văn hóa và truyền thống riêng của mình. Trong vấn đề này, những ai có ảnh hưởng trên người khác hơn cả cần phải nêu gương hơn hết.

b) Bổn phận nặng nề nhất của các quốc gia tiến bộ là giúp đỡ các dân tộc đang phát triển chu toàn những phận vụ nói trên. Do đó, ngay trong quốc gia mình, họ phải thích nghi về mặt tinh thần cũng như vật chất cần thiết để thiết lập sự cộng tác đại đồng này.

Như thế, khi giao dịch với các quốc gia nghèo yếu hơn, họ phải quan tâm đặc biệt đến lợi ích của các quốc gia này: vì các quốc gia này sống còn là tùy ở nguồn lợi từ những sản phẩm bán ra.

c) Bổn phận của cộng đoàn quốc tế là phối hợp và cổ võ sự phát triển, tuy nhiên tài nguyên dành cho việc phát triển phải được phân phối hết sức hữu hiệu và hoàn toàn công bằng. Dù vẫn giữ nguyên tắc trách nhiệm bổ trợ, cộng đoàn quốc tế cũng phải điều hòa các mối bang giao kinh tế trên toàn thế giới, làm sao để các mối bang giao đó được thể hiện trong các quy tắc của công bình.

Phải thiết lập những tổ chức có thể cổ võ và điều hành những mậu dịch quốc tế nhất là với các quốc gia kém mớ mang, để bù đắp những khuyết điểm do sự chênh lệch thái quá về thế lực giữa các quốc gia. Đường lối tổ chức trên cùng với sự trợ giúp kỹ thuật, văn hóa và tài chánh, sẽ giúp các quốc gia đang phát triển có những phương tiện cần thiết để có thể mở mang kinh tế một cách thích hợp.

d) Trong nhiều trường hợp, nhu cầu cấp bách đòi hỏi phải xét lại các cơ cấu kinh tế và xã hội. Tuy nhiên phải coi chừng những giải pháp kỹ thuật chưa được chín mùi, nhất là những giải pháp đi ngược lại đặc tính thiêng liêng và sự phát triển con người, mặc dù đem lại cho con người những tiện ích vật chất: vì "con người không phải chỉ sống bằng cơm bánh nhưng còn bằng mọi lời từ miệng Thiên Chúa phán ra" (Mt 4,4). Bất cứ thành phần nào của gia đình nhân loại cũng đều mang trong mình và trong những truyền thống tốt đẹp nhất của mình một phần kho tàng thiêng liêng mà Thiên Chúa đã ủy thác cho nhân loại, dù cho nhiều người không biết nó phát xuất từ nguồn gốc nào.

**87. Hợp tác quốc tế trong vấn đề gia tăng dân số.** Sự hợp tác quốc tế là một vấn đề hết sức cần thiết, khi một số dân tộc ngày nay, không kể bao nhiêu khó khăn khác, còn rất thường gặp phải một số khó khăn đặc biệt nữa phát sinh từ sự gia tăng dân số quá nhanh. Nhờ sự hợp tác hoàn toàn và đặc lực của mọi quốc gia, nhất là những nước giàu, điều khẩn trương là phải nghiên cứu làm sao để có thể chuẩn bị và chia sẻ cho toàn thể nhân loại những gì cần thiết cho sự sống và cho việc giáo dục thích hợp của con người. Thực thế, một số quốc gia sẽ có thể cải thiện hoàn cảnh sinh sống của họ rất nhiều, nếu một khi được huấn luyện đầy đủ, họ chuyển từ những phương pháp canh tác nông nghiệp cổ hủ đến những kỹ thuật tối tân và biết áp dụng chúng vào những hoàn cảnh của họ với sự khôn khéo cần thiết; vả lại, nếu họ biết thiết lập một trật tự xã hội tốt đẹp hơn và phân chia đất đai một cách công bình hơn.

Trong phạm vi thẩm quyền của mình, dĩ nhiên chính phủ có quyền và có bổn phận đối với vấn đề dân số trong quốc gia mình: chẳng hạn vấn đề liên quan đến luật xã hội và gia đình, vấn đề di dân từ thôn quê về thành thị, vấn đề thông tin về tình hình và nhu cầu quốc gia. Ngày nay, người ta chú trọng rất nhiều đến vấn đề này, do đó, ước gì những người công

giáo chuyên môn trong lãnh vực này, nhất là trong các Đại Học, hãy kiên nhẫn theo đuổi và phát huy sâu rộng những nghiên cứu cũng như những công cuộc của họ.

Nhiều người quả quyết rằng sự gia tăng dân số trên thế giới hay ít ra tại một vài quốc gia cần phải được giảm thiểu hoàn toàn bằng mọi phương tiện và bằng bất cứ sự can thiệp nào của chính quyền. Do đó, Công Đồng khuyến cáo mọi người nên đề phòng những giải pháp đi ngược lại luật luân lý <sup>96\*</sup> đang được đề cao một cách công khai hay riêng tư và đôi khi có tính cách bắt buộc. Vì quyền kết hôn và sinh sản là quyền bất khả di nhượng của con người, cho nên việc định đoạt số con cái sẽ sinh ra tùy thuộc ở phán đoán thẳng thắn của cha mẹ chứ không thể nào ủy thác cho sự quyết định của chính quyền. Nhưng sự phán đoán của cha mẹ giả thiết là họ phải có một lương tâm được huấn luyện ngay thẳng, do đó điều quan trọng là làm sao cho mọi người đạt được một trình độ trách nhiệm đứng đắn và thật sự của một con người, một trách nhiệm biết tôn trọng luật Thiên Chúa mà vẫn không bỏ quên hoàn cảnh và thời đại. Điều này còn đòi hỏi phải cải thiện khắp nơi tình trạng giáo dục và xã hội, nhất là cần phải có một nền giáo dục tôn giáo hay ít ra phải có một nền giáo dục đầy đủ về luân lý. Hơn nữa, dân chúng cần phải được hiểu biết cẩn thận về những tiến bộ khoa học trong việc tìm kiếm các phương pháp có thể giúp đôi vợ chồng điều hòa sinh sản, miễn là các phương pháp này được chứng minh rõ ràng là chắc chắn và được nhìn nhận là phù hợp với trật tự luân lý.

**88. Bốn phận của Kitô hữu trong việc cứu trợ.** Người Kitô hữu phải sẵn sàng và hết lòng cộng tác xây dựng trật tự quốc tế, một thứ trật tự tôn trọng những quyền tự do hợp pháp và tình bằng hữu huynh đệ với hết mọi người. Họ càng phải sẵn sàng thực hiện công cuộc ấy hơn nữa, vì hiện thời đại đa số nhân loại còn đang đau khổ bần cùng đến nỗi chính Chúa Kitô hiện thân trong kẻ nghèo khổ như đang lớn tiếng đòi hỏi các môn đệ của Người phải bác ái. Vậy phải tránh gương mù của một số quốc gia mà đa số dân chúng thường mang danh Kitô hữu, đang thản nhiên hưởng thụ quá nhiều của cải trong lúc nhiều quốc gia khác sống thiếu thốn cùng cực, bị đói khát, bệnh tật và đủ mọi thứ bất hạnh dày vò. Tinh thần khó nghèo và bác ái mới là vinh dự và dấu chứng của Giáo Hội Chúa Kitô.

Thế nên, phải khen ngợi và cổ võ những người Kitô hữu, nhất là các bạn trẻ, tự nguyện hiến thân phục vụ tha nhân và các quốc gia khác. Lại nữa, bốn phận của toàn thể Dân Chúa là theo gương lành và lời giảng dạy của các Giám Mục để tùy sức xoa dịu những khốn cùng của thời đại này, chẳng những với phần thặng dư mà còn cả phần thiết dụng của mình nữa như Giáo Hội thời xưa quen làm.

Cách lạc quyền và phân phối viện trợ, dù không được tổ chức chặt chẽ và đồng nhất thì ít nữa cũng phải được thực hiện cách đứng đắn trong các giáo phận, các quốc gia và trên toàn thế giới; ở bất cứ nơi nào xem ra thuận tiện, hoạt động của Công Giáo phải hợp tác chặt chẽ với các anh em Kitô hữu khác. Tinh thần bác ái chẳng những không ngăn trở mà còn đòi hỏi việc tiên liệu và tổ chức hoạt động xã hội cũng như từ thiện cho quy củ. Vì thế, những người tình nguyện dẫn thân phục vụ các quốc gia đang phát triển cần phải được huấn luyện trong các trường chuyên môn để họ trở thành những cán bộ thành thạo.

**89. Sự hiện diện hữu hiệu của Giáo Hội trong cộng đoàn quốc tế.** Dựa vào sứ mệnh Chúa ủy thác, Giáo Hội rao giảng Phúc Âm cho mọi người và phân phát các kho tàng ân sủng; và ở bất cứ nơi nào trên hoàn cầu, Giáo Hội cũng góp phần củng cố hòa bình và thiết lập nền tảng vững chắc cho sự liên đới huynh đệ của con người và của các dân tộc: nền tảng này làm cho mọi người hiểu biết về luật Thiên Chúa và luật tự nhiên. Vì thế, Giáo Hội nhất thiết phải có mặt ngay giữa lòng các dân tộc để khơi động và thôi thúc sự hợp tác giữa mọi người và Giáo Hội hoạt động được vậy là nhờ các cơ quan chính thức của mình, cũng như nhờ sự cộng tác tận lực và chân thành của mọi Kitô hữu, chỉ theo đuổi một ước nguyện là phục vụ tất cả mọi người.

Kết quả sẽ bảo đảm hơn, nếu chính các tín hữu ý thức trách nhiệm làm người và làm Kitô hữu, cố gắng thúc đẩy ước muốn sẵn sàng cộng tác với cộng đoàn quốc tế ngay trong môi trường sinh hoạt của mình. Về vấn đề này nên đặc biệt chú tâm đào tạo các thế hệ trẻ trong khi giáo dục tôn giáo cũng như huấn luyện công dân.



**90. Vai trò của các Kitô hữu trong những tổ chức quốc tế.** Công cuộc hợp tác cá nhân hay tập thể với chính những tổ chức hiện có hay sắp thành hình nhằm cổ võ việc hợp tác giữa các quốc gia là một hình thức hoạt động quốc tế tuyệt hảo của các Kitô hữu. Lại nữa, những hiệp hội công giáo quốc tế khác nhau còn có thể góp sức bằng nhiều cách để xây dựng một cộng đoàn các dân tộc trong hòa bình và huynh đệ. Phải củng cố các hiệp hội này bằng cách gia tăng số hội viên đã được huấn luyện kỹ lưỡng, bằng cách giúp đỡ các phương tiện cần thiết cũng như phối hợp chặt chẽ các năng lực. Thật vậy, thời đại chúng ta đòi hỏi sáng kiến tập thể để hoạt động hữu hiệu và thỏa mãn nhu cầu đối thoại. Lại nữa, những hình thức tổ chức ấy góp phần không ít vào việc gia tăng ý thức đại đồng là điều rất hợp với người công giáo, cũng như vào việc khai sinh ý thức liên đới và trách nhiệm quốc tế thực sự.

Sau cùng, ước mong rằng người công giáo tìm cách hợp tác tích cực và thiết thực hoặc với các anh em ly khai cùng tuyên xưng một tình bác ái Phúc Âm, hoặc với tất cả mọi người đang khao khát hòa bình chân chính, để chu toàn đứng đắn nghĩa vụ của mình trong cộng đoàn quốc tế.

Ngày nay, nhìn nổi thống khổ bao la đang đè nặng trên đa số nhân loại và để cổ võ sự công chính, đồng thời cổ võ tình yêu Chúa Kitô đối với người nghèo khổ ở khắp nơi, Công Đồng cho là rất đáng mong ước việc thiết lập một cơ quan chung cho toàn thể Giáo Hội, có nhiệm vụ thôi thúc cộng đoàn công giáo hầu cổ võ sự phát triển trong các vùng nghèo khổ cũng như cổ võ công bình xã hội giữa các quốc gia. <sup>97\*</sup>

### **Kết Luận <sup>98\*</sup>**

**91. Bản phận của mỗi tín hữu và của các Giáo Hội địa phương.** Những điều mà Thánh Công Đồng này đề nghị được rút ra từ kho tàng giáo lý của Giáo Hội. Mục đích là giúp đỡ mọi người thời nay, hoặc tin Thiên Chúa hoặc không minh nhiên nhìn nhận Ngài, nhận thức rõ ràng hơn thiên chức toàn diện của mình, kiến tạo thế giới cho hợp với phẩm giá siêu việt của con người hơn, tìm kiếm một tình huynh đệ đại đồng được thiết lập vững chắc hơn và đáp lại những đòi hỏi khẩn thiết trong thời đại chúng ta theo như tình yêu thúc đẩy trong một nỗ lực hợp tác quảng đại.

Thực vậy, trước sự dị biệt lớn lao giữa những hoàn cảnh và những hình thức văn hóa nhân loại trên thế giới, những lời đề nghị trên đây trong nhiều điểm chỉ có ý trình bày một cách tổng quát. Hơn nữa, vì phần nhiều liên hệ đến những vấn đề còn đang biến chuyển không ngừng, nên giáo huấn ở đây, tuy đã được công nhận trong Giáo Hội, nhưng cũng cần được khai triển và tiếp nối thêm nữa. Tuy nhiên, chúng tôi tin chắc rằng nhiều điều mà chúng tôi loan báo dựa trên lời Chúa và tinh thần Phúc Âm, sẽ có thể giúp đỡ mọi người một cách hữu hiệu, nhất là khi các tín hữu theo sự hướng dẫn của Chủ Chăn cố gắng thực hiện công việc thích nghi cần thiết cho từng quốc gia và từng tâm thức khác nhau.

**92. Đối thoại giữa mọi người.** Với sứ mệnh đem sứ điệp Phúc Âm soi chiếu cả thế giới và quy tụ trong một Chúa Thánh Thần tất cả mọi người của mọi quốc gia, chủng tộc hay văn hóa, Giáo Hội trở thành dấu chứng của tình huynh đệ, một mối tình tạo điều kiện và cổ võ một cuộc đối thoại chân thành.

Vậy trước hết, chúng ta cần cổ võ ngay trong lòng Giáo Hội sự quý mến, tôn trọng và hòa thuận với nhau bằng sự chấp nhận mọi dị biệt chính đáng để luôn luôn có thể đối thoại hữu hiệu giữa những phần tử của một Dân Chúa duy nhất, dù là chủ chăn hay các Kitô hữu khác. Thật vậy, những gì liên kết giữa các tín hữu còn mạnh hơn những gì chia rẽ: hiệp nhất trong những gì chính yếu, tự do trong những gì nghi ngờ, bác ái trong hết mọi sự <sup>6</sup>.

Đồng thời, tâm hồn chúng tôi cũng ôm ấp những người anh em và các cộng đoàn của họ, tuy chưa sống hiệp thông trọn vẹn với chúng tôi nhưng vốn liên kết với chúng tôi trong sự tuyên xưng Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần cũng như trong mối dây bác ái; chúng tôi nhớ rằng ngay cả nhiều người không tin vào Chúa Kitô vẫn ước mong và khao khát sự hiệp nhất giữa các tín hữu: quả thực, sự hiệp nhất này càng tiến triển trong chân lý và tình yêu nhờ quyền lực Chúa Thánh Thần, thì càng sẽ là một niềm tiên báo sự hiệp nhất và hòa bình trên toàn thế giới. Vì thế, cùng hiệp lực và hiện đang theo đuổi mục đích cao cả

này cách hữu hiệu dưới những hình thức ngày càng thích hợp hơn, chúng tôi cố gắng mỗi ngày sống phù hợp với Phúc Âm hơn nữa, để hợp tác trong tinh huynh đệ hầu phục vụ gia đình nhân loại đang được mời gọi vào gia đình các con cái Thiên Chúa, trong Chúa Giêsu Kitô.

Do đó, chúng tôi cùng hướng tâm hồn đến tất cả những ai nhìn nhận Thiên Chúa và bảo tồn các yếu tố tôn giáo và nhân bản quý giá trong truyền thống riêng. Chúng tôi ước mong đối thoại cởi mở để dẫn đưa tất cả chúng ta đến chỗ trung thành đón nhận và hăng hái thực hiện những gì Chúa Thánh Thần thôi thúc. Niềm ước mong đối thoại đó chỉ do lòng yêu chân lý hướng dẫn và dĩ nhiên vẫn giữ được sự khôn ngoan thích hợp; về phần chúng tôi, niềm ước vọng này không loại trừ một ai hết: từ những người đang tôn thờ những giá trị tinh thần nhân bản cao quý mà chưa nhận biết Đấng Tạo Thành đến những ai chống đối và bách hại Giáo Hội bằng nhiều cách. Vì Thiên Chúa Cha là nguyên lý và cùng đích mọi sự, nên tất cả chúng ta đều được kêu gọi làm anh em với nhau. Và vì thế, được gọi lãnh nhận thiên chức làm người và làm con Thiên Chúa, chúng ta có thể và phải cộng tác, không bạo động, không xảo trá để xây dựng một thế giới trong hòa bình đích thực.

**93. Xây dựng và dẫn đưa thế giới tới cùng đích.** Nhớ lại lời Chúa: "Nếu các con thương yêu nhau, thiên hạ sẽ cứ dẫu ấy mà nhận biết chúng con là môn đệ Thầy" (Gio 13,35), người Kitô hữu không thể tha thiết mong ước gì hơn là luôn được phục vụ con người trong thế giới ngày nay cách quảng đại và hữu hiệu hơn. Thật vậy, trong khi trung thành gắn bó với Phúc Âm và thừa hưởng những năng lực của Phúc Âm, cũng như liên kết với mọi người yêu chuộng và thực hiện công bình, người Kitô hữu nhận lãnh một sứ mệnh lớn lao phải chu toàn ở trần gian này và phải trả lễ với Đấng sẽ phán xét mọi người trong ngày sau hết. Không phải những ai nói "lạy Chúa, lạy Chúa" sẽ được vào nước trời, nhưng chỉ có những ai thực hiện ý Chúa Cha <sup>7</sup> và can đảm làm việc. Thực thế, Chúa Cha muốn chúng ta nhìn nhận Chúa Kitô là anh cả trong tất cả mọi người và yêu mến Người cách cụ thể bằng lời nói cũng như bằng việc làm. Như vậy, chúng ta làm nhân chứng cho Chân Lý và truyền thông cho kẻ khác mầu nhiệm tình yêu của Chúa Cha trên trời. Nhờ đó, mọi người trên khắp địa cầu sẽ thấy nảy sinh một niềm hy vọng mãnh liệt, đó là ân huệ của Chúa Thánh Thần, để sau cùng được hưởng hòa bình và hạnh phúc tuyệt vời trong quê hương rạng ngời vinh quang Chúa <sup>99\*</sup>.

"Kính chúc Đấng quyền năng làm được mọi sự cách hết sức phong phú hơn điều ta cầu xin hay nghĩ tưởng tùy theo quyền phép của Ngài hằng hoạt động giữa chúng ta, kính chúc Ngài vinh quang trong Giáo Hội và trong Chúa Giêsu Kitô trong mọi thế hệ muôn đời. Amen" (Eph 3,20-21).

Tất cả và từng điều đã được ban bố trong Hiến Chế Mục Vụ này đều được các Nghị Phụ Thánh Công Đồng chấp thuận. Và, dùng quyền Tông Đồ Chúa Kitô trao ban, hiệp cùng các Nghị Phụ khả kính, trong Chúa Thánh Thần, Chúng Tôi phê chuẩn, chế định và quyết nghị, và những gì đã được Thánh Công Đồng quyết nghị, Chúng Tôi truyền công bố cho Danh Chúa cả sáng.

Roma, tại Đền Thánh Phêrô, ngày 7 tháng 12 năm 1965

Tôi, Phaolô Giám Mục Giáo Hội Công Giáo.

Tiếp theo là chữ ký của các Nghị Phụ.

---

Chú thích:

**95\*** Trong phần hai này, Công Đồng nhấn mạnh nhiều nhất đến sự cộng tác với nhau trong lãnh vực kinh tế. "Sự phát triển là danh hiệu mới của hòa bình" (Phaolô VI, Populorum Progressio, số 87). Không phải vì khi có đầy đủ mọi sự vật chất đã là hết tất cả các nguyên

nhân (sự bất công, ích kỷ, tham lam, kiêu căng...) có thể gây nên chiến tranh, nhưng vì trường hợp thiếu bình đẳng giữa các dân tộc là một trong các nguyên nhân quan trọng nhất gây nên sự bất công cũng như tinh thần đố kỵ (PP., số 55).

**96\*** Nếu dân số gia tăng quá mau, những nỗ lực để phát triển mức độ kinh tế có thể bị ngăn chặn rất nhiều (PP., số 37). Công Đồng nhắc lại một số phương pháp có thể giúp giải quyết vấn đề đó: a) Nhờ sự cộng tác của các dân tộc, nhất là dân tộc tiên tiến, để tìm cách sinh nhai và nâng cao mức độ học thức, b) canh tân phương pháp trong lãnh vực nông nghiệp, c) đổi mới trật tự xã hội, d) phân chia lại ruộng đất cách công bình hơn, e) nhờ pháp luật gia đình và xã hội, f) nhờ chính sách di dân, g) nhờ sự truyền tin về tình hình quốc gia, h) nhờ công việc nghiên cứu kinh tế xã hội tại các viện đại học...

Dĩ nhiên các phương pháp đó lúc đầu đòi hỏi món tiền rất lớn. Bởi vậy các chính phủ có thể có khuynh hướng bắt buộc công dân áp dụng phương pháp tận gốc: làm chậm sự gia tăng dân số bằng những phương pháp vi phạm đến nhân phẩm: "Mỗi mỹ kim chúng ta cung cấp để hạn chế sinh sản giúp chúng ta tiết kiệm được hơn, một trăm mỹ kim mà chúng ta sẽ phải chi phí để phát triển nền kinh tế lạc hậu". Câu nói này của Tổng Thống Hoa Kỳ Johnson, cũng như chương trình hạn chế sinh sản tại một số quốc gia như Ấn Độ, Đài Loan, v.v... khiến ta ý thức về sự hợp thời của lời cảnh cáo do Công Đồng tuyên bố. Riêng về nạn đói, là vấn đề đã làm cho giới trách nhiệm phải lo lắng rất nhiều mấy năm trước đây, báo Time (3-10-1969, 22) viết: "...kỹ thuật nông thôn đã chứng tỏ rằng sự sản xuất thực phẩm có thể lớn hơn sự gia tăng dân số". Thực sự, nhiều lúc vấn đề không phải là vấn đề sản xuất nhưng là vấn đề chuyên chở, phân phối, giá thị trường, và vấn đề tổ chức cũng như cộng tác giữa các quốc gia.

**97\*** Ngày 7-7-1966, Đức Phaolô VI đã chỉ định một ủy ban lâm thời với nhiệm vụ dự thảo đường lối thực hiện ý muốn của Công Đồng. Rồi ngày 6-1-1967, Đức Giáo Hoàng đã thiết lập ủy ban nghiên cứu "Công Lý và Hòa Bình" tại Vaticanô. Ủy ban chuyên tâm khảo cứu những vấn đề thiết thực mới thành hình liên can đến thế giới.

Được ủy ban khuyến khích, Hội Đồng các Giám Mục Việt Nam họp tại Sài Gòn vào đầu năm 1969 đã chỉ thị thành lập phong trào Công Lý Hòa Bình tại Việt Nam nhằm đem Giáo Hội vào thế giới ngày nay và góp phần vào cuộc đại cách mạng thế giới. Đây không phải là cuộc cách mạng chính trị, nhưng là một cuộc cách mạng nhân bản và tôn giáo: làm sao để không còn phân biệt lối sống đạo trong nhà thờ và sinh hoạt trần thế ngoài nhà thờ nữa. Trong cuộc cách mạng này phải có ý thức tôn giáo, ý thức công dân, ý thức cải tiến.

**98\*** Tất cả những điều Công Đồng đề nghị ở trên nhằm giúp mọi người góp phần để kiện toàn thế giới trong tinh thần huynh đệ (số 91a). Dĩ nhiên cần phải áp dụng những nguyên tắc đó cho thích hợp với trường hợp của từng địa phương (b).

Giáo Hội là dấu chứng cho sự hiệp nhất (số 92a), trước hết mình phải tự hiệp nhất (b), rồi tìm cách cộng tác với các anh em ly khai, cá nhân cũng như cộng đoàn (c), và đối thoại cởi mở với tất cả những ai có lòng tin nơi Đấng Tối Cao (d). Hơn nữa, về phần Giáo Hội, Giáo Hội không loại trừ người vô thần và ngay cả những ai chống đối Giáo Hội (e).

Tình yêu Chúa thúc đẩy chúng ta hoạt động để xây dựng thế giới (số 93a) và làm vinh danh Thiên Chúa (b). **6** Xem Gioan XXIII, Tđ. Ad Petri Cathedram, 29-6-1959: AAS 55 (1959), trg 513.

**7** Xem Mt 7,21.

**99\*** Sau khi chúng ta đọc Hiến Chế Mục Vụ rồi, Công Đồng khuyên mỗi người chúng ta như Chúa Giêsu xưa bảo luật sĩ: "Hãy về bắt chước làm như vậy" (Lc 10,37). Hiến Chế đã nhắc lại rất nhiều bổn phận, đã cho biết rất nhiều nhiệm vụ khẩn cấp, đã khuyên bảo về rất nhiều điều thiếu sót của cá nhân hay cộng đoàn trong Giáo Hội. Nhưng điều căn bản để sống đạo cũng như để mưu ích cho thế giới là điều răn mới của Chúa Giêsu, bao gồm tất cả những điều răn khác (Rm 13,8; Gal 5,14). Sau khi luật sĩ trả lời rằng: "Luật Chúa dạy ta phải kính mến Thiên Chúa hết lòng, hết linh hồn và hết trí khôn, lại thương yêu người thân cận như chính mình vậy". Chính Chúa Giêsu đã phán: "cứ làm như thế sẽ được sống" (Lc 10,26-

28). Nhờ Chúa Thánh Thần ban cho ta sự yêu thương đó (Rm 5,5), nghĩa là tham dự vào tình yêu của Chúa Kitô (Rm 8,35.39), mỗi Kitô hữu sẽ hoạt động để xây dựng thế giới mới và phục vụ mọi người khác. Dưới sự hướng dẫn của Hàng Giáo Phẩm, chúng ta sẽ tìm cách áp dụng nguyên tắc chung trong Hiến Chế vào hoàn cảnh thực tế của từng địa phương mình sống.

## VỀ MỤC LỤC

### VẠN SỰ NHƯ Ý AI ?

***“Ai thi hành ý muốn của Thiên Chúa,  
người ấy là anh em chị em tôi, là mẹ tôi.”***

(Mc. 3, 31 – 35)

Những ngày xuân đã tràn về trên đất nước,  
con cháu bị bao lời vàng ngọc để chúc nhau.

Lời khen, lời chúc, lời cầu,

có lời nào bắt nguồn từ lời Chúa,

hay lại thêu dệt những mỹ từ nhảy múa,

kiểu nhân gian, kiểu thế giới lọc lừa.

Có lời nào chúc “vạn sự như ý Chúa”,

hãy vẫn là “vạn sự như ý” con ?

**Lm. Vinh Sơn Phạm Trung Thành, dcct.**

Thứ ba sau Chúa nhật II TN. A.

28 Tết (28/01/2014)

## VỀ MỤC LỤC

### MỪNG XUÂN GIÁP NGỌ NÓI VỀ MẾN CHÚA YÊU NGƯỜI



Trời đất và con người tạo nên ngày Xuân . Ghét trời , ghét người chẳng có ngày Xuân bao giờ . Đứng ra phải nói luật mến Chúa Trời và yêu người ta làm ra ngày Xuân . Cụ thể năm nay mừng Xuân Giáp Ngọ .

Cho đúng phép : Xuân cộng với Giáo hội đang “Nova Evangelizatio , New Evangelization “, xin ghi câu đối :

**Phúc âm truyền giảng theo cách mới nhanh như ngựa**

**(Ky) Tô hữu sống Lờì phải canh tân mạnh chính mình**



Luật mến Chúa có đối tượng là Chúa, là Ông Trời và phải yêu mến Chúa hết lòng hết sức trên hết mọi sự (xem Mt 22,36-38)

Luật yêu người có đối tượng là con người ta, bất cứ họ là ai và phải yêu thương con người như Chúa yêu thương ta (x Mt 22, 39 và Ga 13,34).



**Xin nghe Lờì Chúa dạy :**

Pharisaei autem audientes quod silentium imposuisset sadducacis, convenerunt in unum . Et interrogavit unus ex eis legis doctor tentans eum : Magister , quod est mandatum magnum in Lege ? Ait autem illi Diliges Dominum Deum tuum in toto corde tuo et in tota anima tua et in tota mente tua : hoc est magnum et primum mandatum . Secundum autem simile est huic : Diliges proximum tuum sicut teipsum . In his duobus mandatis universa Lex pendet et Prophetarum . ( Mt 22 34-40)

( Nghe biết Ngài đã khóa miệng bè Sa đốc thì biệt phái tụ họp lại một chỗ. Đoạn một luật sỹ trong nhóm họ hỏi thử Ngài : ”Thưa Thầy , giới răn nào lớn nhất trong Lễ luật ?” Ngài nói với người ấy :”Người hãy yêu mến Chúa, Thiên Chúa của người, hết lòng người, hết linh hồn người ,và hết trí khôn người. Đó là giới răn lớn, giới răn đệ nhất. Thứ đến cũng giống như điều ấy :” Người hãy yêu mến đồng loại như chính mình người. Toàn thể Lễ luật cùng các tiên tri đều quy vào hai giới răn ấy ( cha Nguyễn thế Thuấn dịch ).

Mandatum novum do nobis, ut diligatis invicem ; sicut dilexistis vos. ut et vos diligatis invicem (Ga 13,34) : Thầy ban cho anh em một điều răn mới: là hãy yêu thương nhau như Thầy đã yêu thương anh em .

Các thánh dạy :

Voici donc qu' il envoie ses disciples en prédications deux par deux , parce que les commandements de la charité sont deux : l' amour de Dieu et du prochain . ( Homélie de St Grégorien le grand . Le Seigneur envoie ses disciples {les Traductions et la Liturgie,Commission Internationale Franco phone Edts Cerf- Déclée de Brouwer – Mame , tome 1 ) (Lý do Chúa sai từng nhóm gồm hai môn đệ đi rao giảng vì các giới răn bác ái dồn lại chỉ có hai giới răn : mến Chúa và yêu tha nhân )

Rappelez- vous avec moi, mes frères , quels sont ces deux préceptes . Car ils doivent être bien connus , et ne pas venir seulement à notre esprit de temps en temps , quand nous nous souvenons ; ils ne doivent jamais s' effacer de nos coeurs . Songez toujours qu' il faut absolument aimer Dieu et le prochain : Dieu de tout ton coeur , de toute ton âme et de tout ton esprit et ton prochain comme toi-même ( Homélie de saint Augustin sur l' Évangile de Jean , La liturgie des heures , Le cerf- Déclée de Brouwer ) (anh em thân mến, xin anh em cùng tôi nhắc lại hai điều đó là gì ? Rõ ràng cần phải biết tường tận chứ không phải biết thoáng qua trong trí chốc lát thôi, để không bao giờ hai điều luật đó xóa mất trong lòng anh em. Hãy luôn nghĩ rằng : phải tuyệt đối yêu mến Thiên Chúa và yêu mến tha nhân nghĩa là yêu mến Chúa hết lòng hết linh hồn và hết trí khôn và thương yêu tha nhân như là tôi thương tôi, Bài giảng thánh Augustinô về Tin Mừng theo Gioan)

Lời nguyện trong Sách Lễ (Chúa nhật 25 Mùa Thường niên)

Bản Latinh : Deus, qui sacrae legis omnia constituta in tua et proximi dilectione posuisti. da nobis , ut, tua praecépta servantes, ad vitam mereamur pervenire perpetuam . Per Dominum.

Bản tiếng Pháp : Seigneur, tu as voulu que toute loi consiste à t'aimer et à aimer son prochain : donnez-nous de garder tes commandements et de parvenir ainsi à la vie éternelle . Par Jésus. (Missel de l' assemblée dominicale , Publications de Saint-André Éditions Brepols 1997 )

Lời nguyện này Ủy Ban Phụng Tự Hội Đồng Giám Mục Việt Nam dịch năm 1992 và Các Phụng Vụ Giờ kinh dịch trước đó : Lay Chúa, Chúa đã thu gọn toàn thể lề luật thánh vào giới răn độc nhất là mến Chúa yêu người ; xin giúp chúng con hằng vâng giữ điều Chúa truyền dạy, sau này đạt tới phúc trường sinh. Chúng con cầu xin .....

Chúng tôi nghĩ rằng dịch hai giới răn mến Chúa và yêu người thành một giới răn độc nhất trong khi hai giới răn này có đối tượng khác nhau thì không ổn. Không thể nghĩ rằng tôi mến Chúa là yêu người rồi hoặc tôi yêu người là tôi mến Chúa rồi nên không phải đi lễ , chịu các Bí tích v.v . Chúng tôi dịch : Lay Chúa, Chúa muốn tất cả lề luật cốt tại mến Chúa và yêu người : xin cho chúng con tuân giữ các điều răn Chúa như vậy chúng con được đạt tới đời sống vĩnh cửu. Chúng con cầu xin.....

Trước năm 1975 có một linh mục ngoại quốc làm việc bác ái ở Sg, ngài chủ trương bác ái giúp người nghèo, tàn tật là quan trọng nhất, đọc kinh, lần hạt v.v là việc không cần thiết . Một thời gian sau , ngài hỏi tục ! Thật sự cần ơn Chúa trước bằng Phụng vụ, bằng đạo đức bình dân , mới có thể giúp người vững bền được .

Lm Fx Nguyễn Hùng Oánh

## VỀ MỤC LỤC

### **KHÔNG AI CÓ THỂ BỊ LOẠI TRỪ KHỎI ƠN CỨU ĐỘ (ĐỨC THÁNH CHA CẦU NGUYỆN CHO EM BÉ BỊ ÁM SÁT VÀ NHỮNG NAN NHÂN CỦA ÁP BỨC)**

Bác sĩ Nguyễn Tiến Cảnh, MD.

Nhân buổi cầu nguyện Chúa Nhật (Angelus Sunday) 27-1-2014, Đức Phanxico đã hướng dẫn suy niệm về mục vụ công khai của chúa Giesu qua việc tuyển chọn các môn đệ đầu tiên là Simon, Anre, Giacobe, Gioan khi Người nói với họ “*Hãy theo ta...*” thì cũng có nghĩa Người kêu gọi mỗi một người chúng ta hãy theo Chúa. Cũng trong buổi cầu nguyện này, Đức Phanxico đặc biệt nhớ tới một em bé 3 tuổi bị Mafia giết và nạn nhân của những cuộc biểu tình chống chính phủ ở Ukraine. Đức Thánh Cha (ĐTC) kêu gọi những tên sát nhân hãy ăn năn thống hối và trở về với Chúa.



Chúng tôi tóm lược bài cầu nguyện này của ĐTC để chúng ta cùng thông công với ngài, với tất cả khách hành hương, suy niệm về lời kêu gọi của Chúa Giesu “*Hãy theo Ta...*” đồng thời cầu nguyện cho những nạn nhân đang bị ức hiếp, trà đạp dưới ách thống trị của độc tài hận thù.

Bài Phúc Âm Mathieu hôm nay (Mt 4:12-23) nhắc nhở chúng ta hồi tưởng lại buổi khởi đầu sứ vụ của chúa Giesu. Người kêu gọi dân chúng vùng Galilee “*Hãy ăn năn thống hối, vì nước trời đã đến trong tâm tay.*” Galilee là một vùng đặc biệt bởi vì nơi đó có nhiều dân ngoại quốc đổ về sinh sống lập nghiệp. ĐTC cho rằng Galilee là một biểu tượng của “*Phúc*

*Âm rộng mở cho muôn dân.*”

“*Từ quan điểm đó -ĐTC nói- Galilee giống như thế giới ngày nay, là nơi kết hợp mọi nền văn hóa dị biệt, nơi gặp gỡ và đối đầu. Chúng ta cũng vậy, đang từng ngày đắm chìm trong một ‘Galilee của dân ngoại’, và với quang cảnh ấy, chúng ta lo lắng hoảng sợ đến độ phải xây dựng những bức tường thành chung quanh chúng ta để tự bảo vệ và được an toàn hơn.*”

“*Nhưng Chúa Giesu đã dạy chúng ta là những tin tức lạc quan mà Người đem lại cho chúng ta nó không phải chỉ dành riêng cho một phần nhân loại thôi đâu, mà là cho tất cả mọi người. Đây là tin mừng được loan truyền cho những ai đang mong chờ nó và có lẽ cũng cho những người đã sa ngã chối bỏ nó và không còn sức mạnh để theo đuổi và tìm kiếm nó.*”

ĐTC tiếp tục nói, như Chúa Giesu khi khởi đầu mục vụ ở Galilee, đã dạy rằng không một ai có thể bị loại ra khỏi ơn Cứu Độ của Thiên Chúa, trái lại nó còn khởi đầu từ bên lề xã hội. Hiểu như vậy, ta thấy lòng Chúa thương xót được tỏa lan cho toàn thể thế giới. ĐTC còn lưu ý là Chúa Kito đã không chọn làm môn đệ của Chúa những nhà thông thái hay bác sĩ, luật sư nhưng chọn những người dân giã tầm thường như dân thuyền chài chất phác.

Trước khi đọc kinh Angelus, ĐTC đã nói với khách hành hương đang tụ họp tại công trường là Chúa Giesu cũng kêu gọi cùng một cách thức như vậy để loan báo sự xuất hiện của Nước Trời cho “*dân Galilee của thời đại chúng ta.*”

“*Hãy lắng đọng tâm trí -ĐTC nói- để xem Thiên Chúa có kêu gọi anh chị em bước theo Người không. Rồi chúng ta hãy để cho ánh sáng Chúa, tiếng gọi của Chúa xâm nhập chúng ta, và chúng ta hãy bước theo Chúa! Như vậy Tin Mừng Phúc Âm có thể lan rộng đến tận cùng thế giới, chiếu sáng trên cả những ven bìa của thế giới.*”

Theo lời kinh Angelus, Đức Phanxico nói rằng ngài đã hiệp thông trong lời nguyện cho dân tộc Ukraine là nơi hiện đang xảy ra những cuộc biểu tình vĩ đại chống chính phủ đã làm lung lay thủ đô Kiev. ĐTC tưởng nhớ đến những nạn nhân đã thiệt mạng đồng thời kêu gọi đối thoại.

“Tôi ước mong nhìn thấy -ĐTC nói- một cuộc đối thoại được tổ chức giữa những cơ chế nhà nước và xã hội dân sự, để mau kết thúc bạo động, đem lại thắng lợi theo tinh thần hòa bình và theo đuổi thiện ích nơi mọi tâm hồn!”

ĐTC cũng đọc kinh cầu cho Nicolo Campolongo, một bé trai 3 tuổi tuần trước bị bọn Mafia giết. Nhà cầm quyền thì nói rằng, ông của em bé cũng đã bị giết chết cùng với người yêu, họ là cái đích của đám Mafia nổi tiếng còn đó vì thiếu nợ không trả.

Gọi em bé bằng biệt danh Coco, ĐTC muốn tố cáo kẻ sát nhân và kêu gọi tất cả những tên giết người hãy ăn năn thống hối.

“Sự hận thù đối với cả một em bé như vậy -ĐTC nói- quả là chưa từng có trong lịch sử tội ác. Chúng ta hãy cầu nguyện cho Coco. Chắc chắn em đang ở trên thiên đàng cùng với chúa Giesu. Những người đã gây tội ác thì phải ăn năn thống hối và trở về với Chúa.”

Fleming Island, Florida  
Jan. 28, 2014  
NTC

## VỀ MỤC LỤC

### **HÃY KÝ THÁC ĐƯỜNG ĐỜI CHO CHÚA**

## **SUY NIỆM THÁNH LỄ MỒNG MỘT TẾT NĂM GIÁP NGỌ**

### **Mt 6, 25-34**

***“Hãy ký thác đường đời cho Chúa, tin tưởng vào Người, Người sẽ ra tay”***

Chúng ta vừa bước sang Năm Mới, năm Giáp Ngọ. Quý Tỵ qua đi, Giáp Ngọ đã đến. Rắn Quý Tỵ đã bàn giao cho Ngựa Giáp Ngọ.

Ngựa là loài động vật được con người quan tâm đến nhiều nhất vì những đóng góp to lớn trong việc mưu sinh và sự phát triển của con người. Trong thời bình ngựa giúp chúng ta cày bừa, chuyên chở hàng hóa, kéo xe, chở người, chuyển nhanh những thư tín, công văn đến nơi cần đến, vì ngựa là phương tiện di chuyển nhanh nhất thời bấy giờ và tạo những niềm vui cho công chúng như đua ngựa, đi săn, cưỡi ngựa thi bắn tên, làm xiếc thú. Ngựa còn cho ta thịt để ăn và cúng tế, xương nấu cao ngựa làm thuốc, giúp các nhà y học chế ra các loại huyết thanh trị bệnh, huyết thanh chống nọc rắn đã cứu sống vô vàn người bệnh. Ngựa là vật thường được dùng nhiều nhất trong các cuộc chiến tranh, càng được nổi tiếng nhiều hơn vì những công lao của ngựa gắn liền với những chiến công hiển hách của con người. Ngựa được sử dụng trong các đội kỵ binh, kỵ binh, thám mã, truyền tin, tải lương, tải đạn, tải thương, kéo pháo. Ngựa thì có ngựa thồ, ngựa kéo xe và ngựa dùng để cưỡi, loại ngựa cưỡi có con đi mỗi ngày vài trăm km nên được gọi là thiên lý mã. Ngựa có ngựa bạch, ngựa ô, ngựa hồng, ngựa tía, ngựa vằn, ngựa xám, ngựa đỏ (Xích Thố mã)...

Việt Nam ta trong ca dao, tục ngữ và thành ngữ, người ta nói nhiều đến Ngựa, dùng Ngựa để ví von. Chẳng hạn như khi bàn về sự thẳng thắn thì nói : “*Thẳng như ruột Ngựa*”; về sự bất lương: “*Đầu Trâu, mặt Ngựa*”; về tình đoàn kết: “*Một con Ngựa đau, cả tàu không ăn cỏ*”; về sự phú quý: “*Lên Voi, xuống Ngựa*”; về sự không trung thành: “*Thay Ngựa, đổi chủ*”; về sự tham lam: “*Được đầu Voi, đòi đầu Ngựa*”; khi nói về sự bền chí Ngựa ngữ Pháp có câu : “*Muốn đi xa phải giữ sức Ngựa*” ; về sự lãnh đạo: “*Cầm cương, nẩy mực*”; về sự cẩn trọng: “*Nhất ngôn ký xuất, tứ mã nan truy*” (một lời nói ra, bốn Ngựa đuổi không kịp)...

Cho dù Năm Ngựa hay trâu thì cả tháng nay, mọi người đã sửa soạn ăn Tết, ngày Tết, ai cũng có cái cảm tưởng là có cái gì mới vì ai cũng dùng chữ năm mới. Năm mới mọi cái đều phải mới.

Từ mấy hôm nay, chúng ta đã đi chúc tết nhau, thường người dưới tết người trên : con cháu tết ông bà cha mẹ, em tết anh chị, công nhân viên tết thủ trưởng. Kèm theo món quà, tượng trưng cho tấm lòng thơm thảo, lại có những lời chúc thật tốt đẹp cho Năm Mới.

Ngày Tết, người ta chúc mừng nhau:

. *Phúc, lộc, thọ.*

. *Phú, quý, thọ, Khang, ninh.*

. *Đa tử, đa tôn, đa phú quý.*

. *Thăng quan tiến chức*

. *Buôn may bán đắt, nhất bán vạn lợi, một vốn bốn lời.*

Đối với các cha chúng ta thường chúc:

. *Thánh thiện,*

. *Khôn ngoan,*

. *Khỏe mạnh.*

Thi sĩ Trần tế Xương lại chúc :

*Bắt chước ai ta chúc mấy lời :*

*Chúc ai sống ra cái con người.*

Người Việt Nam còn có tục xông nhà, xông đất các gia chủ mong có người hiền, nhanh nhẹn, tử tế đến xông nhà đầu tiên để gia đình có người tốt đặt chân trước nhất sẽ gặp những điều mới, điều tốt lành trong năm mới. Tựu chung lại là mong có được mọi sự may mắn tốt lành.

Những câu chúc mà chúng ta trao cho nhau trong những ngày đầu xuân. Tất cả đều muốn hướng về một tiền đồ thật sáng lạn trong tương lai, đi kèm với một đời sống vật chất thật phong phú. Xem ra, tất cả đều hướng về những cửa cải chóng qua đời này và những thành quả chỉ dừng lại ở trần thế. Chúa mới chính là gia nghiệp, là cùng đích mà con người cần phải kiếm tìm và đó cũng chính là sự tồn tại của con người.

“Các con chớ áy náy về ngày mai”. Chúa luôn muốn mọi người nghĩ đến cùng đích của cuộc sống mình. Tương lai mỗi người đều nằm trong tay quyền năng và sự quan phòng của Thiên



Chúa. Với tình thương và lòng nhân hậu của Ngài, chúng ta luôn tin tưởng và phó thác, bởi Ngài là người Cha luôn muốn những điều tốt nhất cho con cái. Lo lắng, bận rộn, tất bật làm việc để tích lũy và để bảo đảm cho tương lai..tất cả đều tốt và cần thiết, nhưng cũng nên nhớ một điều “nếu như Chúa chẳng xây nhà, thợ nề vất vả cũng là uổng công”.Hãy làm tốt bao nhiêu có thể, những bổn phận và trách nhiệm của mình, phần còn lại hãy phó thác trong tay quan phòng của Thiên Chúa.Ngài sẽ hoàn tất những gì còn lại

Người Kitô hữu cũng có tập tục, truyền thống rất quý là dâng ngày đầu năm cho Thiên Chúa. Dâng những giây phút đầu của một năm, người Kitô hữu mong Chúa đổi mới và chúc lành cho năm mới. Ngay ca nhập lễ thánh lễ minh niên đã viết:” Nguyện Chúa Trời đủ thương và chúc phúc, xin tỏa ánh tôn nhan rạng ngời trên chúng con, cho cả hoàn cầu biết đường lối Chúa, và muôn nước biết ơn cứu độ của Ngài”( Tv 66, 2-3 ).

Từ cái giây phút linh thiêng khi trời đất giao hòa, năm cũ bàn giao cho năm mới. Chúng ta họp nhau đầu để cầu xin Thiên Chúa tuôn đổ muôn vàn ơn phúc cho năm mới qua những lời chúng ta đã muốn cầu chúc cho nhau sức khỏe, điều lành, điều tốt. Và chính ngay lúc khởi đầu của những ngày mới, chúng ta quả đã muốn mọi sự cũ phải được qua đi, cái mới, cái đẹp phải loé rạng, tỏa sáng. Vậy thì trong thánh lễ tân niên nay, chúng ta hãy đặt tin tưởng, cậy trông và phó thác vào Chúa. Bởi tất cả mọi sự đều do Chúa, đều bởi Ngài như lời thánh vịnh viết: “Hãy ký thác đường đời cho Chúa, tin tưởng vào Người, Người sẽ ra tay”.

Ngựa được đưa vào 12 con giáp : Tý (Chuột), Sửu (Trâu), Dần (Cọp), Mão (Mèo), Ngọ (Ngựa), Mùi (Dê), Thân (Khỉ), Dậu (Gà), Tuất (Chó), Hợi (Heo). Nếu ghép vào can – chi thì sẽ có các năm Giáp Ngọ, Bính Ngọ, Mậu Ngọ, Canh Ngọ và Nhâm Ngọ. Ngọ thuộc cực dương vì 12 giờ trưa là giờ Ngọ, tháng 6 là tháng Ngọ cây cối phát triển nhanh.

Người tuổi Ngọ rất tự tin, khá thông minh, tính phóng khoáng, sôi nổi, nhiệt tình, tự do ứng biến tốt, thích những công việc có tính thay đổi, tự do; ít chịu gò bó... Vì thông minh nên thành công cũng nhiều nhưng vì thích tự do nên công việc thường bấp bênh và thất bại cũng lắm.

Tết con Ngựa đã đến. Hy vọng Năm Mới Giáp Ngọ sẽ có nhiều đổi mới để con người, tổ quốc và Giáo hội Việt Nam được phát triển nhanh hơn.

Cầu chúc mọi người Năm Mới nhiều sức khỏe, khàng an thịnh vượng, phát đạt, thăng tiến về tinh thần cũng như vật chất nhờ hồng ân Thiên Chúa tặng ban. Amen.

## Linh mục Antôn Nguyễn Văn Độ

### [VỀ MỤC LỤC](#)

### **NHỮNG KHUÔN MẶT PHỤ NỮ TRONG GIA PHẢ ĐỨC GIÊSU KITÔ. (MT 1,1-16)**

Trong bài trước, “*Ông phải đặt tên...*”, về chương I của sách Tin Mừng *Matthêu*, tôi chưa nói đến những khuôn mặt phụ nữ trong gia phả của Đức Giêsu Kitô. Trong bản văn, mỗi khuôn mặt phụ nữ đều xuất hiện với một “dấu láy” trong giọng văn (dịch sát):

3. Giuđa sinh Pe-ret và De-rac do bà *Ta-ma*

5. San-môn sinh Bô-át do bà *Ra-kháp*

5. Bô-át sinh Ô-vết do bà Rút

6. Vua Đa-vit sinh Sa-lô-môn do vợ của U-ri-gia

16. Gia-cop sinh Giu-se chồng của bà Maria, do bà này mà Đức Giêsu được sinh ra, Đáng được gọi là Kitô.

## I. Những người phụ nữ này là ai?

**1/ Ta-ma:** Người phụ nữ thứ nhất là Ta-ma, người phụ nữ công chính. Sách Sáng Thế kể về Bà trong chương 38, như một khoảng nghỉ khi đang kể chuyện dài về ông Giuse. Câu chuyện của bà này thật éo le. Ông Giu-đa lấy vợ người Ca-na-an, sinh được ba đứa con trai. Ông cưới cho con trai đầu lòng một người vợ tên là Ta-ma (dĩ nhiên cũng là người Ca-na-an như vợ ông). Con cả chết mà không có con, theo luật thừa kế, người con trai thứ hai phải “*chu toàn nhiệm vụ của một người em chồng và làm cho anh có người nối dõi*”. Cậu này nhận nhiệm vụ một nửa thôi, ăn ở với chị dâu nhưng cố tình không cho chị cơ may sinh con. Cậu bị Chúa phạt chết. Ông Giu-đa bảo con dâu tạm về nhà cha mẹ, đợi thằng em út lớn lên sẽ tính tiếp. Đến lượt ông Giu-đa tìm cách “đánh bài lờ”, vì thấy Ta-ma có “số sất chồng”, ông sợ cho tính mạng con trai út.

Nhưng Ta-ma không phải là người phụ nữ chịu để người ta cho “ăn thịt lừa”. Bà quyết dành kỳ được quyền lợi cho chồng: có con nối dõi từ dòng giống nhà chồng. Thừa lúc ông Giu-đa mới mất tang vợ (mẹ chồng của bà), bà đón đường và che mặt giả làm gái điếm. Bà dụ được ông Giu-đa. Ông mặc cả, nàng chịu cho “trả tiền sau” bằng “một con dê con”. Ta-ma đòi “có chút gì giữ làm tin”. Giu-đa chịu đưa “*chiếc ấn, sợi dây đeo ấn và cây gậy ông cầm ở tay*”. Nên nhớ chiếc ấn liên quan tới quyền thừa kế, [người cha cho lại đứa con hoang đang chiếc nhẫn, tức là cho lại quyền thừa kế (x. Lc 15,22)]. Khi Giu-đa cho người dẫn con dê con tới chuộc tín vật thì người đẹp đã biến mất cùng với tín vật. Ông Giu-đa tự trấn an: “*Miễn sao đừng bị chê cười vì không giữ lời hứa...*”

Nhưng ba tháng sau, người ta báo tin cho ông : “*Ta-ma, con dâu ông đã đi làm điếm, nó còn mang bầu vì đi làm điếm nữa*”. Ông Giu-đa phán quyết ngay: “*Lôi nó ra mà thiêu sống!*”

Người ta làm thiệt! nhưng khi bị lôi ra thì bà ôm theo các tín vật và yêu cầu bố chồng nhận lại. Bà tự lột khăn che mặt và phơi mặt luôn ông bố chồng. Ông đành phải thú nhận: “*Nó công chính hơn tôi; quả thật tôi đã không cho nó làm vợ Sê-la con trai tôi*”. Bà đã thành công trong việc bảo vệ quyền lợi cho chồng, Bà đã bảo đảm được cho chồng có con nối dòng chính hiệu, lại còn sinh đôi nữa!

Câu chuyện quả là éo le đối với người đọc hôm nay. Nhưng Sách Thánh kết thúc với phán quyết của ông Giu-đa: “*nó công chính hơn tôi*”. Ông sòng phẳng với cô gái điếm để khỏi bị chê cười, nhưng lại không giữ lời hứa với con dâu và con trai mình. Cô là người công chính và làm cho ông bố chồng trở thành công chính.

## 2/ Người phụ nữ thứ hai: Ra-kháp (Gs 2; 6,22-23).

Nếu Ta-ma giả làm gái điếm, thì Ra-kháp là gái điếm thứ thiệt, “quốc tế” như trong những phim gián điệp hiện đại! Bà đã đón hai “điệp viên” do ông Gio-su-ê phái “đi xem vùng đất và thành Giê-ri-khô”. Nhờ mưu trí, bà đã cứu mạng và giúp cho hai gián điệp này thoát đi. Bà nhận được lời hứa “đền ơn cứu mạng” và một tín hiệu để bảo đảm cho bà và mọi người trong gia

đình được an toàn khi Giêri-khô thất thủ. Ra-kháp cứu mạng hai gián điệp của Giosuê, nhờ đó bà cứu mạng cả gia đình dòng họ nhà bà: hai gián điệp được sai vào “*đem cô ra khỏi đó cùng với cha mẹ, anh em cô và mọi người thân thuộc của cô: họ đem tất cả thị tộc của cô ra khỏi đó, và cho họ ở bên ngoài trại It-ra-en*”.

### 3/ Người phụ nữ thứ ba: **Rút** (sách Rút).

Rút là một khuôn mặt khác hẳn: người con dâu trẻ gốc Mô-áp, đơn sơ chất phác. Góa chồng sớm, nhưng quyết theo mẹ chồng, cũng là góa phụ, về quê chồng, dù không còn hy vọng có con nối dõi cho chồng: “*Mẹ đi đâu, con đi đó, mẹ ở đâu, con ở đó, dân của mẹ là dân của con, Thiên Chúa của mẹ là Thiên Chúa của con. Mẹ chết ở đâu con chết ở đó, và nơi đó con sẽ được chôn cất*” (Rút 1,16).

Với lòng hiếu thảo đó nàng đã đi mót lúa để nuôi mẹ chồng. Lòng hiếu thảo và sự cần cù của nàng đã làm rung động tâm hồn một người họ hàng bên chồng là ông Bô-át. Ông đã đứng ra thi hành bổn phận một người trong họ hàng, *chúc gia sản và gầy dựng người nối dõi cho người trong dòng họ*. Ông đã chúc lại ruộng đất của chồng con bà Nô-ê-mi và cưới Rút làm vợ. Rút sinh con trai. Mọi người chúc mừng bà Nô-ê-mi và hết lời ca tụng nàng dâu: “*Nó [đứa trẻ] sẽ giúp bà lấy lại sức sống, và sẽ là người nâng đỡ bà trong tuổi già, vì người con dâu yêu quý bà đã sinh ra nó, nàng quý giá hơn bảy đứa con trai*”. Con dâu hiếu thảo như thế quả là hiếm có!

### 4/ Người phụ nữ thứ tư: **Bát Sê-va, vợ ông U-ri-gia người Khét** (2 Sm 11-12; 1 Vua 1)

Nếu ba người phụ nữ trước làm cho dòng sông được chảy tiếp mỗi khi bế tắc, thì bà Bat Sê-va là người khai sông: Đa-avit có gần chục bà vợ, hàng tá con trai, ví như nước nguồn chảy vào biển hồ Galilê, nước có nguy cơ ngừng chảy và thành nước ao tù. Từ bồn tắm trên sân thượng nhà bà, bà nhảy vô biển hồ của vua Đa-avit và làm sập lở một mảng bờ hồ, thành cửa cho nước biển hồ lại chảy thành sông. Bản văn láy vô chỗ “*vợ U-ri-gia người Khét*” (không phải người It-ra-en!).

Đọc sách 2 Sa-mu-en chương 11-12 chúng ta có cảm tưởng như tất cả tội lỗi đổ lên đầu vua Đavit, bà chỉ là nạn nhân. Nhưng đọc kỹ một chút thì sẽ thấy “*coi vậy mà không phải vậy*”. Trước hết không nên tách câu chuyện này ra khỏi toàn bộ chuyện “*nhà Đavit*” với những mưu mô chốn cung đình, cá tính của cha con nhà Đavit, nhất là Đavit và người kế vị. Cả một bộ “*chuyện dài nhiều tập*” liên quan tới việc kế vị Đavit.

Trước hết cần nhìn “*toàn cảnh*” cá tính tài tử đa tình, anh hùng đẹp trai mà Sách Thánh mô tả Đavit từ khi xuất hiện lần đầu trên “*sân khấu*”:

**đẹp trai** : “*cậu có mái tóc hung, đôi mắt đẹp và khuôn mặt xinh xắn*” (1 Sm 16,12);

một **nghệ sĩ** với tiếng đàn có sức như liều thuốc an thần cho vua Sa-un (1Sm 16,14-23);

một cậu bé **anh hùng**, tuổi trẻ tài cao, hạ được tên khổng lồ Goliat để cất nổi nhục cho It-ra-en (1 Sm 17), khiến vua Sa-un phải ghen tị,

và sớm trở thành một **danh tướng** (1 Sm 18, 6-16);

**sẵn sàng liều mạng vì người đẹp Mi-khan công chúa**, lấy mạng hai trăm người đàn ông Phi-li-tinh để làm đồ thách cưới theo yêu cầu của nhà vua (1 Sm 18,17-27).

**Đavit đa tình đa cảm, đa thê, đa tử:** thời gian lưu lạc như một tên thảo khấu trong hoang địa, cảm kích vì sự đảm đang của bà góa A-vi-ga-gin, ông đã cưới bà làm vợ, rồi lại cưới thêm bà A-khi-nô-am. Bản tổng kết thứ nhất về gia đình vua Đavit khi ở Khép-rôn đã cho tên sáu người con trai do sáu bà vợ, không kể công chúa Mi-khan vô sinh (2 Sm 3,2-5). Bản tổng kết thứ hai tại Giêrusalem cho tên mười một người con trai nữa (2 Sm 5,13-14).

Đến khi Ap-sa-lon làm phản, chúng ta lại thấy nói đến mười tỳ thiếp mà khi Đavit chạy trốn đã để lại giữ nhà, bị Ap-sa-lon bắt tất cả làm vợ của mình để chứng tỏ mình đã làm vua (x. 2 Sm 16,20-22 và 20,3), đúng như lời ngôn sứ Na-than (2 Sm 12,11-12). Có vẻ như đó là phong tục, vì lời ngôn sứ Na-than cho thấy Đavit cũng đã làm như thế với những người vợ của Sa-un khi chiếm được ngôi vua (2 Sm 12,8).

Trở lại chuyện “mùa xuân” trong hai chương 11-12. Nghệ thuật kể chuyện tuyệt vời, ngọt xớt đến nỗi người nghe bị cuốn theo mà không ngờ là người kể đã khéo dùng ngón tay ảo thuật che đi một góc bức tranh. Chúng ta chỉ đọc ra hết khi đọc cho hết câu chuyện Bat Sê-va. Câu chuyện được lồng trong hai chuyện khác: cuộc chiến ở ngoài biên giới và cuộc chiến trong cung điện nhà vua về việc kế vị Đavit. Câu chuyện kế vị chỉ kết thúc với việc bà Bat Sê-va dành được ngai vua cho con là Sa-lô-môn, qua đó định hướng cho dòng chảy của dòng dõi Đavit. Cuộc chiến ngoài biên thùy là bối cảnh và cơ hội cho việc Bat Sê-va thành vợ của Đavit và sinh ra người thừa kế, với cái chết của chồng bà là tướng U-ri-gia, dưới chân thành Rabba.

Ba câu chuyện thật lồng vào nhau, lại còn một dụ ngôn ở giữa để giải nghĩa. Dụ ngôn của Na-than để mở mắt cho Đa-vit nhận ra tội giết người cướp vợ, mang ý nghĩa sâu và dài hơn ta tưởng lúc đầu. Khi theo dõi số phận “con chiên cái” Bat Sê-va cho tới lần xuất hiện cuối cùng để đưa Sa-lô-môn lên ngai của Đavit (1 Vua 1), ta thấy nạn nhân đích thật là U-ri-gia bị mất mạng, Đavit thế chỗ của U-ri-gia, “con chiên cái” từ nay thành “duy nhất” trong lòng Đavit. Kể từ lúc này các bà vợ khác của Đavit không còn được nhắc đến nữa. Nàng A-vi-sac sẽ hầu hạ Đavit khi những cái mền len không còn đủ sức giữ ấm cho Đavit, nhưng không phải là vợ của Đavit. Bat Sê-va là người vợ cuối cùng trong cuộc đời đa tình đa thê của Đavit. Các đứa con khác của Đavit giết lẫn nhau và đe dọa cả tính mạng của Đavit. Sau khi hoàng tử A-đô-ni-gia đã tự lên ngôi, Na-than bảo bà Bat Sê-va: “Tôi xin góp ý với bà để bà tự cứu lấy mạng mình và mạng Sa-lô-môn...” Bà vào nhắc vua Đavit nhớ lại lời hứa cho Sa-lô-môn kế vị (1 Vua 1,17-21), rồi Na-than vào bồi thêm. Kết quả Đavit ra lệnh cấp tốc đặt Sa-lô-môn lên ngai, cũng như ngày trước vua đã cấp tốc cho đi mời bà vào cung, rồi cấp tốc cưới bà làm vợ.

Câu chuyện mở đầu thế này: “Lúc xuân về, thời mà các vua ra quân, vua Đavit sai ông Giô-áp đi... giết hại con cái Am-môn và vây hãm Rap-ba... Còn vua Đa-vit thì ở lại Giêrusalem.” Nghe cứ như là mùa săn bắn vậy! Trong khi cuộc chiến do tướng Giô-áp chỉ huy ở bên kia sông Giô-đan được tóm trong hai chữ “giết hại” và “vây hãm”, thì chuyện xảy ra với vua Đavit ở nhà cũng sẽ được ngôn sứ Na-than ví như một cuộc cướp bóc và giết hại. Hai cuộc săn bắn mùa xuân! Cuộc săn bắn trực tiếp của Đavit diễn ra giữa hai sân thượng, cuộc săn bắn do Giô-áp chỉ huy diễn ra ở thành Rabba (Am-man ngày nay), nhưng kẻ bị giết hại chung cho cả hai cuộc săn bắn là U-ri-gia, chồng của Bat Sê-va: Giô-áp sẽ mời Đavit kéo quân còn ở nhà qua mà kết thúc con mồi Rabba, sau khi cuộc săn bắn trên sân thượng đã kết thúc với việc Đavit “đưa nàng về dinh” và nàng cho ông có đứa con nối ngôi.

Ôi mùa xuân của Đavit tuyệt vời: một lần ra quân mà bắt được “vợ của U-ri-gia” và bắt được cả thành Rabba nữa.

Khi nhận báo cáo quân sự thứ nhất của tướng Giô-áp về tổn thất nhân mạng, Đavit giả bộ coi cái chết của U-ri-gia, chồng bà Bat Sê-va như một hậu quả may rủi đương nhiên phải xảy ra:

“việc binh đao là thế, khi thì người này khi thì người kia”, nhưng sự thật là chính vua đã trao cái thư phong tặng “anh dũng bội tinh và bảo quốc huân chương” cho ông U-ri-gia cầm theo mà lãnh từ tay tướng Giô-áp, sau khi ông không chịu làm theo ý Đavit là về nhà “đánh véc-ni” giùm cho tác phẩm mùa xuân của Đavit. “Rượu mời không uống thì uống rượu phạt”!

Đavit nóng lòng chờ bản báo cáo này để “đưa nàng về dinh”.

Báo cáo quân sự thứ hai của Giô-áp để xin Đavit dẫn quân tới kết thúc cuộc săn bắn ở ngoại biên nói: “*Tôi đã tấn công Rabba, tôi còn hạ được cả thành dưới, chỗ có nhiều nước*”.

Nếu vẽ thành hai bức tranh: “*cuộc vây hãm thành Rabba*” và “*bồn tắm mùa xuân*” của Bat Sê-va, đặt song song với nhau như nghệ thuật kể chuyện của tác giả gợi ý, rồi nhìn cả hai cùng một lúc, ta sẽ thấy “bồn tắm của Bat Sê-va” ở cái sân thượng (dĩ nhiên) thấp hơn, có vẻ là nơi nàng thành nạn nhân của Đavit, nhưng thực ra đó là lúc nàng “hạ” thành của Đavit, sau khi đã vây hãm bằng những màn tấn công khác từ sân thượng nhà nàng, vốn chẳng xa dinh của Đavit, và cũng đã chiếm được ưu thế đến nỗi dám đặt bồn tắm trên sân thượng mà tắm trước mặt Đavit đang ở sân thượng cao hơn. Ông không cần ống nhòm mà ngắm nhìn được tất cả vẻ đẹp của nàng phơi ra trước mắt ông. Bà quả là đẹp “*nghiêng thành nghiêng nước*” [nhất cổ khuynh nhưn thành, tái cổ khuynh nhưn quốc: nhìn một cái làm nghiêng thành, nhìn cái nữa làm nghiêng nước]. Người đẹp trong sách Diễm Ca chắc cũng đến thế là cùng! Từ trên sân thượng nhìn ngắm người đẹp “*oai hùng như đạo binh chinh tề hàng ngũ*”(Dc 6,4), Đavit đã choáng váng: “*Thôi đi, nàng đừng đưa mắt nhìn anh nữa, đôi mắt làm anh choáng váng rồi*” (Dc 6,5)... và đầu hàng vô điều kiện, mở toang cổng nước nàng vào. Bat Sê-va hạ được thành và dành được cả nước của Đavit cho con bà.

## II. Ý nghĩa sự hiện diện của bốn người phụ nữ này trong gia phả Đức Giêsu Kitô.

Điều hiện ra ngay trước mắt khi đọc bản văn là mỗi lần nêu tên một người phụ nữ là có cái gì trực trặc trong dòng “sinh”, và mỗi người phụ nữ xuất hiện đều là người giúp cho sự sống được tiếp tục.

Yếu tố thứ hai cũng dễ nhận ra là: Tama, Ra-khap, Rút đều là người ngoài dân It-ra-en, người thứ tư mang tên là “*vợ của U-ri-gia, một người Khét*” (Mt không nêu tên thời con gái của bà!). Vậy thì các bà đã chuyển cho Đức Giêsu dòng máu ‘dân ngoại’. Mang hai dòng máu, Đức Giêsu Kitô là Đấng Cứu Độ của muôn dân: “*Hãy đi và âm cho muôn dân trở thành môn đệ*” (Mt 28,19).

Sự hiện diện của các bà cũng tô đậm sự quan phòng của Thiên Chúa mà bản tổng kết gia phả diễn tả qua ba chuỗi 14.

Thiên Chúa điều khiển lịch sử để thực hiện kế hoạch cứu độ theo đúng lời hứa, trong đó người phụ nữ là người đem lại sự sống và bảo vệ sự sống, làm cho sự sống được tiếp tục, đảm nhận sứ mạng “*mẹ của chúng sinh*”.

## III. Người phụ nữ thứ năm: hài nhi và mẹ.

Cái gãy khúc trong lời văn ở câu 16 dài hơn, lại phải chờ “ông thu thuế” tổng kết xong rồi mới kể tiếp để giải thích. Hình như ông thu thuế đếm lộn, từ thời lưu đầy đến Đức Giêsu chỉ có 13 đời, kể cả Chúa Giêsu. Cái khoảng cách giữa ông Giuse và Chúa Giêsu xa hơn ngay trong câu văn:



*Gia-cop sinh Giuse, chồng của bà Maria –*

*do bà này mà Đức Giêsu được sinh ra gọi là KITÔ.*

So sánh với chuyện Đavit Bat Sê-va:

*Đavit sinh Sa-lô-môn do vợ của U-ri-gia:*

vợ của U-ri-gia, nhưng con lại là của Đavit!

Giuse là chồng của bà Maria

Đức Giêsu được sinh ra từ người mẹ là Maria,

nhưng lại không thể nói Giuse sinh Đức Giêsu do bà Maria. Tại sao?

*Mt* giải thích khúc mắc này:

Bà Maria và ông Giuse là vợ chồng nhưng chưa rước dâu nên chưa về sống chung.

Bà đã có thai do quyền năng Thánh Thần.

Nếu vậy làm sao Đức Giêsu là “con của Đavit” được?

Trong bản văn thì đây là điểm thắc mắc chứ không phải việc bà có thai do quyền năng Thánh Thần. Sau này Đức Giêsu sẽ ra câu đố ngược lại: “*Nếu Vua Đavit gọi Đấng Kitô là Chúa Thượng, thì làm sao Đấng Kitô lại là con vua ấy được?*” và “*Không ai đáp lại Người được một tiếng*” (*Mt 22,45-46*).

Bản văn còn kể về phản ứng dứt khoát của Giuse để cho thấy bào thai bà đang mang đó không phải là con của ông.

Sứ thần của Chúa cũng khẳng định cái bào thai trong lòng bà Maria là do quyền năng Thánh Thần. Chỉ cần ông Giuse rước vợ về nhà để bà sinh con trong nhà ông, và ông, với tư cách “con của Đavit” phải đặt tên cho đứa con, để đứa con cũng thành “con của Đavit”. *Mt* còn bồi thêm một câu: ông làm theo lời sứ thần: cấp tốc rước vợ về nhà, “*nhưng ông không ăn ở với bà, cho đến khi bà sinh một con trai, và ông đặt tên cho con trẻ là Giêsu*”. Ông Giuse không tham dự vào việc “do bà mà Đức Giêsu được sinh ra”. Cách nói thụ động “được sinh ra” mà không phải do ông Giuse hay một người đàn ông thì chỉ có “do Thiên Chúa”. *Mt* giải thích “do quyền năng Thánh Thần”.

Kể từ lúc này thì cụm từ “*hài nhi và mẹ*” sẽ được lặp đi lặp lại. “*Hài nhi và mẹ*” như gắn chặt với nhau. Ông Giuse thành người bảo vệ mạng sống cho “*hài nhi và mẹ*”, nhưng Thiên Chúa sai sứ thần trực tiếp truyền lệnh cho ông. Ông là người tôi tớ trung thành, luôn mau mắn thi hành lệnh của Thiên Chúa để bảo vệ “*hài nhi và mẹ*”.

Khoảng cách giữa ông Giuse và Đức Giêsu được diễn tả rõ ràng, vì bản văn kể Đức Giêsu là đời thứ 14, nhưng đếm kỹ thì ông Giuse là đời thứ mười hai. Bỏ trống một đời giữa ông Giuse với Chúa Giêsu, không phải *Mt* đếm lộn hay bỏ sót! Cái khoảng trống ấy khiến chúng ta thắc mắc và chú ý tới lời giải thích theo sau để biết sự thật về Đức Giêsu. Khoảng trống một đời

cũng là để cho thấy có một sự sống mới đột nhập vào lịch sử sự sống của loài người. Chúa Giêsu sẽ mời gọi đánh đổi tất cả để giữ được sự sống mới này (Mt 18,5-9).

Bà Maria Mẹ của hài nhi Giêsu chính là người phụ nữ đem lại cho chúng ta sự sống mới này, sự sống đến thẳng từ Thiên Chúa, do quyền năng Thánh Thần.

Bà quả là Evà mới, Mẹ của chúng sinh:  
*Mẹ nhân lành, làm cho chúng con được sống, được vui, được cậy...*

*Giêrusalem, lễ Giáng Sinh 2013.*

*L.M. Giuse Nguyễn Công Doan, S.J.*

*Giám đốc Giáo Hoàng Học Viện Thánh Kinh Giêrusalem*

email: [ncongdoansj@gmail.com](mailto:ncongdoansj@gmail.com)

## VỀ MỤC LỤC

### **ÁNH SÁNG VÀ BÓNG TỐI TRONG TIN MỪNG GIO-AN**

Fr. Joseph Lê Minh Thông, O.P.

xin chia sẻ bài viết:

veut partager ses écrits:

- [Ánh sáng và bóng tối trong Tin Mừng Gio-an.](#)
- [Lumière” et ténèbres dans l’Évangile de Jean.](#)
- [Lumière \(phôs\), luire \(phainô\), éclairer \(phôtizô\) dans l’Évangile de Jean.](#)
- [Ténèbres, obscurité \(skotia, skotos\) dans l’Évangile de Jean.](#)

Blog: <http://leminhthongtinmunggioan.blogspot.com/>

Email: [josomeinhthong@gmail.com](mailto:josomeinhthong@gmail.com)

Ngày 04 tháng 01 năm 2014.

Nội dung

I. Ánh sáng

1. Từ ngữ
2. Nghĩa đen và nghĩa biểu tượng
3. Đức Giê-su là ánh sáng

II. Bóng tối

1. Từ ngữ
2. Nghĩa đen và nghĩa biểu tượng
3. “Skotia” và “skotos” (bóng tối)

III. Kết luận



Bài viết “‘Ánh sáng’ và ‘bóng tối’ trong Tin Mừng Gio-an” đã có trên Blog <http://leminhthongtinmunggioan.blogspot.com/> ngày 14 tháng 04 năm 2012. Nhân dịp viết bài này bằng tiếng Pháp “Lumière et ténèbres dans l’Évangile de Jean”, nội dung bài tiếng Việt đã được viết lại hoàn toàn với những cập nhật quan trọng về nội dung. Vì thế bài cũ được thay thế bằng bài viết mới này.

Cặp từ đối lập “ánh sáng” và “bóng tối” có thể là đề tài quan trọng của Tin Mừng Gio-an. Tương phản này được trình bày như thế nào và xuất hiện ở đâu trong sách Tin Mừng? Nghĩa đen và nghĩa biểu tượng của “ánh sáng” và “bóng tối” liên hệ với nhau như thế nào? “Ánh sáng” và “bóng tối” được dùng để diễn tả những điểm thần học nào? Bài viết sẽ trả lời những câu hỏi trên qua việc quan sát từ ngữ, tìm hiểu nghĩa đen, nghĩa biểu tượng và nêu lên những điểm thần học quan trọng của đề tài “ánh sáng” và “bóng tối” trong Tin Mừng Gio-an.

## I. Ánh sáng

### 1. Từ ngữ

Tin Mừng thứ tư dùng 23 lần danh từ Hy Lạp “phôs” (ánh sáng), 1 lần động từ “phôtizô” (1,9) và 2 lần động từ “phainô” (1,5; 5,35). Hai động từ Hy Lạp “phôtizô” và “phainô” có nghĩa: “Chiếu sáng”, “chiếu soi” (illuminer, briller, luire, apparaître). (Xem mục từ liên quan đến ánh sáng và bóng tối). Tất cả 23 lần danh từ “phôs” (ánh sáng) xuất hiện trong Tin Mừng Gio-an tìm thấy trong 12 chương đầu: 1,4.5.7.8a.8b.9; 3,19a.19b.20a.20b.21; 5,35; 8,12a.12b; 9,5; 11,9.10; 12,35a.35b.36a.36b.36c.46. Phần thứ hai của sách Tin Mừng (Ga 13–21) không xuất hiện danh từ “phôs” (ánh sáng). Bài viết này chỉ bàn đến danh từ “phôs” (ánh sáng).

### 2. Nghĩa đen và nghĩa biểu tượng

Trong Tin Mừng thứ tư, đề tài “ánh sáng” được dùng theo nghĩa đen, nghĩa biểu tượng và nghĩa thần học. Thông thường nghĩa đen dẫn đến nghĩa biểu tượng và nghĩa thần học. Chẳng hạn, Đức Giê-su tuyên bố ở Ga 11,9-10: “9 Ban ngày chẳng có mười hai giờ sao? Ai đi ban ngày thì không vấp ngã, vì thấy ánh sáng của thế gian này. 10 Còn ai đi ban đêm, thì vấp ngã vì ánh sáng không ở trong người ấy.” (Trích dẫn Tin Mừng Gio-an lấy trong Bản văn Gio-an, TIN MỪNG và BA THƯ, Hy Lạp – Việt). Từ nghĩa đen: “Đi ban ngày thì không vấp ngã”, “đi ban đêm, thì vấp ngã” gợi đến nghĩa thần học của cụm từ: “Thấy ánh sáng của thế gian này” (11,9) và “ánh sáng ở trong người ấy”. Bao lâu Đức Giê-su còn hiện diện thì con người có thể “thấy Đức Giê-su” là ánh sáng của thế gian. Người tin vào Đức Giê-su thì “ánh sáng ở trong người ấy” nên sẽ không vấp ngã. Như thế, danh từ “phôs” (ánh sáng) ở 11,9-10 vừa có nghĩa đen vừa có nghĩa thần học, nghĩa đen của từ “ánh sáng” gợi đến nghĩa biểu tượng của từ này.

### 3. Đức Giê-su là ánh sáng

Một trong những điểm thần học quan trọng của “ánh sáng” trong Tin Mừng Gio-an là sự đồng hoá giữa Đức Giê-su và ánh sáng. Có ba lần Đức Giê-su tuyên bố chính Người là ánh sáng qua kiểu nói đặc trưng: “Tôi là...” (egô eimi...) ở 8,12; 9,5; 12,46.

(1) Lần thứ nhất, Đức Giê-su nói với những kẻ chống đối Người trong bối cảnh tranh luận ở 8,12: “Chính Tôi là ánh sáng của thế gian. Người theo Tôi, chắc chắn sẽ không bước đi trong bóng tối, nhưng sẽ có ánh sáng của sự sống.” Trong lời tuyên bố này, trước hết Đức Giê-su đồng hoá Người với ánh sáng, sau đó là lời mời gọi bước theo Đức Giê-su, nghĩa là trở thành môn đệ của Người. Người ấy “chắc chắn sẽ không bước đi trong bóng tối” nghĩa là bước đi trong ánh sáng, có ánh sáng là chính Đức Giê-su, soi sáng và hướng dẫn. Như thế người ấy “có ánh sáng của sự sống”. Ánh sáng–Đức Giê-su là biểu tượng của sự sống, đem lại sự sống và chính là sự sống. Vì Đức Giê-su là “sự sống lại và là sự sống” (11,25).

(2) Lần thứ hai, Đức Giê-su nói với các môn đệ ở 9,5: “Bao lâu Thầy còn ở trong thế gian, Thầy là ánh sáng của thế gian.” Đức Giê-su là ánh sáng của thế gian, nên Người làm cho người mù từ thuở mới sinh được thấy (Ga 9,1-41). Nhưng sự thấy đích thực của người mù chỉ được tỏ lộ vào cuối ch. 9. Thực vậy, sau khi bị giới lãnh đạo Do Thái trục xuất (9,34), anh ta gặp Đức Giê-su và tuyên xưng lòng tin vào Người: “Tôi tin, thưa Ngài” (9,38). Chỉ lúc đó anh mù mới thực sự sáng mắt theo nghĩa thần học. Như thế, theo Tin Mừng Gio-an, “thấy thực sự” đồng nghĩa với “tin vào Đức Giê-su”.

(3) Lần thứ ba, Đức Giê-su vừa đồng hoá Người với ánh sáng, vừa nối kết với hành động “tin”. Trong phần tóm kết Sách Các dấu lạ (Ga 1–12), Đức Giê-su tuyên bố ở 12,46: “Tôi là ánh sáng đến trong thế gian, để bất cứ ai tin vào Tôi thì không ở lại trong bóng tối.” Câu này có hai yếu tố mới so với tuyên bố của Đức Giê-su ở 8,12. Thực vậy, ở 8,12 Đức Giê-su mời gọi “theo” Đức Giê-su để không “bước đi” trong bóng tối. Ở 12,46, Đức Giê-su dùng hai động từ khác: “tin” và “ở lại”. Bất cứ ai tin vào Đức Giê-su thì không “ở lại” trong bóng tối. Như thế, “theo” Đức Giê-su có nghĩa là “tin” vào Người, còn “bước đi” trong bóng tối và “ở lại” trong bóng tối, nghĩa là “thuộc về” bóng tối. Người ấy không có ánh sáng của sự sống ở nơi mình và sẽ hư mất.

Tóm lại, trong cả ba trường hợp, sự đồng hoá giữa Đức Giê-su và ánh sáng đều bao hàm lời mời gọi, mình nhiên hay mặc nhiên, tin vào Đức Giê-su. Ai tin vào Người thì có ánh sáng và không bị vấp ngã (8,12), thực sự thấy ánh sáng (9,5) và không ở lại trong bóng tối (12,46).

## II. Bóng tối

### 1. Từ ngữ

Tin Mừng thứ tư dùng hai danh từ Hy Lạp: “skotia” và “skotos” để chỉ “bóng tối”, “sự tối tăm”, “đêm tối”. Từ “skotia” xuất hiện 8 lần ở 1,5a.5b; 6,17; 8,12; 12,35a.35b.46; 20,1. Từ “skotos” chỉ xuất hiện 1 lần ở 3,19. Từ “skotos” được dùng nhiều hơn trong Tin Mừng Nhất Lãm (Mt: 7 lần; Mc: 1 lần; Lc: 4 lần).

Trong Tin Mừng Gio-an, đề tài “bóng tối” thường đối lập với “ánh sáng”. Có hai nơi “ánh sáng” không đối lập với “bóng tối”. Lần thứ nhất sau dấu lạ “bánh hóa nhiều”, các môn đệ xuống thuyền vào lúc: “Trời đã tối (skotia) và Đức Giê-su chưa đến với các ông” (6,17). Lần thứ hai xảy ra “vào ngày thứ nhất trong tuần, Ma-ri-a Mác-đa-la đi đến mộ lúc sáng sớm, khi trời còn tối (skotia)” (20,1).

Ngoài hai nơi trên, ở tất cả những nơi khác (năm chỗ), “bóng tối” (skotia, skotos) đối lập với “ánh sáng”: 1,5; 3,19; 8,12; 12,35 và 12,46. Cuộc chiến giữa “ánh sáng” và “bóng tối” đã được nói đến trong lời tựa sách Tin Mừng: “Ánh sáng chiếu soi trong bóng tối (skotia), và bóng tối

(skotia) đã không lần át được ánh sáng” (1,5), sau đó được triển khai trong sứ vụ của Đức Giê-su, bắt đầu ở 3,19-21: “19 Đây là án xử: Ánh sáng đã đến thế gian, nhưng người ta đã yêu mến bóng tối (skotos) hơn ánh sáng, vì các việc của họ thì xấu xa. 20 Vì mọi kẻ làm sự dữ thì ghét ánh sáng và không đến với ánh sáng để các việc của họ khỏi bị chê trách. 21 Nhưng kẻ làm sự thật thì đến với ánh sáng để các việc của người ấy được bày tỏ ra là đã được thực hiện trong Thiên Chúa.” Đối lập “ánh sáng – bóng tối” sẽ xuất hiện trở lại ở 8,12; 12,35 và 12,46.

## 2. Nghĩa đen và nghĩa biểu tượng

Cũng như “ánh sáng”, danh từ “bóng tối” (skotia) trong Tin Mừng Gio-an vừa có nghĩa đen, vừa có nghĩa thần học. Thông thường, nghĩa đen gợi đến nghĩa biểu tượng. Chẳng hạn, “skotia” (bóng tối) ở 1,5 là chủ từ của động từ Hy Lạp “katalambanō” (lấn át, nắm bắt), vì thế “bóng tối” ở đây nói đến con người và quyền lực đen tối: “Ánh sáng chiếu soi trong bóng tối (skotia), và bóng tối (skotia) đã không lần át (katelaben) được ánh sáng” (1,5).

Ở 6,17, từ “skotia” (bóng tối) có nghĩa đen: “Trời đã tối”, tuy nhiên những gợi ý quan trọng trong trình thuật cho phép hiểu “bóng tối” ở 6,17 theo nghĩa biểu tượng. Người thuật chuyện kể ở 6,16-18: “16 Chiều đến, các môn đệ của Người xuống bờ Biển Hồ, 17 và xuống thuyền đi về phía Ca-phác-na-um, bên kia Biển Hồ. Trời đã tối (skotia) và Đức Giê-su chưa đến với các ông. 18 Biển động vì gió thổi mạnh.” Các môn đệ vất vả chèo thuyền trong bóng đêm, trong khi biển động và gió mạnh. Sự thiếu vắng Đức Giê-su và chi tiết biển động mạnh gợi đến sự khủng hoảng của các môn đệ trong Tin Mừng Gio-an, đặc biệt ở cuối ch. 6 và ch. 14–16.

Thực vậy cuối ch. 6, các môn đệ đang ở trong tình trạng khủng hoảng nặng nề. Sau khi nghe diễn từ về bánh sự sống (6,25-59), nhiều môn đệ nói rằng: “Lời này chướng tai quá! Ai có thể nghe nổi?” (6,60). Hậu quả là có nhiều môn đệ bỏ đi không theo Đức Giê-su nữa (6,66). Hơn thế, Đức Giê-su còn thông báo về Giu-đa, một môn đệ trong Nhóm Mười Hai, là người sẽ nộp Thầy 6,70: “Chẳng phải chính Thầy đã chọn anh em là Nhóm Mười Hai sao? Thế mà một người trong anh em là quỷ.” Người thuật chuyện giải thích cho độc giả biết ở 6,71: “Người [Đức Giê-su] nói về Giu-đa, con ông Si-môn Ít-ca-ri-ốt; vì ông ấy sẽ nộp Người, một người trong Nhóm Mười Hai.” Khủng hoảng của các môn đệ đã tỏ lộ trong tương phản: Si-môn Phê-rô, đại diện Nhóm Mười Hai tuyên xưng niềm tin vào Đức Giê-su: “68 Thưa Thầy, chúng con sẽ bỏ đi với ai? Thầy có những lời đem lại sự sống đời đời. 69 Phần chúng con, chúng con đã tin và đã nhận biết rằng: Chính Thầy là Đấng Thánh của Thiên Chúa” (6,68-69). Niềm tin này tương phản mạnh mẽ với nhân vật Giu-đa, một môn đệ trong Nhóm Mười Hai, là quỷ và là người sẽ nộp Đức Giê-su (6,70-71).

Trình thuật các môn đệ chèo thuyền trên Biển Hồ trong đêm tối trong khi gió thổi mạnh (6,16-18), gợi đến khủng hoảng của các môn đệ trong ch. 14–16, các ông đang lo âu, xao xuyến và sợ hãi trước sự ra đi của Đức Giê-su. Ch. 14 mở đầu bằng lời động viên của Đức Giê-su. Người nói với các môn đệ ở 14,1: “Lòng anh em đừng xao xuyến, hãy tin vào Thiên Chúa và hãy tin vào Thầy.” Gần cuối ch. 14, Đức Giê-su lại nói với họ: “Lòng anh em đừng xao xuyến, đừng sợ hãi” (14,27b). Cuối ch. 16, Đức Giê-su báo trước các môn đệ sẽ bị phân tán: “Này đến giờ – và đã đến rồi – anh em sẽ bị phân tán mỗi người về nhà mình và bỏ lại Thầy một mình. Nhưng Thầy không ở một mình vì Cha ở với Thầy” (16,32).

Khủng hoảng của các môn đệ trong đoạn văn 6,16-18 cũng gợi đến hoàn cảnh của cộng đoàn Gio-an vào cuối thế kỷ I. Cộng đoàn đang gặp thử thách vì bị bách hại mà dường như Đức Giê-su vắng mặt và bỏ rơi cộng đoàn. Nhưng sự thật không như thế, vì Đức Giê-su đã nói với các môn đệ: “Thầy sẽ không để anh em mồ côi, Thầy đến với anh em” (14,18). Cũng vậy, ở 6,16-18, Đức Giê-su không bỏ rơi các môn đệ: “Các ông thấy Đức Giê-su đi trên Biển Hồ và đang tới gần thuyền” (6,19b).



Ở 8,12, Đức Giê-su đồng hóa mình với ánh sáng và giải thoát những ai “theo” Người khỏi “bóng tối”. Cặp từ “ánh sáng - bóng tối” ở 8,12 có nghĩa thần học. Đức Giê-su nói với những người Pha-ri-sêu: “Chính Tôi là ánh sáng của thế gian. Người theo Tôi, chắc chắn sẽ không bước đi trong bóng tối, nhưng sẽ có ánh sáng của sự sống” (8,12). Câu này đã phần nào tóm kết sứ vụ của Đức Giê-su trong Tin Mừng Gio-an. Người đến trong thế gian để giải thoát con người khỏi phải bước đi trong bóng tối.

Đề tài “ánh sáng” và “bóng tối” ở 12,35, dựa trên nghĩa đen để diễn tả nghĩa biểu tượng và thần học. Thực vậy, Đức Giê-su nói với đám đông: “Còn một ít thời gian nữa, ánh sáng ở giữa các người. Hãy bước đi khi các người còn có ánh sáng, để bóng tối không bắt chợt các người. Ai đi trong bóng tối thì không biết mình đi đâu” (12,35). Bao lâu Đức Giê-su chưa bước vào cuộc Thương Khó thì bấy lâu vẫn còn ánh sáng. Nhưng chỉ còn một ít thời gian nữa thôi, vì sứ vụ công khai của Đức Giê-su đã đến hồi kết thúc, đêm tối sự chết đang đến gần. Ai bước đi không có ánh sáng, nghĩa là bước đi không có Đức Giê-su, không tin vào Người thì người ấy không biết mình đi đâu (12,35c), cuộc đời người ấy ở trong bóng tối của sự chết. Tóm lại, từ “bóng tối” (skotia) trong Tin Mừng Gio-an, khi thì minh nhiên, khi thì mặc nhiên, gọi đến nghĩa biểu tượng.

### 3. “Skotia” và “skotos” (bóng tối)

Bên cạnh 8 lần danh từ “skotia” trong Tin Mừng Gio-an, danh từ Hy Lạp “skotos”, chỉ xuất hiện 1 lần ở 3,19 để nói về “yêu mến bóng tối”. Câu hỏi đặt ra là sắc thái nghĩa giữa “skotia” và “skotos” có khác nhau hay không vì cả hai từ này đều có nghĩa là “bóng tối”? Có thể hiểu sự khác nhau giữa “skotia” và “skotos” trong Tin Mừng Gio-an như sau:

(1) “Skotia” là bóng tối mà người ta không muốn rơi vào đó. Danh từ “skotia” xuất hiện ở 8,12; 12,35; 12,46 trong những kiểu nói: “Không bước đi trong bóng tối” (8,12; 12,35); “không ở lại trong bóng tối” (12,46) Đức Giê-su đến để đưa con người ra khỏi bóng tối này. Người mời gọi mọi người “theo” Người để “có ánh sáng của sự sống” (8,12).

(2) Ngược lại, danh từ “skotos” (bóng tối) xuất hiện ở 3,19 có sắc thái nghĩa khác. Đó là bóng tối mà người ta yêu mến, nghĩa là người ta muốn ở lại trong đó. Đức Giê-su tuyên bố ở 3,19-20: “19 Đây là án xử: Ánh sáng đã đến thế gian, nhưng người ta đã yêu mến bóng tối (skotos) hơn ánh sáng, vì các việc của họ thì xấu xa. 20 Vì mọi kẻ làm sự dữ thì ghét ánh sáng và không đến với ánh sáng để các việc của họ khỏi bị chê trách.” Vấn đề ở đây là “yêu mến bóng tối hơn ánh sáng” (3,19b). Trong đoạn văn 3,19-20 có hai cặp từ tương phản: “yêu – ghét” và “ánh sáng – bóng tối”, các cặp từ tương phản này kết nối với nhau thành các cụm từ “yêu mến bóng tối” (3,19) và “ghét ánh sáng” (3,20). Những ý tưởng trong đoạn văn 3,19-20 nhắm đến những người, không những từ chối tin vào Đức Giê-su mà còn tìm cách để giết Người. Họ không những không muốn thoát ra khỏi “bóng tối” mà còn “yêu mến bóng tối”. Họ không chỉ “không đến với ánh sáng” mà còn “ghét ánh sáng” (3,20), ghét Đức Giê-su, ghét Chúa Cha và ghét các môn đệ của Người (15,18-25).

Như thế, “skotos” (bóng tối) mà người ta yêu mến có ý nghĩa xa hơn: “Skotos” ám chỉ thế lực đen tối làm tha hóa con người và làm cho con người trở thành nô lệ cho thế lực đen tối. Tin Mừng thứ tư dùng nhiều từ khác nhau để gọi thế lực này: quỷ (6,70; 8,44; 13,2), Xa-tan (13,27), thủ lãnh thế gian này (12,31; 14,30; 16,11), Ác thần (17,15). Trong viễn cảnh trên, “yêu mến bóng tối (skotos)” là cách thức từ chối tin vào Đức Giê-su ở cấp độ cao nhất và dẫn đến “tự kết án mình (auto-jugement de condamnation)”. Đức Giê-su tuyên bố ở 3,18: “Ai tin vào Người [Con Một Thiên Chúa] thì không bị lên án; nhưng kẻ không tin thì bị lên án rồi, vì đã không tin vào danh Con Một Thiên Chúa.” Thứ “tình yêu bóng tối” này (3,19) báo trước những xung đột và tranh luận giữa Đức Giê-su và những kẻ chống đối. Họ là những người đã bảo vệ quan điểm của mình bằng mọi cách, kể cả tìm cách giết Đức Giê-su. Điều đó cho thấy họ “yêu mến bóng tối”, “thuộc về bóng tối” nghĩa là “thuộc về quỷ” (8,44). Theo Tin Mừng Gio-an, lựa chọn

“yêu mến bóng tối” hàm ẩn sự thù ghét và bách hại sẽ được triển khai trong nội dung sách Tin Mừng.

### III. Kết luận

Tác giả Tin Mừng thứ tư thường diễn tả thần học bằng những cặp từ đối lập. Những phân tích trên cho thấy, cặp từ “ánh sáng – bóng tối” đã trình bày nhiều đề tài thần học quan trọng. Có thể nói, toàn bộ Tin Mừng Gio-an mô tả một vụ kiện lớn, gọi là “vụ kiện trong Tin Mừng Gio-an” (le procès johannique). Đó là vụ kiện giữa “ánh sáng” và “bóng tối”, giữa “những người yêu mến ánh sáng” và “những người ghét ánh sáng”, giữa “đến với” hay “không đến với” ánh sáng, giữa “tin” hay “không tin” vào ánh sáng, nghĩa là “tin” hay “không tin” vào Đức Giê-su.

Sự đồng hóa minh nhiên giữa “Đức Giê-su và “ánh sáng” giúp độc giả hiểu các kiểu nói đặc trưng của Tin Mừng Gio-an. Ở 12,36, Đức Giê-su nói với đám đông: “Khi các người có ánh sáng, hãy tin vào ánh sáng, để trở nên con cái ánh sáng.” Trong câu này “có ánh sáng” là có Đức Giê-su hiện diện với mình, “tin vào ánh sáng” là tin vào Đức Giê-su và “trở thành con cái ánh sáng” là trở thành môn đệ của Người (12,36). Trong nhiều trường hợp, nghĩa đen của cặp từ “ánh sáng” và “bóng tối” dẫn đến nghĩa biểu tượng và nghĩa thần học. Điều bản văn nhắm tới là trình bày mạc khải về căn tính của Đức Giê-su và sứ vụ của Người, sứ vụ ban tặng “ánh sáng của sự sống” cho con người.

Tương phản “ánh sáng – bóng tối” xuất hiện ngay trong lời tựa Tin Mừng (1,5) và đề tài này chỉ có trong phần Sách Các dấu lạ (Ga 1–12). Trong 12 chương này, không kể lời tựa, đối lập “ánh sáng – bóng tối” xuất hiện ở đầu (3,19), ở giữa (8,12) và ở cuối (12,35; 12,46). Như thế, “ánh sáng” và “bóng tối” là một trong những đề tài quan trọng của thần học Tin Mừng Gio-an, đề tài này xuyên suốt sứ vụ công khai của Đức Giê-su, định nghĩa sứ vụ của Người và cho biết con người cần làm gì để “có ánh sáng” và “không bước đi trong bóng tối”. Bài viết này có nhiều điểm cập nhật và triển khai quan trọng so với phân tích về “ánh sáng – bóng tối” trong tập sách YÊU và GHÉT trong Tin Mừng Gio-an, phần II, tr. 48-56./.

Nguồn: <http://leminhthongtinmunggioan.blogspot.com/2012/04/anh-sang-va-bong-toi-trong-tin-mung-gio.html>

Các mục từ liên quan:

ÁNH SÁNG, dt., phôs, trong Gio-an  
CHIẾU SOI, đt., phainô, trong Gio-an, x. TOẢ SÁNG  
CHIẾU SOI, đt., phôtizô, trong Gio-an  
TOẢ SÁNG, đt., phainô, trong Gio-an  
BÓNG TỐI, dt. skotia, trong Gio-an  
BÓNG TỐI, dt., skotos, trong Gio-an  
TỐI TẦM, trong Gio-an, x. BÓNG TỐI

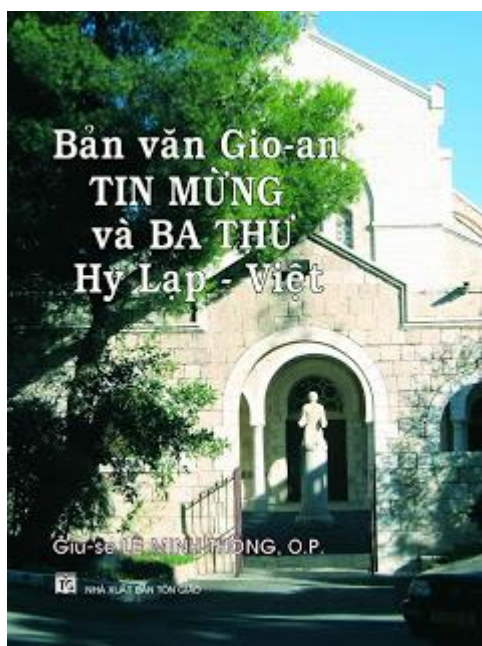
\*\*\*\*\*

Xin hân hạnh giới thiệu Tác phẩm "Bản văn Gioan Tin Mừng và Ba Thư" được trình bày song ngữ Hy Lạp - Việt hết sức công phu và giá trị cho tất cả những ai yêu mến Lời Chúa và muốn được no say với Lời Hằng Sống. Sách có bán tại các nhà sách Công Giáo.

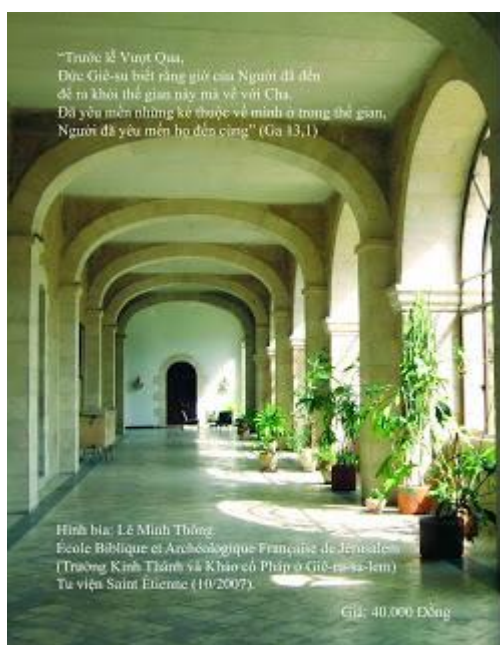
Xin chân thành cảm ơn tác giả Lm. Giuse Lê Minh Thông, OP. Tiến sĩ Thần học Kinh Thánh đã công hiến cho độc giả CGVN những tác phẩm vô cùng quý báu cho việc học hỏi Thánh Kinh tại Việt Nam ngày thêm phong phú.

## BBT CGVN

Bìa trước: Nhà Thờ thánh Tê-pha-nô, tu viện anh em Đa Minh.



Bìa sau: Hành lang chính tu viện thánh Tê-pha-nô, dòng Đa Minh.

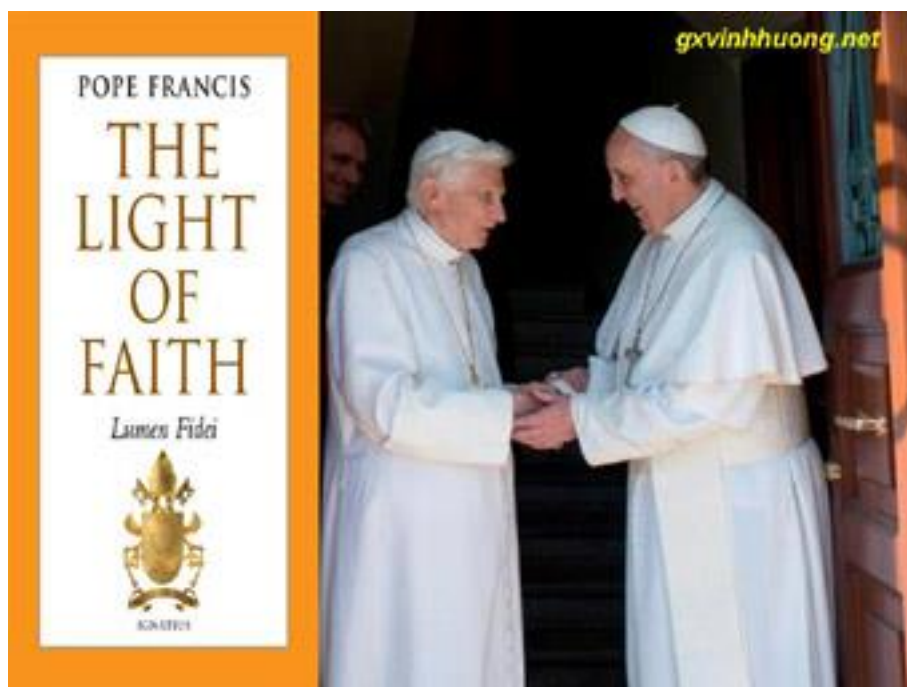


## VỀ MỤC LỤC

### 15 ĐIỂM TÓM LƯỢC THÔNG ĐIỆP LUMEN FIDEI

Tôi vừa mới đọc xong Thông điệp mới của Đức Thánh cha Lumen fidei (tiếng La tinh nghĩa là “Ánh sáng Đức Tin”, được công bố hôm nay (ngày 5 tháng 7) mặc dù thông điệp được ban hành vào ngày lễ Thánh Phêrô và Phaolô ngày 29 tháng 6 năm 2013.

Phản ứng đầu tiên của tôi: Tôi yêu thông điệp!



Đáng lưu ý, đây là thông điệp đầu tiên viết bởi hai Giáo hoàng – Đức Giáo hoàng Bênêđictô XVI và Đức Giáo hoàng Phanxicô. Đức Bênêđictô đã viết một thông điệp về nhân đức đối thần đức tin nhưng ngài từ nhiệm trước khi phát hành. Dường như phần cốt lõi là Bênêđictô nhưng phần dẫn nhập và các phần tử khác là Phanxicô. Đó là ấn tượng của tôi sau một lần đọc.

Đây là nội dung của thông điệp được tóm lược trong 15 điểm dưới đây:

**1/** Đức Thánh cha bắt đầu bằng cách nói đến Nietzsche như là người đi tiên phong trong trào lưu vô tín cho thời đại của chúng ta. Hậu quả là, “nhân loại từ bỏ cuộc tìm kiếm một ánh sáng lớn, là chính Chân lý”.

**2/** Ngài liền nói về Dante, người trong tác phẩm *Hài kịch Thánh*, sau khi tuyên xưng đức tin với Thánh Phêrô, mô tả ánh sáng đó như một “tia lửa, rồi trở thành một ngọn lửa sáng chói và chiếu sáng trong tôi, như một ngôi sao rực sáng trên trời”. Thông điệp xây dựng trên đức tin tiên khởi của Thánh Phêrô khi tuyên tín: “Thầy là Đức Kitô, Con Thiên Chúa Hằng Sống!”

**3/** Kế tiếp, ngài lần về lịch sử của đức tin từ Abraham và đi cho đến những người Hípri trong Cựu Ước. Mầu nhiệm Nhập thể mạc khải đối tượng tối hậu của đức tin – Đức Giêsu Kitô.

**4/** “Trong nhiều lĩnh vực trong đời ta, ta tin những người khác hiểu biết nhiều hơn ta. Ta tin kiến trúc sư xây nhà ta, tin dược sĩ cho thuốc cho ta, tin luật sư bào chữa cho ta tại tòa”. Nhưng tại sao không tin Thiên Chúa? Lòng tin hoặc đức tin là một phần hết sức tự nhiên trong đời sống.

**5/** Đức tin làm biến đổi những người đang yêu. Đó là lý do tại sao ta được cứu nhờ tin vào Đức Kitô.

**6/** Trừ khi bạn tin, bạn sẽ không hiểu (Is 7,9). Trong thời đại của chúng ta, ta cần phải hiểu mối dây liên kết đức tin và chân lý. Ta sẽ không bao giờ hiểu chân lý là gì nếu ta không tin vào Đức Kitô đáng chính là chân lý.

**7/** Một lần nữa ta phải liên kết “tình yêu” với “chân lý”. Sự tách biệt giữa tình yêu và chân lý là một sai lầm nghiêm trọng của thời đại chúng ta.

**8/** Đức tin nối kết thấy và nghe. Đôi mắt “trông thấy” và đôi tai “nghe” nhưng tâm hồn hoặc trái tim thì “tin”. Do đó, tâm hồn không tin giống như mắt mù hoặc tai điếc. Rõ ràng hình tượng này đến từ chính Đức Kitô.

**9/** Ngài liền tập trung vào thông điệp Fides et Ratio của Đức Gioan Phaolô II – Đức tin và Lý trí luôn luôn hoạt động với nhau. Thần học không bao giờ nên được xem cạnh tranh với triết lý hoặc khoa học. Tất cả chân lý đều là chân lý của Thiên Chúa.

**10/** Đức tin bao hàm một cuộc hành trình và một cuộc khám phá. Đức tin tự bản thân không phải là sự hoàn thành hoặc là điểm đến. Đó là một cuộc hành trình. Abraham và các Đạo sĩ tượng trưng cho cuộc hành trình này.

**11/** “Không thể nào chỉ có tin một mình”. Đức tin luôn luôn mang tính cộng đồng. Điều này có nghĩa là đức tin luôn luôn yêu cầu phải có Giáo hội.

**12/** Bởi vì ta sống trong thời gian, cho nên đức tin được lưu truyền trong cộng đoàn. Các bí tích là phương tiện chính yếu qua đó đức tin được chuyển đến tha nhân và qua thời gian.

**13/** Mặc dù có tính cá nhân, đức tin là một và không thay đổi. Mỗi người đều cảm nghiệm đức tin một cách khác nhau, nhưng mục đích và nội dung là như nhau – bởi vì Thiên Chúa không thay đổi.

**14/** Phần thực hành ở cuối – Đức tin phải một phần của đời sống gia đình. Đức tin phải là một phần của xã hội.

**15/** Thông điệp kết thúc với Đức Maria là người duy nhất có đức tin hoàn hảo từ đầu đến cuối. Đức Thánh cha liền chấm dứt thông điệp bằng cách ký thác chúng ta cho sự chuyển cầu và chăm sóc của Mẹ Thiên Chúa.

Xin bạn hãy tự mình đọc lấy. Bạn sẽ không hối tiếc. Xin cứ dùng 15 điểm nói trên như một bản hướng dẫn.

Câu hỏi: Điểm nào trong những điểm trên tác động bạn mạnh nhất? Đối với tôi, đó là ý tưởng “đức tin luôn luôn có tính cộng đồng” và phần kết thúc với lời khẩn cầu Đức Maria.

**Tiến sĩ Taylor Marshall**

**Emmanuel Đình Quang Bàn dịch**

Nguồn: [www.conglyvahoabinh.org](http://www.conglyvahoabinh.org)

**VỀ MỤC LỤC**

**VẤN-ĐỀ TÔN-SÙNG ĐỨC BÀ MARIA**

**An-tôn Trần Văn Toàn**



Ở khắp nơi giáo-hội công-giáo tôn-sùng Đức Bà Maria một cách thật là sầm-uất. Địa-phận nào mà không có nhiều nhà thờ, đền thờ, bàn thờ Đức Bà. Giáo-hội đã lập ra nhiều lễ, nhiều cuộc rước kiệu, nhiều buổi dâng hoa, nhất là trong tháng năm, tháng Đức Bà. Có nhiều kinh, kinh cầu, nhiều bài thơ bài vãn, bài hát kính Đức Bà. Đó đây lại có những nơi hành hương, nơi Đức Bà hiện ra khuyên-nhủ và ban phát ơn lành, và người ta tấp-nập đi như trẩy hội, có khi hơn cả đi nhà thờ kính Chúa. Đối với những giáo-dân không đi hành-hương được, thì người ta thường xây bên cạnh nhà thờ các xứ một cái núi nhỏ có hang, gọi là núi Lộ-đức. Tôi còn nhớ trước đây đúng một nửa thế-kỷ, đã được xem cuộc rước tượng Đức Bà Fatima vào thủ-đô Hà-nội. Sau đó thì tượng được rước về các nơi khác, như Phát-diêm, v.v. Ngoài ra lại còn có nhiều hội-đoàn, nhiều hội dòng tu hay dòng truyền-giáo chọn Đức Bà làm bản mạng. Riêng dòng Chúa Cứu Thế thì như là chuyên-môn khuyến-khích và phổ-biến phong trào tôn-sùng Đức Bà hằng cứu giúp.

Người ngoài quan-sát một cách nông cạn thì có thể nghĩ rằng điểm dị-biệt giữa hai tông-phái Công-giáo và Tin-lành là ở chỗ bên Tin-lành không tôn-sùng Đức Bà và không chấp-nhận uy-quyền tối cao của vị giáo-tông ở Rôma. Nói cho đúng thì bên Tin-lành không phải là không biết đến vai trò đặc biệt của Đức Bà trong chương-trình cứu-độ, nhưng vì họ thường đọc Thánh-kinh nhiều, cho nên rất cẩn-thận và dè-dặt đối với những lối tôn-sùng bộc-phát nơi đại-chúng, vì nó tựa vào Thánh-kinh thì ít, mà rập theo tôn-giáo cổ-truyền trong dân-gian thì nhiều. Vẫn biết đó là một lối hội-nhập văn-hóa của đạo Chúa, nhưng trên con đường đi tới mối đại-kết với anh em Tin-lành, thiết-tưởng cần phải xét lại và giải-thích sao cho hợp với Thánh-kinh. Xét lại như thế không những không phải là vô ích, mà còn giúp chúng ta hiểu sâu hơn về giáo-lý.

Nếu ta tạm gác vấn-đề đại-kết ra một bên, thì ngay trong giới công-giáo cũng có những sự-khien gây ra thắc-mắc chung quanh vấn-đề tôn-sùng Đức Bà. Trước đây 40 năm, tức là năm 1962, khi tuần-báo *Sống Đạo* ra đời tại Sài-gòn, bí nhân đã có ý chọn lúc các vị giám-mục của chúng ta đang sửa soạn đi tham-dự Công-đồng Vaticanô II, để đưa lên mặt báo mấy điều xét là cần phải sửa lại. Trong số đó có vấn-đề lễ-nghi phụng-vụ bằng tiếng La-tinh và một vài luận-điều về Đức Bà, tuy là do lòng thành-kính mà ra, nhưng khi giảng ra cho giáo-dân có ăn học một chút thì nghe nó thế nào ấy. Ví-dụ : để khuyến-khích giáo-dân phó-dâng mọi sự cho Đức Bà, thì có vị đã nói rằng : nếu ta mất Chúa mà còn Mẹ Maria thì không đến nỗi sợ mất linh-hồn. Để giải-thích Đức Bà đồng công cứu-chuộc là làm sao, thì có vị khác đã giảng rằng : Chúa Giê-su đã chịu chết chuộc tội cho thiên-hạ, nhưng nếu quân dữ không giết Đức Chúa Giê-su thì Đức Bà là người đồng công cứu chuộc cũng rất dám ... để làm trọn việc chuộc tội. Người được nghe giảng, không những thấy nó làm sao ấy, mà còn thấy rằng giảng như thế nghe không được.

Thế nhưng chưa hết. Ngoài những truyện cổ-tích có tính-cách hùng-biện, đến nỗi ăn nói quá lời như thế, ta vẫn còn thấy trong số khá nhiều tước-hiệu dành cho Đức Bà (đưa số là ở trong kinh cầu Đức Bà) có một vài cái có thể làm cho người ta thắc mắc. Ví-dụ trong cuốn sách nhan đề là *Camino*, có nghĩa là *Đường đi*, của vị sáng-lập ra hội *Opus Dei (Việc Chúa)*, chân-phước Josemaría Escrivá de Balaguer, ta thấy trong thiên *Trình nữ thánh mẫu*, số 496, có lời nguyện như sau : "Kính mừng Maria là con Đức Chúa Cha, kính mừng Maria là mẹ Đức Chúa Con, kính mừng Maria là bạn Đức Chúa Thánh Thần". Riêng câu kính mừng thứ ba thì bản dịch Hán văn, do La Quang tổng chủ giáo (tổng giám mục) Đài-Bắc đề tựa và cho phép in tại Manila năm 1971), dịch là : "Vạn phúc Ma-lợi-á Thánh Thần đích tịnh phối" (tr 80), nghĩa là bạn thanh sạch ĐCTT. Bản dịch tiếng Pháp là : "épouse du Saint Esprit", còn chính văn tiếng Y-pha-nho là : "esposa de Dios Espiritu Santo". Người công-giáo chúng ta đã nghe như thế nhiều lần, quen quá rồi, nhưng ta thường nghe rời từng tước-hiệu và ta biết là phải hiểu theo nghĩa bóng mới được. Thế nhưng khi nghe đọc liên-tiếp ba câu ấy, nếu có suy nghĩ một chút, người giáo-dân không khỏi giật mình và đặt câu hỏi về ... liên-hệ gia-đình. Mẫu-nhiệm Chúa Ba Ngôi đã khó hiểu rồi, mà nay đưa thêm Đức Bà vào, lại càng khó hiểu hơn nữa. Nếu đem tín-điều "Đức Bà là mẹ ĐCT" mà thêm vào đó nữa, thì thật là cực kỳ khó hiểu. Vẫn biết đó là ngôn-từ, và ngôn-từ có tính-cách tương-đối và bất-cập, nhưng cũng cần phải xét lại và giải-thích lại cho có

lý-sự mạch lạc, để tránh tất cả những cái hiểu lầm. Cho nên muốn gọi cho “chính danh”, thì nay cần phải “chỉnh danh”.

Vẫn chưa hết. Cũng cần nói thêm rằng người công-giáo thường có thói quen đi hành-hương như trong các tôn-giáo khác, và thường chạy đi viếng những nơi có tiếng là nơi Đức Bà đã hiện ra. Có những nơi mà các vị hữu trách trong giáo-quyền cho là không lấy gì làm chắc, và vì thế đã không công-nhận, thế mà vẫn có người tổ-chức đi hành-hương tấp-nập, ví-dụ như Medjugorie (Croatia). Thánh-kinh chép lại lời Chúa thì không mấy khi để ý, rồi chạy theo những mặc-khải riêng tư cho bà thánh nọ, chị nữ-tu kia. Lối hành-đạo như thế rất dễ đi trệch ra ngoài trung-tâm giáo-lý. Có lẽ phần lớn là vì trong nhiều thế-kỷ, Thánh-kinh không được phiên-dịch và không tới tay giáo-dân, cho nên những người thật có lòng đạo chỉ có một cách sùng đạo như thế.

## 1- **Mấy điều đáng suy-nghĩ**

Có nhiều điều đáng suy nghĩ, đáng xét lại. Nhưng nay chỉ xin hạn hẹp vào ba sự-kiện gần đây.

### 11- *Vụ linh-mục Tissa Balasuriya bị rút phép thông-công lầm*

a) Ngày 2-1-1997, giáo-tông toà tại Vaticanô tuyên-bố linh-mục Tissa Balasuriya bị rút phép thông-công vì trong cuốn sách của ông, nhan đề là ĐB Maria và cuộc *giải-phóng con người* (*Mary and Human Liberation, Colombo, Sri-Lanka, 1990*. Bản dịch Pháp văn là *Marie ou la libération humaine, Villeurbanne, 1997*) có nhiều điều sai lạc giáo lý về tội nguyên-tổ, về Chúa Cứu thế và về những tín-điều có liên-quan đến ĐB Maria.

Dĩ-nhiên là LM TB chống án và phi-bác tất cả các điểm tố-cáo ông là rôi đạo, và ông tuyên-bố là mình hoàn-toàn tuân theo đức tin công-giáo, theo như bản tuyên-xưng đức tin của giáo-tông Phao-lô đệ lục. Giới công giáo sôi nổi vì giáo-tông toà đã kết án mà không nghe người bị cáo giải-thích cho rõ. Thế rồi kể nói đi, người nói lại, rút cục thì một năm sau, vào ngày 15-1-1998, Thánh-bộ Tín-lý đã cho phép hủy bỏ cái án ấy. Như thế chứng tỏ Thánh-bộ đã làm ăn hấp-tấp và thiếu công-bằng, cho nên đã phải sửa sai

b) *Vậy TB là ai ? Ông là người công-giáo đảo Tích-lan (Sri-Lanka), năm nay 75 tuổi. Ông đi tu năm 1945 và thụ-phong linh-mục trong hội dòng truyền giáo dâng mình cho ĐB Maria vô-nhiễm nguyên-tội (O.M.I., Oblats de Marie Immaculée). Đủ biết là ông am tường về lịch-sử các học-thuyết về ĐB và về cách thức tôn-sùng ĐB. Cho nên viết ra như thế tức là ông đã có suy nghĩ. Năm 1954 ông thành-lập học-viện cao-đẳng Aquinas ở Colombo và làm viện-trưởng từ 1964 đến 1971. Năm 1971 lại thành-lập và làm giám-đốc trung-tâm nghiên-cứu xã-hội và tôn-giáo tại Colombo. Cũng năm 1971 thành-lập và là thành-viên của phong-trào bảo-vệ nhân-quyền tại Sri-Lanka. Năm 1976, là thành-viên sáng lập ra hiệp-hội đại-kết các nhà thần-học ở Đệ-tam thế-giới (EATWOT).*

c) Trong cuốn sách dẫn trên có gì đáng chú ý ?

Trong phần dẫn-nhập, tác-giả nhận-định là theo cái nhìn của anh em Tin-lành thì người công-giáo chúng ta coi ĐB Maria như có một vị-trí cao gần bằng Thiên-Chúa. (Người Việt-nam ta trước đây mấy thế-kỷ gọi là “Đức Chúa Bà”, như thế chắc cũng vì lý-do như thế). Vì thế ông muốn xét lại căn-bản của thần-học cổ-truyền về ĐB. Căn-bản đó ông thấy là đã được xây-dựng trên bốn điểm : *một là* lối giải-thích Thánh-kinh theo nghĩa đen về mấy chương đầu của sách Sáng-thế-ký, *hai là* giả-thuyết về tình-trạng nguyên-thủy của loài người và về tội nguyên-tổ, *ba*

là lối suy-luận thiên về tưởng-tượng của các nhà thần-học, *bốn là ý-thức-hệ trọng nam khinh nữ.*

Trên căn-bản đó người ta đặt ĐB vào một vị-trí ngoại lệ : không vướng mắc tội lỗi gì, không biết gì là cảm dỗ. Tác-giả nhận-xét là nội-dung của các sứ-điệp mà ĐB hiện ra dạy bảo thì thường là tùy-thuộc vào cái nhìn của giáo-dân của mỗi thời-đại về đời sống tôn-giáo. Ví dụ ở Lộ-đức thì ĐB hiện ra xưng mình là vô nhiễm nguyên tội, nhưng lại không có một lời về giai-cấp công-nhân đang bị áp-bức kịch-liệt vào giữa thế-kỷ XIX. ĐB Fatima thì nói về cộng-sản bên Nga Xô-viết, mà không nói gì đến chế-độ thực-dân đang đàn-áp biết bao nhiêu là dân-tộc. Nói tóm lại : những lối tôn-sùng ĐB như thế chỉ nhấn mạnh vào lòng đạo có tính-cách cá-nhân chủ-nghĩa, chứ không khuyến-khích giáo-dân tranh-đấu cho công-lý. Ông viết : "Nếu chúng tôi khuyến-khích cho người ta đặt lại vấn-đề ĐB Maria, thì là vì có ý làm sao cho việc tôn-sùng ĐB không còn phải là phương-tiện đàn-áp con người, nhưng là lợi-khí đem lại cho mọi người nam nữ trên thế-giới này một cuộc sống hoàn-hảo hơn về mọi mặt" (Bản dịch Pháp văn, tr 13).

Thiết tưởng đây không phải là chỗ đi vào chi-tiết của lập-trường và lập-luận của tác-giả. Cho nên chỉ xin nhấn mạnh vào hai điểm quan-trọng.

Điểm thứ nhất : "Tất cả những điều giảng dạy trong tôn-giáo không phải là những điều phải tin một loạt như nhau" (tr 132). Nói thế khác : các chân-lý trong đạo không có một tầm quan-trọng như nhau cả. Có chân lý là then chốt, có chân lý ở trọng-tâm và có chân lý chỉ là tùy-phụ mà thôi. Đó là điều Công-đồng Vaticano II đã nhắc lại rõ-ràng. Chúa Ba Ngôi và Chúa Cứu thế mới là những chân lý then chốt.

Điểm thứ hai : tác-giả nhận xét rằng vì phải bàn luận về những điều vừa không có nói đến trong Thánh-kinh, lại vừa không dễ hiểu gì, cho nên khi thần-học giảng về ĐB Maria, thì thường bày ra nhiều giả-thuyết. Vì thế khi chúng ta nói lại thật đúng những câu Hội thánh dạy, thì chưa chắc đã hiểu được cho thông, đã quan-niệm được cho rõ, lại càng không thể hình-dung ra làm sao cả. Ví-dụ ĐB linh hồn và xác lên trời, ta nói thì dễ nói, nhưng phải hiểu ra làm sao, vì ai cũng biết trời là thiên-đàng, chứ không phải là một chỗ trong không-gian, thế mà xác thì lại ở trong không-gian ; nếu bảo rằng cái xác sống lại đã biến-thể mà không còn ở trong không-gian, thì sao gọi được là xác, để rồi cứ phải giải thích loanh-quanh. Đại khái các tín điều khác về ĐB, ví dụ như ĐB trọn đời đồng trinh, cũng khó hiểu như thế cả, và vì thế cần giải thích lại cho rõ ý.

Nhưng vẫn chưa hết vấn-đề. Tác-giả nhận thấy rằng các điều suy-luận của thần-học về ĐB tựu chung đều tựa vào một giả-thuyết về tình-trạng nguyên-thủy của loài người ta khi chưa sa ngã phạm tội. Thế rồi từ cái phỏng đoán đó mới suy-diễn thêm ra như sau : Đức Giê-su không ở dưới ách quỷ Sa-tan, vì không mắc tội nguyên-tổ, cho nên người không có cha về phần xác. Mẹ người đồng trinh, nhưng nếu mắc tội nguyên-tổ thì tất sẽ truyền tội ấy cho người, cho nên phải luận ra rằng mẹ người vô nhiễm nguyên tội : đó là tín-điều công-bố năm 1854. Thế có nghĩa là mẹ người không có dục-vọng, không có khuynh-hướng tội lỗi, và hoàn-toàn thánh-thiện. Do đó thân xác ĐB Maria không thể bị hư nát, vì đó là hậu-quả của tội lỗi. Cho nên phải luận thêm ra rằng mẹ người linh-hồn và xác lên trời : và đây là tín-điều công-bố năm 1950.

Có lẽ không cần phải nhắc lại rằng hai tông-phái Chính-thống và Tin-lành không công-nhận tín-điều ĐB vô nhiễm nguyên tội, vì không thấy có chứng cứ gì trong Thánh-kinh. Tựu chung, càng nâng cao ĐB lên, thì càng đưa người ra ngoài nhân-loại, càng hạ thấp nhân-loại xuống, nhất là hạ thấp phụ-nữ. Đặt vấn-đề như thế không phải là có ý hạ thấp ĐB. Trái lại, tác-giả, cũng như anh em Tin-lành đều công-nhận là ĐB có đức tin tuyệt vời, có lòng khiêm-nhượng đáng làm gương mẫu cho mọi người.

Tác-giả bị tố cáo là không tin có tội nguyên-tổ di truyền cho khắp loài người. Có điều nên nhớ, là niềm tin đó đã xuất-hiện khá muộn, và không dễ gì tìm ra bằng chứng trực-tiếp trong Thánh-kinh. Tuyên-xưng ra cho đúng khẩu-hiệu thì không khó gì, nhưng cái nội-dung của niềm tin đã

được công-bố thành ra tín-điều ấy, ta không dễ gì giải-thích cho người đương thời với chúng ta hiểu rõ. Thực ra những công-thức được dùng đó đã trả lời cho những câu hỏi của người xưa, đặt ra trong bối-cảnh văn-hóa và tư-tưởng khác bây giờ, cho nên nếu cứ dạy lại đúng như thế, thì người thời nay có thể hiểu sai đi, hay là không hiểu gì nữa, vì văn-hóa và đường lối tư-tưởng đã đổi đi nhiều.

Vấn-đề nêu ra trên đây có vẻ là tầy trời, nhưng đó là những suy-tư thần-học, dẫu có thâm-thúy mấy đi nữa, thì cũng không trình bày được toàn-diện niềm tin, lại có tính-cách tương-đối, vì nó tùy-thuộc vào một chặng đường phát-triển của đức tin trong một văn-hóa nhất-định. Trong đời sống tôn-giáo, nó không quan-trọng cho bằng nếp sống đạo của chúng ta, cho bằng đức tin, đức cậy, đức mến của người giáo hữu, tuy họ không có phương-tiện suy-tư những điều cao-siêu trừu-tượng như thần-học nhà nghề.

Dù sao linh-mục Tissa Balasuriya cũng đã phải một lần ... hú vía, xuyt nữa bị rút phép thông-công suốt đời. Cũng may là bề trên đã sớm nhận ra là mình lầm.

### 12- Tôn-sùng Đức Bà thế nào cho hợp với Phúc-âm ?

Đó là đề-tài do Bruno Chenu, linh-mục phụ-trách về mục tôn-giáo trong nhật-báo *La Croix tại Paris*, đã viết trong báo ngày 13-8-1999, nhân dịp lễ ĐB linh-hồn và xác lên trời. Bài đó nhan đề là "Evangéliser la piété mariale populaire". Tuy chỉ là một nửa trang báo, nhưng nội-dung của nó vừa súc-tích, lại vừa đặt vấn-đề đúng lúc.

Vấn-đề là ngày nay ta thấy có nhiều hình-thức tôn-sùng ĐB đã bộc phát trong dân-gian, bề ngoài có vẻ đích thực là công-giáo, nhưng ai tinh mắt một chút thì thấy rằng nếu cạo lớp sơn công-giáo đi, thì còn lại những hình-thức tôn-giáo cổ-sơ.

Cũng không lạ gì. Vì những hình-thức lễ-nghi công-giáo ngày xưa, vì lý-do hội nhập văn hóa, thường là lấy lại những lễ-nghi đã có sẵn trong các tôn-giáo đã có trước, thay đổi một vài chi-tiết, rồi cho nó một ý-nghĩa mới. Người bôn đạo mới có cảm-tưởng là vẫn hành-đạo như xưa, nhưng thực ra ý-nghĩa của nó đã khác hẳn khi trước. Thực thế, lễ-nghi không còn chỉ về những hiện-tượng tự-nhiên trong trời đất, nhưng nhằm tưởng-niệm những sự-kiện lịch-sử có liên-quan đến hành-động cứu-độ của Thiên-Chúa. Vì thế không phải tất cả những gì đã có trong các tôn-giáo khác, ta đều có thể lấy lại và đồng-hóa được cả. Nếu làm như thế, ta sẽ có cái nguy là đánh mất bản-sắc của đạo Chúa và rơi vào trạng-thái hỗn-độn, hổ-lốn.

Riêng về ĐB Maria tác-giả viết : "Không phải cứ nói "Maria" thì tự-nhiên tránh được đạo thờ mẫu (déesse-mère)". Đọc câu đó, người Việt-nam ta, ai không biết rằng, ngoài các đạo thờ Phật, thờ tiên, thờ thánh, thờ Đức thánh Trần, trong dân-gian, người ta thờ mẫu khá nhiều trong các cuộc lên đồng. Có mẫu Liễu-hạnh, mẫu Thiên-y-a-na, mẫu thượng-thiên, mẫu thoải (thủy), mẫu thượng-ngàn, lại còn bà Tây-vương-mẫu, bà Thiên-hậu v.v. Vị nào thiêng thì thờ hết. Cho nên nếu thấy thánh-mẫu ĐB Maria thiêng, thì có thể thờ thêm vào cũng chẳng hại gì, mà còn có lợi là khác.

Cách đây gần 40 năm, khi chúng tôi nghiên-cứu về Thiên-tiên thánh-giáo ở miền Huế, thì hay đi xem lên đồng ở nhiều đền, nhiều am ở vùng thành phố Huế, và đi với cô giám-đốc trung-tâm văn-hóa Pháp, cô này trước đã dạy học tại Cao-mên và nghiên cứu về văn-hóa Cao-mên. Chúng tôi có hỏi xem bên Cao-mên có cái gì giống-giống như lên đồng ở Việt-nam không, cô ấy cho biết là có và còn nói thêm rằng bên đó có nơi còn có ĐB Maria đôi khi giáng đồng nữa. Chúng tôi rất thắc-mắc, vì biết rằng người công-giáo không bao giờ làm truyện đó, nhưng không có phương-tiện kiểm-chứng xem thực hư thế nào. Dù sao, với cái thói quen của người

Á-châu, thấy có vị nào linh-thiên thì thờ cả - tôi trộm nghĩ đạo Cao-đài là một trường hợp điển-hình - thì nếu việc đó có thật, cũng không khó hiểu gì.

Tôi lại sực nhớ đến bài hát kính ĐB "Lạy Mẹ là ngôi sao sáng, soi lối cho con lúc vượt biển thế-gian" và những bài hát cùng một đề-tài như thế. Đối với dân chài sống chật-vật ở bờ biển Việt-nam, cũng như đối với dân Trung-hoa lưu-vong trên biển đông hay là phiêu dạt vào Việt-nam, thì bài hát đó, nếu họ muốn hát, có thể dùng để cầu khẩn với các nữ thần ngoài biển, như bà Thiên-phi hay bà Thiên-hậu, để xin các vị phù-trì cho mình vượt biển hay vượt biên may-mắn. Người công-giáo chúng ta biết rằng ĐB Maria khác hẳn các mẫu, các bà Thiên-phi, Thiên-hậu ; nếu gọi ngài là "nữ-vương", thì chắc là có ý nói ngài là vua bà, chứ không phải là một trong số các bà vợ lớn vợ bé của vua nào đó. Đủ biết khi hội-nhập văn-hóa, bao giờ cũng phải rất cẩn-thận kéo lẫn.

*Bây giờ xin trình-bày ra đây ba tiêu-chuẩn, do Bruno Chenu đưa ra để giữ cho việc tôn-sùng ĐB Maria được hợp với Phúc-âm :*

Thứ nhất : "Phép tôn-sùng ĐB Maria có cái khuynh-hướng rất mãnh-liệt (furieux), là thay đổi hẳn vị-trí của ĐB. Người ta không còn coi ĐB như vẫn còn đứng về phía nhân-loại đang cần được Chúa cứu-độ, nhưng là đứng về phía Thiên-Chúa, dùng phép-tắc vô-biên của Chúa để dàn xếp mọi việc cho xuôi. Vì thế phương-hướng thứ nhất phải đổi là coi ĐB thật là người con của dân Israel, là người tín-hữu và là người môn-đệ".

Thứ hai : "Nếu chúng ta lắng tai nghe ĐB Maria, thì sẽ được dẫn-dắt tới con của ngài là Đức Giê-su. Vì ĐB Maria luôn luôn có mặt ở nơi cửa đưa ta vào mầu-nhiệm Chúa xuống thế làm người. Vì thế phương-hướng thứ hai phải đổi là thế này : nếu trước đây tôn-giáo bình-dân đặt ở nơi ĐB Maria tình âu-yếm, lòng từ-bi, tình thương-yêu, thì nay phải nhìn cho rõ rằng đó là đặc-tính của Chúa", không phải vì Chúa là Thiên-Chúa, mà là vì Chúa đã xuống thế làm người.

Thứ ba : "Lối sùng đạo của người bình-dân thường là hoàn-toàn trông cậy vào người khác một cách phù-thủy ma-thuật. Thực ra ĐB Maria tuy hoàn-toàn vâng theo ý Chúa, nhưng không bao giờ trốn trách-nhiệm. Ngài đã chấp-nhận sứ mạng làm mẹ cho đến cùng để đi theo con đường đức tin. Và có lẽ đây là điểm trọng-yếu của lời Chúa Cứu-thế giảng dạy : chính Thiên-Chúa đứng ra yêu-cầu chúng ta, và khi thấy chúng ta, nam cũng như nữ, đứng thẳng lên được, thì Chúa coi đó là vinh-quang của ngài".

Chính vì cần phải sửa đổi như thế cho nên tác-giả chủ-trương không nên dùng chữ "culte" (thờ) khi nói về ĐM Maria, mà chỉ nên dùng khi nói về Chúa Ba Ngôi mà thôi.

Đó là điều thật hiển-nhiên, nhưng cũng phải nói cho rõ, kéo lẫn-lộn ngôi thứ. Vẫn biết là ở Việt-nam, sách giáo-lý *Phép giảng tám ngày* (1651) của giáo-sĩ Alexandre de Rhodes đã phân-biệt rõ-ràng ba phép thờ là : *latria*, dành cho Chúa, *dulia*, dành cho các thánh nam nữ, và *hyperdulia*, dành riêng cho ĐB. Nhưng trong ngôn-ngữ Việt-nam ta chỉ có một chữ thờ được áp-dụng vào các vị bề trên : như thờ vua, thờ cha mẹ, thờ thầy (dạy), thờ mẫu, thờ thần, thờ thần-vị, v.v., rồi thờ Chúa, thờ ĐB, thờ các thánh.

Vì ngôn-ngữ hàm-hồ như thế cho nên ta nên cẩn-thận. Ví dụ kiểu nói "nhà thờ ĐB", thì có thể hiểu là nhà thờ (Chúa) lấy tên ĐB, nhưng cũng có thể hiểu là trong nhà đó thì thờ ĐB. Còn như "bàn thờ ĐB" thì khó mà hiểu cho hợp giáo-lý. Tôi rất lấy làm khó nghĩ khi nghe nói là vị nọ vị kia được phong thánh, tức là được vinh-dự đưa lên bàn thờ . Có lẽ vì cha ông chúng ta có nói đến nhà thờ hay bàn thờ tổ-tiên, mà các vị thừa sai trước đây đã đề-nghị phải cấm, kéo không phân-biệt được Thiên-Chúa với các vật thụ-tạo. Lý-do là vì thế, chứ không phải là vì có đầu óc hẹp-hòi, lại càng không phải là vì không biết kính ông bà cha mẹ.



### 13- Vị Hồng-y Ratzinger và sự lạ Fatima

Từ lâu rồi quần-chúng trong các tôn-giáo thường hay đi hành-hương, đi trẩy hội. Người công-giáo cũng thế, thích đi thăm viếng những nơi có tiếng là có mặc-khải riêng tư, hoặc là do ĐC Giê-su, hoặc là do ĐB hiện ra dạy bảo. *Sự lạ Fatima* đã được dịch ra tiếng Việt, trước khi có người Việt phiên-dịch toàn-bộ Thánh-kinh. Trước đây nửa thế-kỷ, tượng ĐB Fatima đã được rước đi tuần-du trên đất Việt-nam, đem lại cho người công-giáo nhiều hi-vọng, vào lúc chiến-tranh mới bắt đầu và chỉ chấm dứt 25 năm sau. Chúng ta biết truyện ĐB Fatima, vào năm 1917, đã cho ba trẻ chăn chiên, là Lucia, Francisco và Jacinta, ba lời nhắn-nhủ. Mấy năm sau thì Francisco và Jacinta mất sớm, chỉ còn Lucia. Có hai lời nhắn-nhủ đã được công-bố ra. Mãi tới năm 1944, Lucia lúc đó đã thành nữ-tu, mới viết ra lời nhắn-nhủ thứ ba, nhưng bản văn không được công-bố, nhưng được tàng-trữ trong văn-khố của giáo-tông-tòa tại Roma, vì thế gọi là cái bí-mật Fatima thứ ba.

Thế rồi vào ngày 13-5-2000, giáo-tông Gio-an Phao-lô đệ nhị đã thân-hành đi Fatima và ở lại đó ngày chủ-nhật hôm sau để tuyên-phong cho Francisco và Jacinta làm chân-phước. Từ lâu vị giáo-tông đã vẫn đĩnh-ninh rằng khi mình bị mưu-sát, bị bắn trúng bụng trước nhà thờ thánh Phê-rô ngày 13-5-1981 mà thoát chết, thì đó là vì có tay ĐB Fatima che chở. Cho nên ngài thích đi hành-hương Fatima. Nhân dịp lễ tuyên-phong đó, vị Hồng-y Sodano, là bộ-trưởng bộ ngoại-giao của giáo-tông tòa, có tuyên bố là bí-mật Fatima thứ ba sắp được công-bố, và nói hờ trước ra rằng ngày 13-7-1917 ĐB đã cho ba trẻ em thấy một giám-mục bận áo trắng bị bắn ngã gục xuống đất như chết vậy.

Nhắc đến các sự việc ấy, nhật-báo *Le Soir* (Bruxelles, ngày 15-5-2000) đặt câu hỏi : biết đâu vị giám mục bận áo trắng ấy lại chẳng phải là Oscar Romero, vị giám-mục đã bị bắn chết ngay trước nhà thờ chính-tòa tại San-Salvador năm 1980, chứ chắc gì là giáo-tông Gio-an Phao-lô đệ nhị. Trong nhật-báo *Le Monde* (Paris, ngày 3-5-2000, linh-mục Jean Cardonnel thuộc tu-hội thánh Đa-minh đã có phản-ứng mạnh trong một bài báo nầy lửa, nhan đề là "Le faux troisième secret de Fatima" (Cái bí-mật Fatima thứ ba giả mạo). Ông trích-dẫn lại lời của nhà báo Enzo Bianchi viết trong tờ báo tiếng Ý, *La Repubblica* : "Một vị Thiên-Chúa mà năm 1917 đã có ý cho biết trước rằng người theo đạo Chúa Cứu-thế sẽ bị bách-hại, mà không nói gì đến cái nạn Shoah và sáu triệu người Do-thái, thì vị đó không đáng tin-nhiệm". Vì chẳng lẽ Thiên-Chúa và ĐB lại kỳ-thị chủng-tộc đến thế : chỉ biết lo cho người công-giáo, mà hoàn-toàn bỏ rơi dân riêng của mình lúc đó đã thành ra một dân-tộc vong-quốc ? Trong phần cuối bài, ông viết ; "Cái bí-mật Fatima thứ ba là bí-mật giả-mạo, chứng cứ hiển-nhiên là nó không có liên-quan gì hết đến tác-phẩm duy nhất, tuyệt vời của Thánh-nữ đồng-trình Maria, tức là bài ca *Magnificat*, hiển-chương của những người nổi lên cách-mạng trong khắp thế-giới", vì trong bài ca đó có nói rằng Đức Chúa đã lật đổ ngai vàng của những người quyền-quí, và đã đề cao những người bị khinh-dể, v.v.

Chắc hẳn những phản-ứng như thế đã làm cho các vị hữu-trách trong giáo-tông-tòa giật mình suy nghĩ. Vì thế trong buổi họp mặt các nhà báo sau khi bí mật Fatima được công-bố, thì Hồng-y Ratzinger, bộ-trưởng bộ Tín-lý, đã cố ý tránh không cho nó thành một tin giật gân, như Hồng-y Sodano đã nói hờ ra trước đây, hơn nữa đã tìm cách xác-định lại vị-trí của nó cho hợp với giáo-lý, như sau :

*Thứ nhất : trong cái gọi là bí-mật đó không có mặc-khải một mẫu-nhiệm nào quan-trọng, lại cũng không vén màn cho ta thấy tương-lai.*

*Thứ hai : cái "bí-mật" Fatima không phải là một tín-điều mà người theo đạo phải tin cho được rồi linh-hồn, vì đó chỉ là mặc-khải riêng tư, có mục-đích là giúp cho ta hiểu và sống theo Phúc-âm trong ngày hôm nay. Cho nên không buộc phải tin như mặc-khải trong Thánh-kinh.*

*Thứ ba : sứ-điệp Fatima khuyên nhủ ta cầu nguyện, ăn-năn thống-hối, đồng thời nhắc lại trọng-tâm của Phúc-âm và vai trò của ĐB trong lịch-sử cứu-độ, lại nhấn mạnh vào chức-vi cao-quí của người phụ-nữ.*

*Thứ bốn : sứ-điệp Fatima cũng nhắc đến việc các chính-thể vô thần chống lại giáo-hội và giáo-hữu. Thế-kỷ này là thế-kỷ những người chịu chết vì đạo.*

*Thứ năm : sau cùng thì Hồng-y Ratzinger gạt bỏ tính cách tất-định trong những lời tiên-đoán như ở Fatima. Chứng cứ là giáo-tông, vị giám-mục áo trắng, đã bị bắn nhưng không chết. Tóm lại : sứ-điệp đó là sứ-điệp lạc-quan, vì tình thương bao giờ cũng mạnh hơn lòng ghét.*

## **2- Một vài nhận xét**

Để hiểu cho rõ vấn-đề nêu ra trên đây, tôi xin đưa ra một vài nhận xét :

### **21- Quan-niệm hơi lệch-lạc về Chúa Giê-su Cứu-thế**

Đây là giả-thuyết mà tôi đã trình-bày trong mấy bài viết ra gần đây. Đại khái như sau.

Theo như giáo-lý của đạo ta, thì Chúa Cứu-thế Giê-su là vị môi-giới duy nhất giữa Thiên-Chúa và loài người. Chính vì vừa là Thiên-Chúa, vừa là người thật, cho nên ngài là Thiên-Chúa hiện-thân ở giữa chúng ta. Đó là điều rất khó quan-niệm, cho nên trong lịch-sử thần-học, người ta rất dễ hướng về một trong hai cực-đoan : có lúc thì coi ngài chỉ là người, có lúc lại coi ngài chỉ là Thiên-Chúa mà thôi.

Chính vì coi ngài là Chúa cao sang, là vua vinh-hiến, cho nên tất nhiên phải cảm thấy ngài xa chúng ta quá. Nhận-định như thế đã sinh ra nhiều hiệu-quả. Về việc xây cất nơi thờ tự về trước đây, thì nhà thờ không còn có vẻ là nơi anh em con cái trong gia-đình Chúa họp nhau ăn tiệc, nhưng là cung điện nhà vua. Bàn thờ thì để rất xa giáo-dân và được trang-trí sơn son thiếp vàng như ngai vua, để Chúa ngự. Chung quanh bàn thờ là cung thánh. Chúng ta dùng chữ "cung" như khi nói về cung điện nhà vua ở dưới đất này, hay là khi nói về các thứ cung trên thiên-tào trong đạo Lão : Thái-thanh cung, Thiên-đế cung, Văn-xương cung v.v. Trong các nhà thờ lớn đã xây cất ở Âu-châu trước đây, nhiều khi cung thánh còn có hàng rào, không những đàn bà con gái, mà cả giáo dân thường cũng không được phép lai vãng, có chăng thì là để quét tước lau chùi. Thế rồi vào năm 1925, giáo-tông Piô XI đã đặt ra lễ Đức Chúa Giê-su làm vua, và đặt vào ngày chủ-nhật cuối cùng trong tháng mười. Đi nhà thờ tức là đi chầu Chúa, chầu Minh Thánh, không khác gì đi chầu vua, cho nên phải hết sức nghiêm trang không được nói truyện hay là quay ngang quay ngược.

Giáo dân đã xa bàn thờ, và trước Công-đồng Vaticanô II, lễ-nghi lại phải cử-hành bằng tiếng La-tinh, cho nên không trực tiếp tham dự vào thánh-lễ được. Vì thế chỉ còn có một cách là "chiêm lễ", là xem lễ. Muốn cầu-nguyện trong ván lễ thì chỉ biết đọc kinh lần hạt mà thôi. Phải đến sau công-đồng mới thay đổi.

Cũng chính vì Chúa Cứu-thế đã xa chúng ta quá cho nên những tâm-hồn ngoan đạo cần phải tìm ra môi-giới để tới Chúa. Người công-giáo có hai thứ môi-giới : trên trời thì có Đức Bà và các thánh cầu bầu cho chúng ta, dưới đất thì có vị giáo-tông ở Roma, quen gọi là giáo-hoàng, như một hoàng-đế phần đời, để thay mặt Chúa dạy-dỗ (người công-giáo Trung-hoa trước đây gọi là giáo-hóa-hoàng), và cai-trị Hội thánh. Cho đến nỗi có những vị thánh như Catarina người thành Sienna, đã coi giáo-hoàng như là Thiên-Chúa hay là Chúa Cứu-thế ở dưới đất này.

Ngần ấy cũng đủ thấy là chúng ta đã quên bẵng đi rằng “ngôi thứ hai xuống thế làm người và ở cùng chúng tôi”, lại đặt ra phép Thánh-thể để “ở lại với loài người ta cho đến hết đời”. Đó là cái quên tày trời, vì chẳng có giáo-hoàng, Đức Bà, ông thánh hay bà thánh nào lập được phép Thánh-thể như thế cho chúng ta.. Theo cái đà như thế, giáo-dân quan-niệm rằng càng có nhiều ông thánh bà thánh thì ta càng có nhiều người bầu cử cho ta trước mặt ĐCT. Vì thế người ta rất hào-hứng về việc phong-thánh. Dân-tộc nào cũng muốn có người của mình được phong thánh, các tu-hội cũng vận-động cho vị sáng lập ra dòng mình được phong thánh, mà không ngại tốn công tốn của. Để đáp-ứng lại cái ước vọng đó, các vị giáo-tông, nhất là vị giáo-tông đương-kim, đã và còn sẽ ra tay phong cho rất nhiều người tội ngay con thảo của Chúa được “cái vinh-dự đưa lên bàn thờ”. Rồi thêm vào đó, việc người ta tấp-nập đi hành-hương ở những nơi có tiếng là nơi ĐB đã hiện ra, thiết tưởng một phần lớn cũng là do quan-niệm hơi lệch-lạc đã nói trên đây mà ra vậy.

## 22- Đức Bà và đạo thờ mẫu

Trên đây tôi đã nói qua rằng trong nước ta dân-gian đã sẵn có đạo thờ mẫu, và một khi đã quen thờ nhiều mẫu rồi thì khi đạo Chúa truyền vào và dạy kính thờ thánh-mẫu Maria, dân chúng có thêm một mẫu nữa lại càng hay. Ai bảo như thế là thiếu hội-nhập văn-hóa ?

Người ta thường nói, đạo thờ mẫu có công-dụng là làm dịu bới cái luật khát-khe của Khổng-giáo, trọng nam khinh nữ. Phép “tam tông” làm cho người đàn bà như không bao giờ đến được tuổi trưởng thành. Nếu người cha là “nghiêm-phụ” hay “nghiêm-đường”, thì người mẹ là “từ-mẫu”, có thể nếp sống gia-đình mới có thẳng bằng. Cũng nên chú ý là trong Phật-giáo thì vị bồ-tát tượng trưng cho lòng từ-bi, là Avalokitesvara, thuộc về nam-giới, nhưng khi được đưa vào những nước theo văn-hóa Trung-quốc theo Khổng-giáo, thì thành ra Phật bà Quan-âm, “Đại bi Quán-thế-âm bồ-tát”. Khi người Việt trông vào ảnh tượng ĐB bé ĐC Con, thì có thể nghĩ đến hình vẽ Quan-âm tống tử. Việc tôn-sùng ĐB Maria đã có ở Âu-châu trong hoàn-cảnh nói trên, khi được đưa vào Việt-nam thì đã gặp sẵn điều-kiện để hội-nhập văn-hóa và để phát-triển không kém gì Âu-châu.

Khi ĐB hiện ra kêu gọi phải ăn năn thống-hối, nếu không thì ĐB khó mà đỡ tay Chúa đang đè nặng, định giáng hình phạt xuống người có tội, thì cái hình ảnh người mẹ đỡ tay người cha cho con khỏi phải đòn, thật là dễ hiểu đối với người Việt-nam. Thiết tưởng nếu người công giáo Việt-nam tôn-sùng ĐB Maria một cách đặc biệt, thì cũng không có gì là khó hiểu.

Có điều cần phải nói thêm cho rõ để tránh hiểu lầm : Đức Bà Maria là mẹ Đức Giê-su, và là nhân-vật có thực trong lịch-sử. Sách Phúc-âm chú-trọng vào Đức Giê-su, cho nên nói về mẹ Ngài rất ít. Về sau này, khi thần-học suy-luận rộng ra và lòng tôn-sùng được phổ-biến, thì giáo-hội mới thêm cho Đức Bà nhiều tước-hiệu, như ta thấy trong Kinh cầu Đức Bà. Còn các mẫu trong tôn-giáo dân-gian thì là tượng-trưng cho những hiện-tượng và những mãnh-lực thiên-nhiên có ảnh-hưởng đến đời sống con người, cho nên được tôn thờ. Người ta đặt tên cho các vị đó để phân-biệt phạm-vi quyền-năng, và tuy đôi khi trong các bài văn chầu cũng có nói đến sự tích lai-lịch, nhưng đó không phải là những nhân-vật có thật trong lịch-sử, Điều có thực là các vua Việt-Nam đã ban sắc phong thần, cho phép dân được tôn thờ. Đủ biết không thể lẫn Đức Bà Maria với các mẫu trong tôn-giáo dân-gian.

## 23- Giáo-tông Gi-oan Phao-lô II trong ngày đại-hội quốc-tế thanh-niên

Có một điều làm cho các nhà báo đều chú ý, là trái lại những lần trước đây, thì trong ngày đại-hội quốc-tế thanh-niên năm 2000 ở Roma, giáo-tông ít nói về luân-lý cá-nhân, nhưng đã nhấn

manh vào trọng-tâm của đạo Chúa : Chúa Cứu-thế đã xuống thế làm người và ở cùng chúng ta, gần-gũi với ta. Ai cũng biết là giáo-tông rất có lòng tôn-sùng ĐB Maria, nhưng với tư-cách là chứng-nhân của Chúa Cứu-thế, ngài đã nêu cao vai trò môi-giới của Đức Giê-su. Đó là một điều quan-trọng rất đáng nêu ra, vì nó làm cho lối sống đạo của ta đi vào đúng hướng.

## Kết luận

Trên đây tôi đã trình-bày những lý-do làm cho lối sống đạo của dân công-giáo hơi thiếu thăng bằng : một là quan-niệm thần-học có chỗ lệch-lạc, hai là vì không tham-gia được vào lễ-nghi cử-hành bằng tiếng La-tinh. Có thể nói thêm là còn vì thiếu bản dịch Thánh-kinh ra tiếng Việt, cho nên không tiếp-xúc được thăng với lời Chúa. Và vì thế tựa theo tôn-giáo bình-dân cổ-sơ mà thờ-phượng và tôn-sùng.

Nhưng xét cho cùng thì không đúng hẳn như thế. Vì lẽ rằng giáo-ly và thần học ngày xưa không có lệch-lạc. Có chăng thì là vì người ta đã quên những điều đã học.

Thực vậy, sách bển của chúng ta, sách bển mà tôi đã học thuộc lòng trước đây hơn nửa thế-kỷ, sách bển đã dạy thật gọn và thật đúng. Tôi xin trích ra đây một đoạn để làm kết-luận cho bài này :

*“Hỏi : Có nên thờ phượng rất thánh Đức Bà cùng các thánh bằng Đức Chúa Lời (Trời) chẳng ? Thưa : Chẳng nên, một phải kính rất thánh Đức Bà cùng các thánh vì là đáng đã có công trọng làm tôi ngay đẹp lòng Đức Chúa Lời mà chớ. -*

*Hỏi : Rất thánh ĐB cùng các thánh có được ban ơn cho ta chẳng ? Thưa : Chẳng được, vì có một Đức Chúa Lời là chính Đấng ban ơn cho ta mà thôi” (Bổn dạy những lẽ cần cho được rỗi linh-hồn, Địa phận Hà-nội, 1958, Phần thứ ba, Đoạn thứ nhất, Điều răn thứ nhất, trang 110-111).*

Lambertart, ngày 24-08-2000

## An-tôn Trần Văn Toàn

### Tái bút :

A- Bài này viết trước đây 20 tháng, đã tính cho in ra ở Việt-nam, nhưng lúc đó không tiện in. Nay nhân dịp giáo-tông-tòa mới cho công-bố một văn-kiện dài về các cách-thức tôn-sùng (dévotion) trong giới công-giáo, phải làm sao cho hợp giáo-ly, thì tôi trộm nghĩ trong hoàn cảnh mới, bài này còn có thể đóng góp vào việc xét lại một số tập-quán của chúng ta. Và cũng nhân dịp này tôi có thêm mấy câu vào mục 22 (Đức Bà và đạo thờ mẫu) để tránh những cái hiểu lầm có thể vô tình gây ra. (Lambertart, ngày 12-07-2002).

B- Đã đăng trong : *Triết Đạo* (Journal of vietnamese Philosophy and religion), Vienna (VA, USA), năm 3 (2003), số 5, 48-66. Cũng đã in lại trong : *Dấn Thân* (Phong trào giáo dân, Houston), Katy (TX, USA), bộ V, số 4-5, tháng 5 năm 2003, tr 09-27. (\*Dunlac.org).

C- Đức Hồng-y Ratzinger (đã nhắc đến trên đây), thì đã được tôn làm giáo tông Biển- Đức XVI, và nay đã về hưu tại Vaticanô.

D- Trong thư mục, ngoài cuốn sách của Tissa Balasuriya, thì nay cần phải thêm cuốn sách khá đầy đủ của Dominique Cerbelaud (dòng Đa-minh): *Marie. Un parcours dogmatique*, Cogitatio fidei, số 232, Éd. Cerf, Paris, 2004. (Lambertart, 11-12-2013).

## VỀ MỤC LỤC

### **ĐỐI THOẠI NĂM ĐỨC TIN: ĐÂU LÀ TÔN GIÁO ĐÍCH THỰC MANG LẠI HẠNH PHÚC CHO CON NGƯỜI**

**VẤN ĐỀ 22:** *Trên thế giới ngày nay có rất nhiều tôn giáo và tôn giáo nào cũng dạy ăn ngay ở lành, cũng tự cho tôn giáo của mình là đích thực bắt nguồn từ trời. Vậy làm thế nào để phân biệt: đâu là tôn giáo thực sự do Thiên Chúa ? Đâu là con đường dẫn đến Thiên Chúa cách chắc chắn nhất và mang lại hạnh phúc cho con người?*

#### **ĐÁP:**

#### **1. CÂU CHUYỆN: TÔN GIÁO NÀO TỐT NHẤT ?**

Tại một cuộc hội thảo bàn tròn về tôn giáo và tự do có Đức Đạt Lai Lạt Ma và tôi cùng tham dự. Lúc tạm nghỉ, tôi hỏi ngài, vừa tinh nghịch vừa tò mò: “Thưa ngài, tôn giáo nào tốt nhất?”.

Tôi nghĩ ngài sẽ nói: “Phật giáo Tây Tạng” hoặc “Các tôn giáo phương đông lâu đời hơn Ki-tô giáo nhiều”.

Đức Đạt Lai Lạt Ma trầm ngâm giây lát, mỉm cười và nhìn vào mắt tôi... Điều này làm tôi ngạc nhiên vì tôi biết đây là một câu hỏi ranh mãnh. Đức Đạt Lai Lạt Ma trả lời: **“Tôn giáo tốt nhất là tôn giáo đưa anh đến gần Đấng Tối Cao nhất. Là tôn giáo biến anh thành con người tốt hơn”**.

Để dấu sự bối rối của tôi trước một câu trả lời đầy khôn ngoan như thế, tôi hỏi: “Cái gì làm tôi tốt hơn?”. Ngài trả lời: **“Tất cả cái gì làm anh biết thương cảm hơn, biết theo lẽ phải hơn, biết từ bỏ hơn, dịu dàng hơn, nhân hậu hơn, có trách nhiệm hơn, có đạo đức hơn. Tôn giáo nào biến anh thành như vậy là tôn giáo tốt nhất”**.

Tôi thình lạng giây lát, lòng đầy thán phục, ngay cả bây giờ, khi nghĩ đến câu trả lời đầy khôn ngoan và khó phản bác của ngài.

Ngài nói tiếp: **“Anh bạn ơi, tôi không quan tâm đến tôn giáo của anh hoặc anh có ngoan đạo hay không”**. **“Điều thật sự quan trọng đối với tôi là cách cư xử của anh đối với người đồng đẳng, gia đình, công việc, cộng đồng, và đối với thế giới”**. **“Hãy nhớ rằng vũ trụ đặt lại hành động và tư tưởng của chúng ta”**. **“Quy luật của hành động và phản ứng không chỉ dành riêng cho vật lý. Nó cũng được áp dụng cho tương quan con người. Nếu tôi ở hiền, thì tôi gặp lành. Nếu tôi gieo gió, thì tôi gặt bão”**. **“Những gì ông bà nói với chúng ta là sự thật thuần túy. Chúng ta luôn nhận được những gì chúng ta mong ước cho người khác. Hạnh phúc không phải là vấn đề số mệnh. Đó là vấn đề lựa chọn”**.



Cuối cùng ngài nói: **“Hãy suy tư cẩn thận vì Tư Tưởng sẽ biến thành Lời Nói. Hãy ăn nói cẩn thận vì Lời Nói sẽ biến thành Hành Động. Hãy hành xử cẩn thận vì Hành Động sẽ biến thành Thói Quen. Hãy chú trọng Thói Quen vì chúng hình thành Nhân Cách. Hãy chú trọng Nhân Cách vì nó hình thành Số Mệnh, và Số Mệnh của anh sẽ là Cuộc Đời của anh... và... Không có tôn giáo nào cao trọng hơn Sự Thật”**.

(Nguồn: [www.lamhong.net](http://www.lamhong.net) )

## 2. TRẢ LỜI:

Quan sát sinh hoạt của con người trên thế giới từ xưa đến nay, ta thấy xuất hiện rất nhiều tôn giáo khác nhau tùy theo trình độ văn minh và ở nhiều địa phương... đến nỗi một triết gia đã định nghĩa: “Con người là con vật có tôn giáo”.

Sở dĩ con người có tôn giáo chính là vì con người có trí khôn biết suy luận từ cái đã biết đến điều chưa biết, từ hậu quả đến nguyên nhân, nên con người đã sớm biết có Đấng Tạo hóa, và do lòng biết ơn thúc đẩy con người đã biểu lộ bằng các hình thức lễ bái tôn thờ. Đó là lịch sử của tôn giáo xét trên bình diện tự nhiên.

Tuy nhiên, khi so sánh các tôn giáo với nhau, chúng ta nhận thấy: **ngoài một số điểm tương đồng** như đều tin có Đấng Thiêng Liêng vượt trên con người, được gọi bằng những Danh xưng khác nhau, cùng tin thế giới bên kia là nơi thưởng người lành và phạt kẻ dữ, đều dạy tín đồ phải ăn ngay ở lành... còn **có rất nhiều dị biệt về giáo lý và luân lý, có khi mâu thuẫn nhau**. Chẳng hạn:

**-Về giáo lý:** Các tôn giáo có những quan niệm khác biệt về bản tính của Thiên Chúa: Phải chăng Thiên Chúa là Nguyên Khí Linh Hư (Drahman) như Ấn độ giáo chủ trương, hay là một Đấng có nhân tính biết vui buồn giận ghét của một con người như Đấng Allah của Hồi giáo, hoặc “Thiên Chúa là Tình Yêu” của Ki-tô giáo ? Thiên Chúa duy nhất và độc tôn hay còn là Tam Vị Nhất Thể (Một Chúa Ba Ngôi) ? Hạnh phúc đời sau là Niết Bàn thoát hết phiền não, tắt hết tình dục và bất sinh bất diệt của Phật giáo, hay là Thiên Đàng đầy những lạc thú trần tục của Hồi giáo, hoặc Thiên Đàng là tình trạng con người được sống vui vẻ yêu thương hạnh phúc tròn đầy và được hưởng kiến tôn nhan Thiên Chúa “diện đối diện” của Kitô giáo?...

**-Về luân lý:** Hồi giáo chấp nhận thói tục đa thê, cho ly dị và chấp thuận chế độ nô lệ, đang khi Ki-tô giáo đòi hỏi chế độ một vợ một chồng, cấm ly hôn và chủ trương mọi con người đều bình đẳng với nhau. Còn Phật giáo thì không có một lập trường rõ ràng về vấn đề này. Đối với kẻ thù: Hồi giáo chủ trương thánh chiến, đang khi Phật giáo và Ki-tô giáo giảng dạy sự từ bi bác ái, nhường nhịn tha thứ, yêu thương kẻ thù để biến thù thành bạn...

Những sự khác biệt nói trên cho thấy **không phải giáo lý và luân lý của các tôn giáo đều là chân lý và đều có giá trị ngang nhau, vì chân lý chỉ có một**. Do đó, đời chúng ta phải sáng suốt nhận định và chọn lựa cho mình một **tôn giáo đích thực**, nghĩa là **tôn giáo trình bày sự thật** về Thiên Chúa, giúp chúng ta **gặp gỡ Thiên Chúa**, có khả năng **biến đổi** chúng ta nên tốt và mang lại cho chúng ta **hạnh phúc đời đời**. Vậy làm thế nào để phân biệt đâu là tôn giáo thực sự phát xuất từ trời? Đâu là con đường dẫn chúng ta đến với Thiên Chúa cách chắc chắn nhất?

## 1. TIÊU CHUẨN ĐỂ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ CỦA MỘT TÔN GIÁO:

Tôn giáo là con đường giúp con người gặp gỡ Thiên Chúa là cùng đích và là hạnh phúc tuyệt đối mà con người luôn khao khát hướng về như thánh Au-gút-ti-nô đã cầu xin Chúa: “Lạy Chúa, Chúa đã dựng nên con hướng về Chúa. Và tâm hồn con vẫn còn xao xuyến mãi cho đến khi

nào con được nghỉ yên trong Chúa”. Do đó, tôn giáo đích thực là tôn giáo thiết lập được mối **liên lạc chắc chắn và hữu hiệu nhất giữa con người với Thiên Chúa**, là con đường **dẫn đưa con người đến với Thiên Chúa cách chắc chắn và hoàn hảo nhất** như sau:

**1) Về Giáo lý:** tôn giáo đích thực phải có một hệ thống giáo lý hợp lý và đầy đủ, khả dĩ đáp ứng được mọi thắc mắc của con người về những vấn đề trọng đại, liên quan đến con người và Thiên Chúa, thế giới bên kia. Chẳng hạn: Tôi là ai ? Tôi sinh ra để làm gì ? Chết rồi tôi sẽ ra sao ? Tại sao có đau khổ, sự ác ? Tại sao có vũ trụ ? Bản tính Thiên Chúa thế nào ? v.v...

**2) Về luân lý:** tôn giáo đích thực phải có sức nâng cao đạo đức của con người, giúp tín đồ mỗi ngày nên hoàn thiện, tiến đến gần Chân Thiện Mỹ tuyệt đối là Thiên Chúa hơn.

**3) Về siêu nhiên:** Tôn giáo đích thực còn phải có những bằng chứng siêu nhiên là các dấu lạ chứng tỏ tôn giáo ấy bắt nguồn từ nơi Thiên Chúa, chứ không phải chỉ là sản phẩm suy luận của trí khôn loài người.

## 2. TÔN GIÁO NÀO LÀ TÔN GIÁO ĐÍCH THỰC CỦA THIÊN CHÚA ?

Căn cứ theo những tiêu chuẩn nói trên ta thấy chỉ có **Ki-tô giáo mới là tôn giáo đích thực** vì bắt nguồn từ nơi Thiên Chúa và mang lại hạnh phúc muôn đời cho con người dựa vào các bằng chứng sau:

**1) Về giáo lý:** Chỉ có Ki-tô giáo mới có các **chân lý mạc khải toàn vẹn về Thiên Chúa**, vì Đức Kitô là Đấng lập đạo chính là Con Thiên Chúa, được Thiên Chúa sai đến để bày tỏ về bản tính của Ngài. Người chính là Lời Thiên Chúa làm người, để dẫn đưa con người đang lầm lạc trở về với Thiên Chúa. Chỉ một mình Người mới dám tự xưng: **“Thầy là Đường, là Sự Thật và là Sự Sống. Không ai đến được với Chúa Cha mà không qua Thầy”** (Ga 14,6). Chỉ mình Người mới là **Lời của Thiên Chúa nói với loài người**, đã đưa ra **lời giải đáp thỏa đáng cho những vấn đề ưu tư** hàng đầu của con người. Chính nhờ Đức Giê-su mà chúng ta mới biết Thiên Chúa là ai ? Ngài yêu thương ta thế nào ? và ta phải làm gì để đáp lại tình thương của Ngài ?

-Thánh Gio-an viết: **“Thiên Chúa là Tình Yêu: Ai ở lại trong tình yêu thì ở lại trong Thiên Chúa, và Thiên Chúa ở lại trong người ấy”** (1 Ga 4,16).

-Đức Giêsu trả lời Phi-líp-phê: **“Thầy ở với anh em bấy lâu, thế mà anh Phi-líp-phê, anh chưa biết Thầy ư ? Ai thấy Thầy là thấy Chúa Cha. Sao anh lại nói: ”Xin tỏ cho chúng con thấy Chúa Cha” ? Anh không tin rằng Thầy ở trong Chúa Cha và Chúa Cha ở trong Thầy sao ? Các lời Thầy nói với anh em, Thầy không tự mình nói ra. Nhưng Chúa Cha, Đấng luôn ở trong Thầy. Chính Người làm những việc của mình”** (Ga 14,9-11).

-**“Tôi với Chúa Cha là Một”** (Ga 10,30).

-**“Sự sống đời đời đó là họ nhận biết Cha, Thiên Chúa duy nhất và chân thật, và nhận biết Đấng Cha đã sai đến là Giê-su Ki-tô”** (Ga 17,3).

-**“Phúc thay ai có tâm hồn nghèo khó, vì Nước Trời là của họ”** (Mt 5,3).

-**“Khi Con Người đến trong vinh quang của Người, có tất cả các thiên sứ theo hầu. Bấy giờ Người sẽ ngự trên ngai vinh hiển của Người. Các dân thiên hạ sẽ được tập hợp trước mặt Người và Người sẽ tách biệt họ với nhau, như mục tử tách biệt chiên với dê”** (Mt 25,31-32).

-**“Thế là họ (kẻ gian ác) ra đi để chịu cực hình muôn kiếp, còn những người công chính ra đi để hưởng sự sống muôn đời”** (Mt 25,46).

**2) Về luân lý:** Các tôn giáo nói chung đều dạy tin đồ phải ăn ngay ở lành, phù hợp với lương tâm con người. Đây chính là luật luân lý tự nhiên do Thiên Chúa đã phú ban cho con người ngay từ khi mới sinh. Ai cũng suy nghĩ giống nhau: Ăn cắp là xấu và người ta không được lấy cắp chiếm đoạt tài sản của người khác, phải có lòng hiếu thảo biết ơn cha mẹ và những người làm ơn cho mình... Các vị giáo tổ cũng giúp con người trong thời đại của các ngài hướng

thượng và sống ăn ngay ở lành. Vì thế, nhiều người đã cho rằng: “Đạo nào cũng dạy ăn ngay ở lành nên đạo nào cũng tốt như nhau”. Tuy nhiên, nếu điều tốt có nhiều cấp độ như: Khá tốt, tốt vừa, rất tốt, cực kỳ tốt, tốt nhất... thì sự tốt đẹp của các tôn giáo cũng có mức độ khác nhau từ thấp lên cao. Đàng khác, điều quan trọng trong các tôn giáo không những là **dạy làm tốt**, mà còn phải có **những phương thể hữu hiệu giúp cải tạo các tín đồ từ xấu nên tốt nữa**. Về vấn đề này thì chỉ có Ki-tô giáo mới có đủ điều kiện trở thành tôn giáo tốt nhất giúp các tín hữu nên tốt lành thánh thiện, nhờ một nền giáo lý luân lý hoàn hảo, và còn cung cấp các phương thể hữu hiệu giúp các tín hữu thành tâm ngày một nên tốt lành thánh thiện hơn.

Thực vậy: Đấng sáng lập Ki-tô giáo là Đức Giê-su vừa là người vừa là Con Thiên Chúa. Người đã được Chúa Cha xác nhận là “Con yêu dấu, luôn làm đẹp lòng Cha” (x Mt 5,17; 17,5). Người có **sứ mệnh thánh hóa loài người, bằng việc đến gặp các tội nhân để thánh hóa họ nên công chính**, vì “người đau yếu mới cần thầy thuốc” (x. Mt 9,12), và “Con Người đến để tìm và cứu những gì đã mất” (Lc 19,10). Người biến đổi con người nên tốt lành thánh thiện **bằng Lời quyền năng và nhờ ơn Thánh Thần được ban qua các phép bí tích** do Hội Thánh cử hành. Nhờ đó, người tín hữu sẽ có khả năng ngày một nên hoàn thiện hơn.

### 3) Về siêu nhiên:

Để chứng minh sứ mệnh và nguồn gốc từ nơi Thiên Chúa, Đức Giê-su đã **thực hiện mọi lời các ngôn sứ tuyên sấm** về thân thế và sứ mệnh của Đấng Thiên Sai (x. Lc 4,17-21), đồng thời Người đã **làm nhiều phép lạ cứu nhân độ thế** như: Cho kẻ què được đi (x. Ga 5,8-9), kẻ mù được thấy (x. Mt 9,27-31), người câm nói được (x. Mt 9,32-34); phong cùi được sạch (x. Mt 8,1-4); kẻ chết sống lại (x. Ga 11,43-44)... Ngoài ra, Người cũng có quyền lực lạ lùng trên thiên nhiên: Nhân bánh ra nhiều (x. Ga 6,1-14), biến nước thành rượu (x. Ga 2,1-11), dẹp yên bão táp (x. Lc 8,22-25), chữa lành các bệnh hoạn tật nguyên trong dân (x. Mc 1,34), trừ quỷ (x. Mt 8,28-34), phục sinh kẻ chết (x. Ga 11,43-44). Cuối cùng phép lạ lớn nhất là đã từ cõi chết sống lại khi chết chưa đủ ba ngày như Người đã báo trước (x. Lc 24,1-43).

Chỉ có Thiên Chúa mới có thể làm được những phép lạ như Đức Giê-su đã làm. Qua đó cho thấy: Đức Giê-su chính là Đấng “**Em-ma-nu-el**”: **nghĩa là “Thiên Chúa ở cùng chúng ta”** (Mt 1,23). Đàng khác, Đức Giê-su cũng phải là **một con người trung thực**, như người mù đã nhận định với các đầu mục dân Do thái: “Thiên Chúa không nhậm lời những kẻ tội lỗi. Còn ai kính sợ Thiên Chúa và làm theo ý của Người, thì Người nhậm lời kẻ ấy... Nếu không phải là người bởi Thiên Chúa mà đến, thì ông ta đã chẳng làm được gì” (Ga 9,31.33). Nên có thể nói: **Tất cả những gì Đức Giê-su dạy về Thiên Chúa cho loài người chúng ta đều là sự thật** như Tin Mừng Gio-an đã viết: “Quả thế, Lề Luật đã được Thiên Chúa ban qua ông Mô-sê, còn ân sủng và sự thật, thì nhờ Đức Giê-su Ki-tô mà có. Không ai đã thấy Thiên Chúa bao giờ; nhưng Con Một là Thiên Chúa và là Đấng hằng ở nơi cung lòng Chúa Cha, chính Người đã tỏ cho chúng ta biết” (Ga 1,17-18).

**4) Về sự Bền vững:** Ngoài ra, còn một bằng chứng hùng hồn chứng tỏ Ki-tô giáo là tôn giáo đích thực bắt nguồn từ Thiên Chúa đó là việc Hội thánh của Chúa Ki-tô vẫn **luôn tồn tại dù đã trải qua rất nhiều trở lực và không ngừng bị bách hại** do các thế lực vua quan bên ngoài cũng như do ma quỷ xúi giục chia rẽ từ trong nội bộ... :

#### a) Bách hại từ bên ngoài:

1. Thế kỷ I–III: những cuộc bắt bớ của dân Do thái và bách hại của các hoàng đế La Mã.
2. Thế kỷ V: Những cuộc xâm lăng của dân man di.
3. Thế kỷ X–XIV: Những mưu toan lợi dụng tôn giáo của chế độ vua chúa phong kiến.
4. Thế kỷ XVIII: Giáo hội bị bách hại do cuộc cách mạng Pháp.
5. Thế kỷ XIX–XX: Giáo hội vẫn tiếp tục bị bách hại ở nhiều nơi: Bè Nhiệm ở Pháp, Quốc xã tại Đức v.v...

#### b) Chia rẽ từ bên trong:

1. Thế kỷ II: Bề rối chủ trương trong vũ trụ có hai nguyên lý: sự lành là Thiên Chúa, sự dữ là vật chất. Thân xác là vật chất nên thuộc về sự dữ. Từ đó cho rằng Chúa Giê-su chỉ có dáng vẻ thân xác chứ không có thân xác thực sự. Nói cách khác: Không có màu nhiệm Ngôi Lời Nhập Thể.

2. Thế kỷ IV: Thuyết Arius chủ trương: Chúa Giê-su không có Thiên tính. Như vậy, Chúa Con không đồng bản thể với Chúa Cha và không ngang bằng Chúa Cha.

3. Thế kỷ V:

- Nestorius lại chủ trương: Chúa Giê-su không những có hai tính mà còn có hai Ngôi. Do đó, Đức Mẹ Ma-ri-a không thể được gọi là Mẹ Thiên Chúa, mà chỉ là mẹ con người Giê-su thôi.

- Eutyches thì lại chủ trương ngược lại: Chúa Giê-su chỉ có một bản tính là bản tính Thiên Chúa.

4. Thế kỷ IV–V: Pélage chủ trương: con người có thể tự mình không cần Ơn Chúa cũng có thể được rỗi linh hồn.

5. Thế kỷ IX–X: Ly giáo Chính Thống Đông Phương đòi ngang hàng với Rôma. Như vậy bao nhiêu nước Phương Đông là có bấy nhiêu Giáo hội: Hy Lạp, Nga, Lỗmani v.v...

6. Thế kỷ XII–XIII: Albigeois ở Pháp chủ trương có hai thần: Thần lành và thần dữ. Các tín hữu chia làm hai lớp: lớp trọn lành sống nhiệm nhặt và không kết hôn, và lớp người thường sống theo tình dục xác thịt. Các tín hữu cần phải hãm mình đền tội và tránh việc vợ chồng.

7. Thế kỷ XV–XVI: Phong trào Phục Hưng, trở lại nguồn cảm hứng của thời thượng cổ ngoại giao: lý trí độc lập, bỏ tất cả quyền hành hay luật luân lý, chủ trương khoái lạc.

8. Thế kỷ XVI: Tin Lành ra đời do Luther khởi xướng. Giáo phái này chống lại Giáo hội về các vấn đề quan trọng như: vấn đề ân xá, tín điều Tội Tổ Tông, về sự giải thích Kinh Thánh, về sự độc thân của Hàng Giáo sĩ v.v... Sau đó phái này lan truyền đi khắp nơi ở Âu Châu tạo thành rất nhiều giáo phái khác nhau. Ở Thụy Sĩ có Zwingli, ở Pháp chịu ảnh hưởng của Calvin, ở Anh hoàng đế Henri 8 bất mãn với Giáo Hoàng Clémentê 7 về hôn nhân và tách ra thành lập Anh giáo.

9. Thế kỷ XVII: tà thuyết Jansénius chủ trương rằng: con người không thể tự mình làm được gì, phần rỗi linh hồn hoàn toàn do Thiên Chúa tiền định.

10. Thế kỷ XVIII–XX: Các triết thuyết vô tín ngưỡng xuất hiện rất nhiều tấn công Giáo hội khắp nơi. Ở Đức có Karl Marx, Nietzsche. Ở Pháp có Voltaire, Reman, Anatole France, Jean Paul Sartre...

Nhưng trước sự tấn công tứ bề cả bên ngoài do thế quyền, cũng như từ bên trong về giáo lý của những kẻ thù nghịch, Giáo Hội Chúa Ki-tô vẫn anh dũng vượt qua và tiếp tục đứng vững. Pascal nói: **“Có điều kỳ diệu và hoàn toàn thần linh là tôn giáo này luôn bị đả kích mà vẫn luôn tồn tại. Ngàn lần hầu như sắp bị tiêu diệt toàn diện, và mỗi lần trong tình trạng này, Thiên Chúa lại dùng quyền năng mà nâng dậy... Tôn giáo này được duy trì và không ngừng lan truyền đi khắp nơi. Đó là bằng chứng cho thấy tôn giáo này là của Thiên Chúa”**. Thực đúng như lời Chúa Giê-su đã nói với Si-mon Phê-rô: “Anh là Phê-rô, nghĩa là Tầng Đá. Trên tảng đá này, Thầy sẽ xây Hội Thánh của Thầy, và quyền lực tử thần sẽ không thắng nổi” (x. Mt 16,18).

**TÓM LẠI: Chỉ có Ki-tô giáo mới có đầy đủ tiêu chuẩn của một tôn giáo đích thực:**

-Có một nền **giáo lý vững chắc**, đáp ứng được những thắc mắc của con người về các vấn đề nhân sinh;

-Có một nền **luân lý lành mạnh** giúp con người ăn ngay ở lành xứng đáng với phẩm giá con người;

-Có những **phương thế chắc chắn** để biến đổi con người ngày một nên hoàn thiện hơn;

-Và cuối cùng còn có những **bằng chứng siêu nhiên** nơi Đức Giê-su, nơi Hội Thánh Công Giáo do Người thiết lập và được Người luôn bảo vệ vượt qua bao gian nan thử thách.

Do đó, những ai muốn gặp gỡ Thiên Chúa, muốn sống một cuộc đời xứng đáng làm người có trí khôn; muốn được sống an vui ngay từ đời này và bảo đảm một cuộc sống hạnh phúc vĩnh cửu là thiên đàng đời sau, phải chọn đi trên **con đường ngắn nhất và chắc chắn nhất là Đức Giê-su** như Người đã nói: “Chính Thầy là con đường, là sự thật và là sự sống. Không ai đến với Chúa Cha mà không qua Thầy” (Ga 14,6). Con đường đó là **đường “Qua đau khổ vào vinh quang”**, **đó chính là con đường của đạo Công Giáo**. Công đồng Va-ti-ca-nô II cũng khẳng định: “Những ai biết rằng Hội Thánh Công Giáo được Thiên Chúa thiết lập nhờ Chúa Giê-su Ki-tô, như phương tiện cứu rỗi cần thiết, mà vẫn không muốn gia nhập hoặc không muốn kiên trì sống trong Hội Thánh ấy, thì không thể được cứu rỗi”. (Hiến chế tin lý về Giáo Hội - LG số 14).

### **PHÚT HỒI TÂM:**

**-LỜI CHÚA:** Đức Giê-su nói: **“Chính Thầy là con đường, là sự thật và là sự sống. Không ai đến với Chúa Cha mà không qua Thầy” (Ga 14,6).**

#### **-LỜI CẦU:**

-Lạy Thiên Chúa Cha từ bi nhân ái. Xin Cha đỗi ơn Thánh Thần giúp chúng con thêm lòng tin, cậy, mến nơi Con Cha là Đức Giê-su Ki-tô. Xin giúp chúng con vững tin Người là Đấng Ki-tô và là Con yêu của Cha như Tông đồ Phê-rô đã tuyên xưng (x. Mt 16,16). Xin cho chúng con trung thành với đức tin công giáo và tông truyền. Chúng con xác tín rằng: chỉ có Đức Giê-su mới là con đường duy nhất dẫn đưa chúng con lên trời với Cha (x. Ga 14,6 b). Xin cho chúng con biết lắng nghe Lời Con yêu dấu của Cha là Đức Giê-su (x. Mt 17,5) và luôn sống kết hiệp mật thiết với Người.

-Chúng con biết rằng: Trước khi sai Đức Giê-su đến, Cha cũng đã soi sáng cho một số vị giáo tử nhận biết phần nào sự thật về Cha là: tin có Ông Trời như một số câu ca dao như: “Lạy Trời mưa xuống lấy nước tôi uống, lấy ruộng tôi cày, lấy đầy bát cơm, lấy rơm đun bếp”; “Trời xanh có mắt”, “Lưới Trời lồng lộng, tuy thưa nhưng khó lọt”... Qua lời dạy mọi người phải ăn ngay ở lành của các vị giáo tử, Cha chuẩn bị cho loài người nhận biết Đấng Thiên Sai là Đức Giê-su. Từ đây, chỉ những ai tin vào Danh Đức Giê-su, thực hành theo giáo huấn của Người và đi theo con đường “qua đau khổ vào vinh quang” của Người mới được về trời hưởng hạnh phúc đời đời. Ai cố tình không tin vào Người, biểu lộ qua thái độ từ chối sống theo Lời Người, không muốn gia nhập vào Hội Thánh Công Giáo là Nước Trời do Người thiết lập... là tự loại mình ra khỏi ơn cứu độ của Người.

-Xin cho chúng con vững tin vào Đức Giê-su và quyết tâm sống giới răn “Yêu thương” của Người, luôn kết hiệp với Người và mở lòng đón nhận ơn Thánh Thần của Người để tích cực góp phần chu toàn sứ mệnh loan báo Tin Mừng, làm chứng cho Người (x. Cv 1,8) từ trong gia đình đến khu xóm và mọi lúc mọi nơi... để giúp nhiều người nhận được cứu độ. - AMEN.

### **LM ĐAN VINH - HHTM**

### **VỀ MỤC LỤC**

### **TỈNH TÂM LINH MỤC ĐOÀN GIÁO PHẬN VINH - BÀI KHAI MẠC**

Trọng kính Quý Đức Cha và Quý Cha,





Trong hành trình học hành tu tập từ sau cuộc di cư năm 54, con có nhiều bậc thầy, đàn anh và bạn bè là người Vinh, nên con có nhiều ấn tượng rất tốt đẹp là người Vinh luôn luôn hết mình. Sau này khi khôn lớn ra lăn lộn giữa đời, qua những gì con được nghe, được thấy, được biết phần lớn hàng giáo sĩ Vinh vẫn ở lại nhiệm sở giữa đàn chiên Chúa trong buổi gian nan khốn khó, con rất ngưỡng mộ; con cảm phục hàng Giáo phẩm và giáo sĩ Vinh luôn kiên cường trong đức tin, thánh thiện, hăng say việc tông đồ và tình liên đới quả cảm qua từng biến cố thăng trầm thời đại, không những của Vinh, mà còn của Giáo Hội và Đất Nước Việt Nam thân yêu của chúng ta. Con nghĩ có lẽ Chúa Quan Phòng cũng dùng thiên nhiên, thời tiết khắc nghiệt và thời thế khó khăn để hun đúc nên tính tình, con người và tinh thần của con cái Chúa ở địa phương này theo kế hoạch yêu thương nhiệm mầu của Ngài, vì lợi ích của giáo phận Vinh và của đại gia đình Giáo Hội Việt Nam.

Con rất vui và biết ơn là sau khi giúp 18 Thầy Phó Tế tĩnh tâm dọn mình chịu chức linh mục, con được Đức Cha chính dạy đến chia sẻ dịp các cha tĩnh tâm năm. Con nhìn thấy đây là cơ hội tốt Chúa ban để con được đến học hỏi tận nơi với Quý Đức Cha và Quý Cha nên đã mau mắn vâng lời. Nhưng về sau nghĩ lại, con thấy mình đã dại lờ và rất lo sợ, nhưng biết làm sao, dù thế nào cũng là người lớn, không lẽ 74 tuổi đầu rồi mà lại thay đổi thoái thác như một đứa trẻ con. Thôi đành vậy, và giờ đây, đứng trước mặt Quý Đức Cha và Quý Cha đông như thế này, con đang run đây. Kính xin Quý Đức Cha và Quý Cha tỏ lòng nhân từ, thông cảm bỏ qua những vụng dại và kém cỏi của con, cùng nâng đỡ con cho đến ngày kết thúc, lần sau con không dám dại nữa.

Con xin hết lòng cảm ơn Quý Đức Cha và Quý Cha, nhất là vì thương con đang bị bệnh mà phải dồn các đợt tĩnh tâm chung làm một tại nơi đào luyện Chung sinh, thiếu thốn nhiều tiện nghi cần thiết cho quý cha như ở Tòa Giám Mục hay nhà của quý cha, và cuộc tĩnh tâm lại nằm liền ngay sau những vất vả mục vụ đại lễ Giáng Sinh. Hy vọng quý cha sẽ dâng những hy sinh ấy để cầu nguyện cho kỳ tĩnh tâm của chúng ta được nhiều ơn Chúa hơn, và cùng với Lễ Mẹ Maria, Mẹ Thiên Chúa, Ngày Hòa Bình Thế Giới lần thứ 47 với chủ đề *“tinh huynh đệ là nền tảng và là con đường của hòa bình”*, chúng ta khởi sự Năm Mới 2014 tốt đẹp như ý Chúa muốn và mong ước của chúng ta.

Kính thưa Quý Đức Cha và Quý Cha,

Trong mấy ngày ngắn ngủi này, con xin chia sẻ chủ đề **SỐNG TỐT SỰ VỤ LINH MỤC TRONG ĐỊNH HƯỚNG TÂN PHÚC ÂM HOÁ**. Không phải mới về nội dung, vì Tin Mừng vẫn là một, Chúa Kitô vẫn là một, nhưng mới trong nhiệt huyết, mới trong phương pháp, mới trong cách diễn tả, nhờ đặt Thiên Chúa ở trung tâm đời sống của chúng ta. ĐTC Phanxicô tóm tắt lại trong ba điểm: *tính tối thượng của việc làm chứng; tính khẩn trương của việc đi ra ngoài để gặp gỡ; và dự án mục vụ đặt trọng tâm vào điều cốt yếu là chính Chúa Giêsu Kitô*<sup>[1]</sup>.

Thêm vào đó, trong nỗ lực đẩy mạnh kế hoạch mục vụ của HĐGMVN **“Tân Phúc-Âm-hóa để thông truyền đức tin Kitô giáo”**, Đức TGM Phaolô Bùi Văn Đọc, Chủ tịch HĐGMVN, nhấn mạnh *“cần phải có một sự chuyển mình thật mạnh dạn, thật can đảm, chuyển từ một loại “mục vụ bảo trì” gìn giữ và bảo vệ cơ chế, cơ sở sang một “mục vụ truyền giáo” đích thực... và cần phải Phúc-Âm-hóa mọi lãnh vực, mọi “ngóc ngách của hữu thể”, mọi bình diện của cuộc sống”*<sup>[2]</sup>.

Thời gian thực thi sứ vụ của chúng ta cũng vừa đón chào Tông huấn đầu tiên của ĐTC Phanxicô, ban hành ngày 24/11/2013, *Evangelii Gaudium* (Niềm Vui Phúc Âm), mà Đức TGM Rino Fisichella, Chủ tịch Hội Đồng Tòa Thánh về Tân Phúc Âm Hoá nhận định rằng đây là một Tông Huấn về niềm vui Kitô giáo để Giáo Hội có thể tái khám phá cội nguồn của việc loan báo Tin Mừng trong thế giới đương đại, là một bản đồ và hướng dẫn cho việc mục vụ truyền giáo của Giáo Hội trong tương lai gần, và là lời mời gọi phục hồi một tầm nhìn tiên tri và tích cực về thực tại mà không bỏ qua các thách thức hiện nay, can đảm nhìn về phía trước, bất chấp cuộc khủng hoảng, để thập giá và sự phục sinh của Chúa Kitô một lần nữa là ‘ngọn cờ chiến thắng’<sup>[3]</sup>.

Nhưng như nhiên liệu cần thiết cho máy móc xe cộ vận hành, trước khi làm việc đó và để làm được việc đó cách hữu hiệu, chúng ta cần đi vào cốt lõi của việc tĩnh tâm là để đích thân gặp gỡ Chúa, sống với Chúa, xây dựng và củng cố đời sống nội tâm thiêng liêng cá nhân, lo việc rối linh hồn mình, vì không ai khác có thể làm thay chúng ta được, kẻo như thánh Phaolô lo sợ “sau khi rao giảng cho người khác được cứu độ mà chính mình lại phải hư mất”<sup>[4]</sup>. Đây có thể là lúc chúng ta đặt lên bàn cân sự so sánh của chính Chúa Giêsu “được lời lãi cả và thế gian mà thiệt mất linh hồn thì lấy gì mà bù lại cho được?” Chắc chắn quý cha đã biết hết rồi, và con sẽ không mang lại kỹ năng mục vụ gì mới mẻ hay suy tư thần học cao siêu nào hết. Xin quý cha đừng chờ đợi những thứ đó, để khỏi phải thất vọng. Con chỉ xin được cùng quý cha đọc lại, ôn lại, nhớ lại với nhau những gì Lời Chúa và huấn quyền Giáo Hội dạy, trong bầu khí và ơn ban tĩnh tâm, vì cái quan trọng là chúng ta cùng ngồi lại bên nhau, cùng nhau cầu nguyện với Chúa, lắng nghe Chúa và để Thánh Thần Chúa hoạt động trong chúng ta.

Kính xin quý cha vui lòng tích cực hợp tác cùng nhau trong mấy ngày này, cố gắng tạo cho mình và cho anh em không những cuộc sống tĩnh lặng, mà còn sự tĩnh lặng của cuộc sống nữa, là cái thiết yếu cho một cuộc tĩnh tâm hiệu quả. Có những người có cuộc sống tĩnh lặng nhưng không có được sự tĩnh lặng của cuộc sống, vì tâm hồn chông chát trăm mối. Trái lại, có những người tuy sống giữa bao xáo động của nhân thế nhưng lòng vẫn an định, một mình mình với một mình Chúa. Chúng ta đều ao ước vào *tĩnh tâm với tất cả con người mình, ở lại một mình với Chúa, và ra tĩnh tâm với một con người khác trước* (Intrate toti, manete soli, Exite alii). Tòa Giám Mục đã lưu ý chúng ta: “xin quý Cha sắp xếp thời gian và công việc để về tham dự tuần tĩnh tâm đầy đủ; bầu khí tĩnh tâm quyết định chất lượng tĩnh tâm. Vì thế, trong Tuần Tĩnh Tâm, xin các Cha giữ bầu khí tĩnh lặng cách triệt để; xin các Cha không sử dụng máy vi tính, ipad, điện thoại từ lúc Khai mạc Tuần Tĩnh Tâm cho đến sau Thánh lễ sáng Thứ Sáu”. Vậy kính xin quý cha vui lòng gác lại mọi công việc ở nhà, hạn chế cả những trao đổi, dù là trao đổi mục vụ và kế sách bảo vệ đàn chiên, chúng ta có cả ngày thứ sáu, tin thác rằng nếu chúng ta theo sát Chúa thì chính Chúa theo sát đàn chiên của chúng ta ở nhà và dẫn dắt bảo vệ họ, như thánh Phanxicô đệ Salêsiô nói “ai làm việc Chúa thì Chúa sẽ làm việc của người ấy.” Còn thánh Carôlô Bôrômêô thì chất vấn: “Bạn coi sóc các linh hồn ư? Đừng vì thế mà bỏ bê chính mình, cũng đừng phung phí tất cả cho người khác đến độ không giữ gì cho bạn cả, vì phải nhớ rằng coi sóc các linh hồn, nhưng không được quên bản thân mình”<sup>[5]</sup>.

Nơi chúng ta tĩnh tâm là Đại Chung Viện và chắc chắn có các em chủng sinh giúp đỡ chúng ta, chúng ta sẽ cố gắng làm gương tốt cho đàn em của chúng ta về sự tĩnh lặng tĩnh tâm. Khi xem đoạn video đêm canh thức cầu Thánh Thể cầu nguyện cho Hòa Bình Syria và Trung Đông ngày 6/9/2013, ai cũng cảm động và có ấn tượng sâu sắc: cả trăm ngàn người cùng với ĐTC Phanxicô tại Quảng trường thánh Phêrô trong sự tĩnh lặng tuyệt đối, tôn thờ, khấn nài và lắng nghe. Trong mấy ngày này, chúng ta sẽ dành nhiều thời giờ hơn để ngắm nhìn ơn Chúa hoạt động, uốn nắn và đổi mới cuộc đời chúng ta; để chiêm ngưỡng lòng nhân hậu của Chúa hằng nâng chúng ta dậy; để lắng nghe Chúa thổ lộ tình yêu và lặp lại lời mời gọi chúng ta theo Ngài; để kiểm điểm và thẩm định cách chúng ta đã đáp trả khi Chúa ngỏ lời với chúng ta, kêu gọi chúng ta, muốn chúng ta sống mật thiết hơn với Ngài; để trái tim chúng ta hoà nhịp với Thánh Tâm Chúa, hầu đưa những mối tương quan và tình cảm của chúng ta vào trong quỹ đạo tình yêu của Chúa; để nhận diện và duyệt xét lại cuộc đời linh mục của chúng ta với những lần Chúa can thiệp vào những hy vọng, những thất vọng, những niềm vui những nỗi buồn, những kế hoạch thành công hoặc thất bại của

chúng ta; để nhờ đó chúng ta được quay trở về, bắt đầu lại, canh tân, tiếp tục hành trình, và tiến bước quyết liệt hơn từ đây.

ĐTC Phanxicô chia sẻ đời sống cầu nguyện của ngài: buổi sáng cầu nguyện giờ kinh Phụng Vụ, dâng thánh lễ, rồi lần chuỗi Mân côi; và điều ngài thích nhất là chầu Chúa một giờ mỗi buổi tối, từ 7 đến 8 giờ, cho dù có lúc bị chia trí và nghĩ đến những điều khác, thậm chí buồn ngủ khi nguyện cầu. Một biến cố đặc biệt trong Năm Đức Tin là Giờ Chầu Thánh Thể đồng loạt trên khắp thế giới do ĐTC chủ sự tại đền thờ thánh Phêrô lúc 5 giờ chiều ngày 2/6/2013 nói lên tinh thần chia sẻ hiệp thông của toàn thể Giáo Hội hoàn vũ. Chớ gì trong tuần tĩnh tâm năm này, như chương trình Tòa Giám Mục đã hoạch định, ngày nào trước khi nghỉ đêm chúng ta cũng dành một giờ thánh, thỉnh lặng bên nhau cầu nguyện riêng trước Chúa Giêsu Thánh Thể được đặt ra ngoài trong hào quang, trả lời câu hỏi của Ngài với ba môn đệ thân tín trong Vườn Giết-sê-mani: “*Các con không thể thức được với Thầy một giờ sao?*”<sup>[6]</sup> vì “*việc thờ lạy Thánh Thể là lý do hy vọng làm cho Giáo Hội lớn lên và đậm rết*”<sup>[7]</sup>. Mỗi người sẽ dùng tư thế cầu nguyện mà cơ thể cảm thấy thuận tiện nhất cho mình và không gây phiền cho anh em, kể cả với hy sinh khổ chế như Mô-sê giang tay cầu nguyện trên núi khi dân Israel đánh với quân Amaléc.

Người ta thuật lại rằng cha Gioan Maria Vianney quan sát thấy một nông dân ngày nào ra đồng làm việc cũng để cày trước cổng, đi vào nhà thờ một lát rồi ra đi làm việc ngay. Lúc chiều từ ngoài đồng về nhà ông cũng làm như vậy. Ngày kia cha đón gặp và hỏi ông vào nhà thờ đọc kinh chi mà nhanh thế? Ông trả lời: “*Con có đọc kinh gì đâu! Con chăm nhìn Chúa Giêsu trong Nhà Tạm và Chúa chăm nhìn con, có thể thôi!*” ĐTC Phanxicô khuyên các giáo lý viên: “*Hãy nhìn vào Nhà Tạm, và hãy để mình được Chúa nhìn... Điều này hơi nhàm chán, muốn ngủ gật... Cứ ngủ đi! Người vẫn sẽ nhìn ngắm chúng ta. Chắc chắn Người nhìn ngắm chúng ta! Và điều này quan trọng hơn nhiều... vì nó sưởi ấm tâm hồn chúng ta, giữ cho ngọn lửa tình bằng hữu với Chúa được cháy mãi, làm cho chúng ta cảm thấy Người thực sự nhìn ngắm chúng ta, gần gũi và yêu thương chúng ta. Hãy để cho Người nhìn ngắm chúng ta! Đừng làm gì hơn. Điều đó có khi không đơn giản đối với người có gia đình con cái, họ quá bận bịu, rất khó tìm ra thời gian lâu dài để yên tĩnh. Nhưng cảm tạ Chúa, không nhất thiết là tất cả mọi người đều phải làm cùng một cách. Điều quan trọng là phải tìm một cách thích hợp để ở lại với Chúa; và điều này có thể được trong tất cả các bậc sống. Lúc này mỗi người có thể tự hỏi: Tôi làm thế nào để sống việc “ở lại” với Chúa Giêsu? Tôi làm thế nào để “ở lại và nghỉ ngơi” trong Người? Tôi có những giây phút im lặng ở trong sự hiện diện của Người, hoặc để cho Người nhìn tôi không? Tôi có để cho lửa của Người sưởi ấm tâm hồn tôi không? Nếu trong tâm hồn chúng ta không có hơi ấm của Thiên Chúa, không có tình yêu và sự dịu dàng của Ngài, làm sao chúng ta, là những tội nhân nghèo hèn, lại có thể sưởi ấm tâm hồn những người khác được? Hãy suy nghĩ về điều này!*”<sup>[8]</sup>

Về cái nhìn dịu dàng nhưng có sức mạnh biến đổi của Chúa Giêsu, ĐTC Phanxicô nói: *cái nhìn của Chúa Giêsu làm biến đổi cuộc đời của ông thu thuế Lêvi, và của chúng ta nữa, nếu chúng ta chịu để cho Ngài nhìn chúng ta và được tự do làm công việc của Ngài... Khi Chúa Giêsu nhìn Matthêu, cái nhìn đó đã chiếm lấy ông hoàn toàn và đã thay đổi cuộc sống của ông. Cái nhìn của Chúa Giêsu luôn luôn làm cho ta trở nên xứng đáng, trao ban cho ta phẩm giá. Đó là một cái nhìn rộng lượng*. ĐTC giải thích rằng cuộc gặp gỡ với Chúa Giêsu cho ta lòng can đảm để theo Ngài. Cái nhìn của Chúa Giêsu luôn nâng dậy, không bao giờ để ta lại tại chỗ của mình... Nó mời gọi ta đứng dậy, làm ta lớn lên, tiến về phía trước, một cái nhìn khích lệ ta. Cái nhìn của Chúa Giêsu làm cho ta cảm thấy Ngài yêu ta. Đó là tình yêu Thiên Chúa mà “những người thu thuế và tội lỗi” như Matthêu đã trải nghiệm. “*Họ cảm thấy rằng Chúa Giêsu đã nhìn họ và cái nhìn của Chúa Giêsu trên họ giống như một hơi thở trên than hồng, và họ cảm thấy như có lửa trong bụng, làm cho họ đứng lên, trả lại cho họ phẩm giá. Mặc dù một số kẻ chế nhạo Ngài ăn uống với những người bị xã hội chối bỏ, Chúa Giêsu biết rõ lòng họ: Bên dưới bùn đất đó có than hồng khao khát Thiên Chúa, than hồng của hình ảnh Thiên Chúa muốn một ai đó giúp họ được cháy nóng trở lại. Đó là những gì cái nhìn của Chúa Giêsu thực hiện. Chúng ta tiến lên phía trước trong cuộc sống, trong niềm xác tín rằng Ngài nhìn chúng ta. Tuy nhiên, Ngài cũng chờ đợi chúng ta, để nhìn chúng ta cách dứt khoát - và cái nhìn cuối cùng của Chúa Giêsu trên*



cuộc đời chúng ta sẽ là mãi mãi, là đời đời"<sup>191</sup>. Chớ gì tất cả chúng ta đều được cái nhìn của Chúa Giêsu biến đổi.

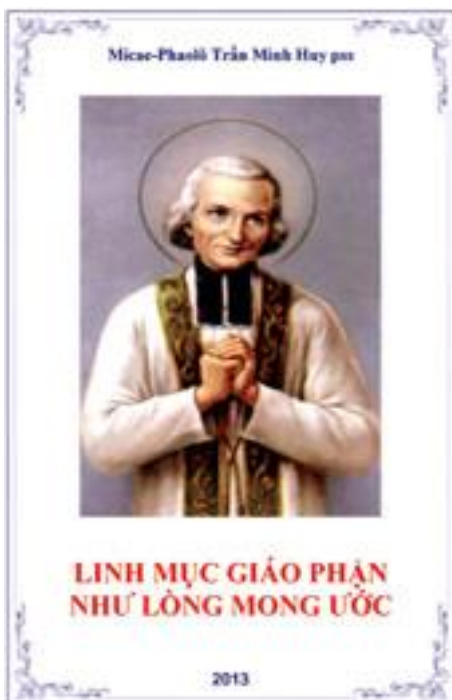
Trong thời khắc trầm lắng này, Chúa Giêsu Thánh Thể dường như thì thầm bên tai mỗi người chúng ta: *"Con đừng để cho quá khứ làm mờ mịt hiện tại. Hãy đứng dậy, nhắm phía trước mà cất bước, tiến tới, không nuối tiếc, không rầu rĩ... Hãy nối gót theo sát Ta, vì Ta là Chúa của tương lai... Hãy cất bước, hãy dám liều, hãy ra chỗ nước sâu, Ta sẽ dẫn con vượt xa những mong chờ của con! Sau những gì đã xảy đến trong thời gian qua, con có còn hứng thú để đứng dậy, để bắt đầu lại tất cả và để đi xa hơn những giấc mơ của con nữa không? Có còn hứng thú để Thánh Thần hướng dẫn nữa không? Có còn hứng thú để tiếp tục lộ trình theo tiếng gọi đã nghe thấy từ nhiều năm qua, tiếng gọi được lặp lại trong từng biến cố mỗi ngày nữa không? Có còn hứng thú để chết đi cho những dự phóng của con, cho chính con, cho những mối tình và toan tính của con, để sinh lại xinh đẹp hơn cho những dự phóng của Ta, những dự phóng của Giáo hội nữa không? Con có còn hứng thú để chết đi cho sự đơn điệu nhàm chán, cho thói quen, cho sự thờ ơ, cho tất cả những gì làm phân tán lòng con để rồi càng theo Ta quyết liệt hơn nữa không?"*

Chúng ta đừng quá bận tâm đến thời gian. Hãy hỏi Chúa và lắng nghe Chúa, nhưng kỳ thực cũng là hỏi và trả lời cho chính mình, vì không phải lúc nào Chúa cũng nói điều chúng ta muốn nghe, mà là điều thực sự thiết yếu: *"Lạy Chúa, con có yêu Chúa thật lòng không? Con không thể dành cho Chúa được một giờ sao? Chúa nghĩ gì về con và Chúa có bằng lòng về cách con chặn dắt đoàn chiên Chúa không? Chúa muốn con phải biến đổi và điều chỉnh những gì cho cuộc đời và sứ vụ linh mục của con trong định hướng Tân Phúc Âm Hóa?"*

Làm được như thế, một giờ sẽ trôi qua rất nhanh. Chúng ta cùng ký thác cho lòng nhân hậu của Thánh Tâm Chúa Giêsu, ơn soi sáng của Chúa Thánh Thần, và sự trợ lực hiển mẫu của Mẹ Maria, để tiếp tục lên đường, dấn bước theo sát Đấng đã kêu gọi, trao ban sứ vụ linh mục và hằng ở lại với chúng ta mọi ngày cho đến tận thế. Amen

## **Giới thiệu tác phẩm: LINH MỤC GIÁO PHẬN NHƯ LÒNG MONG ƯỚC**

Trọng kính Đức Hồng Y, Quý Đức Cha, Quý Cha, Quý Độc Giả CGVN.



Trong niềm tri ân cảm tạ Thiên Chúa đã ban cho Giáo Hội Công Giáo một Vị Mục Tử Như Lòng Mong Ước Là Đức Thánh Cha Phanxico - Đứng dịp Đại Lễ Phục Sinh Năm Thánh Đức Tin 2013 - Nhà Sách Đức Mẹ ( email: [nsachdcct@gmail.com](mailto:nsachdcct@gmail.com) ) thuộc Tỉnh Dòng Chúa Cứu Thế Việt Nam đã phát hành tác phẩm Linh Mục Giáo Phận Như Lòng Mong Ước do Linh mục Micae-Phaolo Trần Minh Huy, pss. biên soạn.

Tập sách rất vinh hạnh vì đã được ưu ái cấp IMPRIMATUR: bởi Đức Cha Pet. NGUYỄN VĂN ĐỆ, SDB. Giám mục Giáo phận Thái Bình. Quý Đức Tổng Phero Nguyễn Văn Nhơn, Đức Tổng Giuse Ngô Quang Kiệt, Đức Cha Anton Vũ Huy Chương vui mừng viết Lời Giới thiệu.

Sách được phục vụ tại các nhà sách Công Giáo.

**Nguyện xin THIÊN CHÚA chúc phúc và trả công bội hậu cho hết thảy những ai đang nỗ lực "chắp cánh" cho Quê hương và Giáo Hội Việt Nam bay lên!**

Chúng con xin chân thành cảm ơn.

## BBT CGVN

Chú thích

[1] x. Bài diễn văn ngày 14 tháng Mười của Đức Phanxicô với Hội Nghị Toàn Thể của Hội Đồng Giáo Hoàng Về Cổ Vũ Tân Phúc Âm Hóa -<http://baoconggiao.com/vi/news/Giao-Hoi-Hoan-Vu/Duc-Phanxico-va-phuong-thuc-tan-phuc-am-hoa-2306/>

[2] Phát biểu tại Hội nghị thường niên của Liên hiệp Bề trên Thượng cấp Việt Nam <http://www.hdgmvietnam.org/duong-huong-muc-vu-cua-giao-hoi-chua-kito-tai-viet-nam/5540.63.8.aspx>

[3] <http://www.vietcatholic.net/News/Html/119273.htm>.

[4] 1 Cr 9,27: Tôi bắt thân thể phải chịu cực và phục tùng, kéo sau khi rao giảng cho người khác, chính tôi lại bị loại.

[5] Trích bài đọc 2 Kinh Sách lễ thánh Carolô Borômêô.

[6] x. Mc 14, 32-41.

[7] Trích Diễn văn của ĐTC Phanxicô với các Giám Mục Hòa Lan, ngày 3/12/2013 - <http://www.vietcatholic.net/News/Html/119481.htm>

[8] Trích huấn từ của Đức Thánh Cha Phanxicô hôm thứ sáu ngày 27 tháng 9 năm 2013 tại Sân Đường Phaolô VI trong buổi tiếp kiến các các giáo lý viên hành hương về Rôma vào dịp Năm Đức Tin và tham dự Đại Hội Quốc Tế về Dạy Giáo Lý.

[9] Bài giảng của ĐTC Phanxicô ngày 21/9/2013 tại Nhà Martha, CNA / EWTN News.

## VỀ MỤC LỤC

### RƯỢU XUÂN NÊN UỐNG VỪA THỜI

Đón Tết Mừng Xuân là phải có ăn có uống. Vì thế dân gian ta mới gọi là ẨM TẾT. Mà không phải chỉ ăn một bữa, hai bữa nhưng “chẳng phong lưu cũng ba ngày Tết”. Nhiều địa phương còn ăn Tết cả tháng, vì “Tháng Giêng là tháng Ăn- Chơi”. Giàu thì mổ trâu mổ bò, nghèo thì cũng làm thịt con gà, chung nhau con heo. Rồi nấu nướng, giã giò, gói bánh chưng, bánh tét, ăn uống linh đình.

Uống đây không phải là nước cam nước chanh, nước ngọt mà còn là uống rượu. Vì “phi tửu bất thành yến”. Phải có vài ly rượu đưa cay cho món tiết canh lòng lợn, miếng thịt quay vàng óng thơm ngon. Người ta nâng ly chúc nhau *Thọ tựa Nam sơn, Phúc như Bắc hải*, giàu có bằng năm bằng mười năm ngoái...

Uống rượu vẫn được coi như là một cái thú. Có người nhâm nhi một chút rượu để thưởng thức cái hương thơm của rượu, cái vị cay cay của rượu, cái cảm giác kích thích của tửu tinh.

Uống rượu mà có thêm bạn đồng ẩm thì tiệc rượu càng vui.

Nhưng kìa sao mọi sự đang diễn ra êm đềm thân mật, đột nhiên lời qua tiếng lại, một người to tiếng, cà khịa khích bác người kia. Rồi cãi nhau, rồi thượng cẳng chân, hạ cẳng tay ầu ẩu. Người ta đã quá chén, không kiểm soát được mình vì ma men đã làm chủ con người. Người ta

đã say vì rượu tràn ngập cơ thể. Ấy là chưa kể, nếu tiếp tục “rượu vào, lời ra” thì sẽ đưa tới bê tha nghiện ngập, mất phẩm giá con người mà còn mang thêm bệnh hoạn.

Nhân dịp Tân Xuân sắp đến, lang tôi xin cùng quý thân hữu tìm hiểu lại lợi hại của cái món “Nước Tinh Thần” này. Để cùng trọn vẹn vui những ngày Xuân.

Vì ngoài vai trò khiêm nhường trong dinh dưỡng, ẩm thực, rượu được y khoa tây phương coi như một loại thuốc. Với Đông Y thì “Tửu vi bách dược chi trưởng”, rượu đứng đầu trăm loại thuốc.

Khi hấp thụ vào cơ thể, thuốc hoặc rượu sẽ tạo ra một số thay đổi vừa tốt vừa xấu cho các chức năng của tám thân đáng quý này. Khi uống vừa phải, các thay đổi xấu có thể trở lại bình thường, nhưng quá nhiều thì rượu lại có hại.

## Tác dụng tốt của rượu

Đông, Tây y học đã đồng ý với nhau là rượu có một số tác dụng tốt cho cơ thể, *NẾU được dùng vừa phải.*

Danh y Lý Thời Trân của Trung Hoa từ xưa đã có nhận định: “Uống ít rượu sẽ làm khí huyết lưu thông; uống nhiều sẽ làm hại tinh thần, làm tổn thương bao tử và kích thích hỏa tà”.

Các nhà dinh dưỡng y học thời nay thì nhấn mạnh ở chữ moderation, vừa phải cũng như đừng tự tạo ra thói quen uống rượu, đừng uống vì bị ép nài (Tủu bất khả ép). Vừa phải là khoảng 350 cc bia, 150 cc vang và 50cc rượu mạnh, hai lần một ngày cho nam giới. Nữ giới thì một lần thôi vì lá gan quý bà tuy “mưu lược đánh ghen” thì hay nhưng không “xử lý” được lượng rượu lớn. Cũng nên để ý tới độ cồn của rượu: trên 5% là mạnh rồi đấy và phải cẩn thận.

### 1- Kích thích khẩu vị

Các nhà y học đều có ý kiến là quý vị tuổi cao, người đang phục hồi bệnh có thể dùng một chút rượu khai vị để ăn ngon miệng. Một chút rượu sẽ kích thích nụ nếm ở lưỡi, tăng nước miếng và dịch vị bao tử, giúp cho sự tiêu hóa thực phẩm dễ dàng. Một chút rượu cũng tăng cảm giác đói, khiến ta ăn nhiều hơn.

### 2- Rượu với trái tim

Đây là vấn đề được nghiên cứu, tranh luận rất nhiều với nhiều ý kiến thuận nghịch.

Nghiên cứu vào tháng 11 năm 2009 của nữ bác sĩ Larraitz Arriola, Tây Ban Nha, cho hay dùng rượu đều đặn có thể giảm 1/3 rủi ro mắc bệnh tim mạch. Tuy nhiên tác giả cũng vội vàng nhấn mạnh rằng bà không khuyên mọi người bắt đầu uống rượu vì khi lạm dụng, rượu đã gây ra cả triệu tử vong. Và nếu có uống thì nên uống vừa phải kèm theo ăn đầy đủ chất dinh dưỡng, vận động mỗi ngày.

Vì có quá nhiều ý kiến tương tự, Hội Tim Hoa Kỳ cũng *miễn cưỡng* nói rằng dùng rượu vừa phải có thể có tác dụng tốt cho bệnh tim.

### 3- Rượu với stroke

Nhiều nghiên cứu nói rằng dùng rượu vừa phải có thể giảm rủi ro stroke gây ra do xuất huyết não. Rượu có tác dụng tăng cholesterol lành HDL, giảm sự kết tụ của tiểu cầu.



Hội Tai Biến Não Hoa kỳ nhận định: “Uống hai lượng rượu mỗi ngày có thể giảm quá nửa rủi ro stroke, nhưng uống trên số lượng này lại tăng rủi ro stroke gấp ba lần cộng thêm bệnh gan và các tai nạn khác. Tốt hơn là nếu chưa uống thì đừng bắt đầu uống”.

#### **4- Rượu với khả năng nhận thức**

Tạp san Y học *New England Journal of Medicine*, 2005, có đăng kết quả nghiên cứu của Đại học Harvard về sự uống rượu ở quý lão phu nhân từ 70-81 tuổi. Những vị nào uống một lượng nhỏ rượu mỗi ngày thì ít bị hư hao nhận thức hơn là nữ nhân không uống.

Nhưng uống quá nhiều thì bị suy giảm khả năng học hỏi, cất giữ và nhớ lại sự việc.

#### **5- Rượu xoa dịu tâm trạng**

Một chút rượu có thể làm giảm sự bồn chồn, lo lắng hoặc tạo một cảm giác thân thiện giữa con người với con người. Cho nên trong những bữa ăn giao tế, một ly rượu là vật xúc tác tốt đưa đẩy cho việc thảo luận công kia việc nọ. Nhưng phải luôn luôn nhớ rằng:

“ Rượu lạt uống lăm cũng say;

Người khôn nói lăm dẫu hay cũng nhàm”

Tác dụng xấu của nhiều rượu

Chẳng phải thiên kiến, hẹp hòi nhưng tác hại của tiêu thụ quá nhiều rượu đã được nhìn thấy và nghiên cứu y khoa học chứng minh.

-Theo Viện Nghiên Cứu Ung thư Hoa Kỳ, có nhiều bằng chứng là nghiện rượu tăng rủi ro ung thư miệng, cuống họng, thanh quản và thực quản. Rượu cũng tăng rủi ro ung thư phổi nếu kèm theo với hút thuốc lá. Đôi khi rượu gây ung thư gan, đại tràng, nhũ hoa.

-Như đã trình bày ở trên, một chút rượu có thể tốt cho tim, nhưng liên tục nhiều “chút, chút” lại gây tổn thương cho trái tim nhỏ bé, đưa tới cao huyết áp, giãn yếu cơ tim, suy tim rồi tai biến não. Uống nhiều rượu cũng tăng chất béo triglyceride trong huyết quản.

-Gan có nhiệm vụ chuyển hóa rượu để loại ra khỏi cơ thể. Tiêu thụ nhiều rượu khiến cho gan suy yếu, tổn thương, đưa tới các bệnh như gan nhiễm mỡ, viêm gan, xơ cứng gan rồi ung thư gan.

- Uống nhiều rượu đưa đến nguy cơ suy dinh dưỡng. Lý do là rượu chỉ cung cấp một số năng lượng còn chất dinh dưỡng lại rất ít. Uống một lon bia có thể giúp ăn ngon hơn, nhưng uống dăm lon là no bụng, dạ dày không còn chỗ cho thực phẩm. Ngoài ra, nếu uống rượu nhiều, đi tiểu nhiều, lại thêm ói mửa tiêu chảy mất hết sinh tố, khoáng chất. Thế là thiếu dinh dưỡng với nhiều hậu quả khôn lường.

-Tiêu thụ nhiều rượu khiến phản ứng thần kinh chậm lại, kém tập trung và giảm khả năng phán xét. Uống thêm, người tiêu thụ trở nên hung bạo, gây gổ, mất tự chủ. Hậu quả là đã thương, tai nạn xe cộ, tử vong...

-Nhiều rượu cũng đưa tới nghiện ngập, viêm loét dạ dày, giảm khả năng tình dục, rối loạn dây thần kinh ngoại vi, thay đổi chức năng trí tuệ, thiếu máu, khuyết tật trẻ sơ sinh khi mẹ có thai lại uống rượu, mệt mỏi sau say sưa, béo bụng...

## Kết luận

Ở đời, xét cho cùng lý, thì mọi sự đều phúc đấy, họa đấy, tùy theo sự khôn khéo lựa chọn, quyết định của con người.

Bia rượu có cả từ nhiều ngàn năm. Người uống cũng nhiều mà người không cũng chẳng ít. Hậu quả tốt cũng có, mà xấu đẽm cũng chẳng xuể.

Nhà dinh dưỡng lão thành Từ Giáy đã ví tâm trạng người uống rượu với mấy con thú vật. Uống vừa phải thì hớn hờ như con công, thêm chút nữa thì cho là khỏe như sư tử, thêm vài ly thì huyên não như con khỉ đẽ rồi tới khi say thì nằm gục ngủ khì như con heo. Uống như vậy thì đâu có ích gì.

Cho nên, nếu biết cân nhắc, lấy sự chừng mực, điều độ và có giới hạn làm kim chỉ nam, thì chắc là sẽ “phúc sẽ nhiều hơn họa” và cuộc đời chắc sẽ nhiều mùa Xuân bình an. Bằng như ngược lại, sử dụng bừa bãi, không kiểm chế thì chắc chắn không bao lâu sẽ dẫn đến cảnh “họa vô đơn chí”, mà cuộc đời vì thế cũng vui ít, buồn nhiều, bệnh tật cũng vô số kể.

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức

[www.bsnguyenyduc.com](http://www.bsnguyenyduc.com)

<http://www.youtube.com/user/Drnguyenyduc/videos>

## VỀ MỤC LỤC

### **Giáo sĩ: xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân**

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gởi về địa chỉ

[giaosivietnam@gmail.com](mailto:giaosivietnam@gmail.com)

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ võ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc “Trợ lực Giáo sĩ” bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những “Linh mục” không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ... (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quy vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại

[www.conggiaovietnam.net](http://www.conggiaovietnam.net)

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quý vị

Xin chân thành cảm ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thể khác nhau.

**TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam**

**Lm. Luca Phạm Quốc Sử USA**